



4 • 2014

ĐẠI ĐẠO VĂN UYỂN

NXB TÔN GIÁO



HUỆ KHẢI CHỦ BIÊN

ĐẠI ĐẠO VĂN UYỂN

TẬP TRÌNH – GIÁP NGỌ 2014 = 12 CHƯƠNG TRÌNH CHUNG TAY ẤN TỔNG KINH SÁCH ĐẠI ĐẠO



TG NHÀ XUẤT BẢN TÔN GIÁO



Chùa Linh Mục. Ảnh: Lưu Ly (18-5-2008)
Xem bài BS. Nguyễn Anh Huy, trang 143.



Tháp Phước Duyên. Ảnh: Bùi Thụy Đào Nguyên (31-5-2013)
Xem bài BS. Nguyễn Anh Huy, trang 143.



Tiền bối Thiên Huyền Minh
thế danh Hồ Quang Sớm (Cần Thơ 1908-1971)
quả vị MINH ĐỨC KIM TIỀN (Tân Hội 1971)
Xem bài hiện huynh Hồ Đạo Hạnh, trang 36.

Phụ bản 02



Lăng Đức Võ Tánh. Xem bài trang 13.
Ảnh: Nguyễn Đông Sơn (28-4-2010)

Phụ bản 01



Dẫn chương trình: Hiền tỳ Maria Lý Ngọc Anh,
Linh Mục Giuse Phạm Văn Bình, hiền huynh Đỗ Thế Hữu.



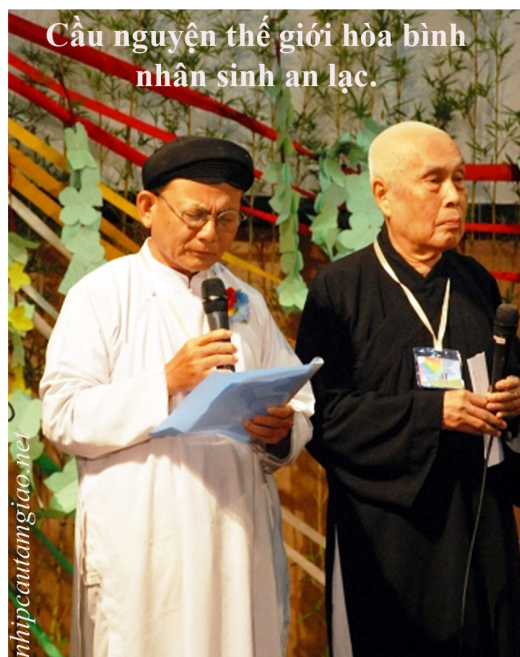
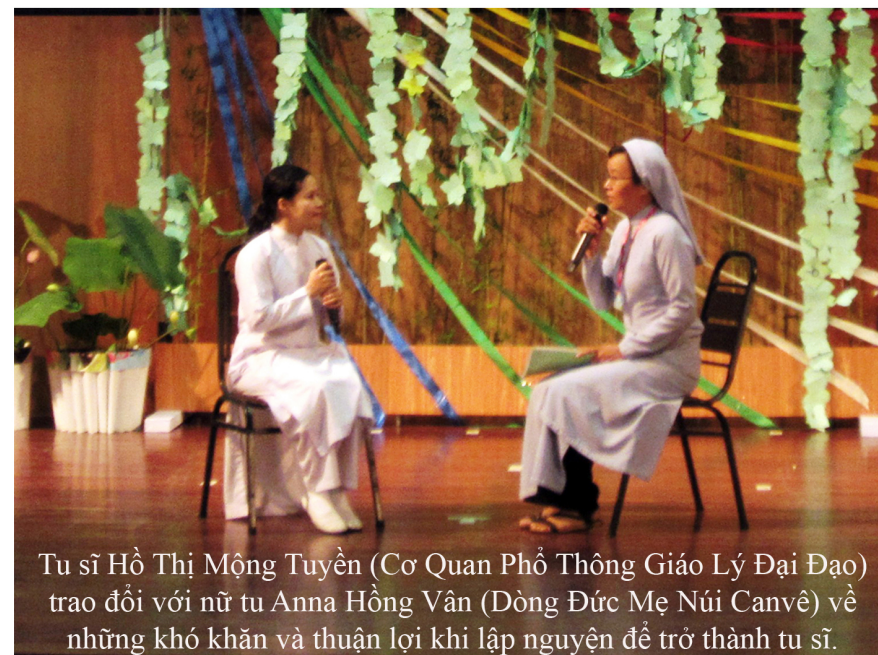
Ảnh: Cao Hoàng Phong

Phụ bản 04



Tháp tiền bối Thiên Huyền Minh (Hồ Quang Sớm, 1908-1971)
và mộ tiền bối Bạch Diệu Tâm (Nguyễn Thị Cơ, 1927-2013)
Xem bài hiền huynh Hồ Đạo Hạnh, trang 36.

Phụ bản 03



Phụ bản 06

Phụ bản 05

Hà Văn Phủ lòng thiên mới tới
Chôn Thiên Cung thơ thới nhẹ nhàng
Bớt đi mọi thứ vương mang
ĐẠT TRUYỀN tên thánh Lão ban cho hiền.

Đức **GIÁO TÔNG VÔ VI ĐẠI ĐẠO**
17-02 Đinh Hợi (15-4-2007)



ĐẠT TRUYỀN Hà Văn Phủ (1938-2014)
Minh họa: Cọ Trắng. Xem bài trang 162.

Phụ bản 08



Phối Sư THƯỢNG NHÂN THANH (Lê Văn Nhân, 1953-2014)
Hội Thánh Cao Đài Cầu Kho - Tam Quan (Bình Định)
Xem bài trang 161.

Phụ bản 07

ĐẠI ĐẠO TAM KỲ PHỔ ĐỘ
Chương Trình Chung Tay Ấn Tổng Kinh Sách Đại Đạo

HUỆ KHẢI *chủ biên*

ĐẠI ĐẠO
VĂN UYỂN
大道文苑

Hiệp tuyển thơ văn đạo lý
Tập TRINH (12) - năm Giáp Ngọ (quý Bốn 2014)

Nhà xuất bản TÔN GIÁO
Hà Nội 2014

MỤC LỤC

Giao Cảm — Văn Uyển 4

THÁNH GIÁO

Thức Tỉnh Hồn Người — Đức Lý Thái Bạch 7

Can Tràng Ngàn Thu — Đức Tổng Lý Đại Đồng 18

Nội Tình Cơ Đạo — Đức Lý Thái Bạch 19

Trau Luyện Thân Tâm — Đức Khương Thượng Tử Nha 23

Hồng Ân Thấy Ban... — Đức Ngọc Hoàng Thượng Đế 25

Thiên Chức Cao Đài — Đức Ngọc Hoàng Thượng Đế 35

KHẢO CỨU / SÁNG TÁC / TRAO ĐỔI

Hành Trạng Minh Đức Kim Tiên — Hồ Đạo Hạnh 36

Ý Nghĩa Cầu Nguyên — Truyền Trạng Thanh Căn 45

Tây Thăng Kinh Và Hóa Hồ Kinh — Lê Anh Minh 65

Thanh Tĩnh Kinh — Lê Anh Minh 79

Công Phu Tu Dưỡng Của Đức Khổng — Phùng Hữu Lan, Lê Anh Minh 87

Anthony de Mello (1932-1987) — Robert Ellsberg, Huệ Khải 99

Người Trí Thức Chân Chính Nguyễn Hiến Lê — Trần Văn Chánh 111

Từ Bói Toán Đến Dự Đoán Khoa Học... — Trần Văn Chánh 129

Văng Cảnh Linh Mụ — Bác Sĩ Nguyễn Anh Huy 143

Tam Thiên Linh Phù — Tử La Lan 147

Điều Tôi Học Từ Mẹ — Võ Văn Pho 151

Nhớ Bạn — Cát Tường 156

THƠ, NHẠC ÁO TRẮNG

Hai Bài Thơ Nhớ Mẹ – Dư Cung, Nghệ Thụy Tuyền,	
Trần Văn Chánh, Huệ Khải, Phạm Văn Liêm	94
Sometimes / Đôi Khi – Jenny Sharaf, Huệ Khải	106, 107
Giấc Mộng Trần Ai – Thiện Quang (nhạc)	108
Tôi Run Sợ Chỗ Không Người – Nguyễn Quốc Huân	142
Mùa Trăng Khai Đạo / Cổ Tích / Mùa Tu Ở Rẫy Cà Phê / Sang Bờ /	155
Theo Dấu Người Xưa / Chỉ Là Giấc Bướm – Trần Dã Sơn	... 181
Đi Tìm / Miền Xa Xôi – Huỳnh Văn Mười	182, 183, 185

ĐẾN VỚI NHAU

Người Đạo Cao Đài Tham Dự Hội Ngộ Liên Tôn Lần IV	159
– Cao Hoàng Phong	
Trao Nhau Niềm Vui – Huyền Chơn (thơ)	104
Tiểu Biệt Phối Sư Thượng Nhân Thanh (1953-2014)	161
Tiểu Biệt Hiền Huỳnh Đạt Truyền (1938-2014) – Ban Ấn Tống	162
Để Gió Cuốn Đi – Trúc Thảo	169
Nỗi Niềm Con Hiếu – Ban Ấn Tống	173
Hành Hương Con Tim – Dũ Lan Lê Anh Dũng	183
Gió Bốn Phương – Ban Ấn Tống	184
Kinh Sách Mới In / Phương Danh Ấn Tống	201, 204

ĐẠI ĐẠO VĂN UYÊN bản điện tử đã có, từ tháng 9-2014.

Quý đạo hữu có thể truy cập tại địa chỉ:

<http://www.tamgiaodongnguyen.com/IE/DaiDaoVanUyen.htm>

Thư từ, bài viết cộng tác với Văn Uyên xin gởi về địa chỉ:

daidaovanuyen@gmail.com

ĐẠI ĐẠO VĂN UYÊN tập TRINH (quý Bồn 2014) mang một tâm tư hướng về ngày kỷ niệm Khai Minh Đại Đạo (rằm tháng Mười Giáp Ngọ). Lúc này đây, đàn con áo trắng trĩu nặng lòng khi nhìn tuổi Đạo đang tiến đến trăm năm mà hiện tình cơ Đạo vẫn cứ ngổn ngang trăm mối!

Ôn học thánh giáo Đức Lý vào rằm tháng Mười Canh Thìn (14-11-1940), ngẫm nghĩ mà thấm thía, thấy lời Ngài dạy vẫn đúng với thực trạng nhà Đạo hôm nay:

“... động chuông cảnh tỉnh, đánh trống giác mê inh ỏi trong ba ngàn thế giới là Tam Kỳ Phổ Độ, mà coi lại nhơn sanh đương còn ngon ngủ, chỉặng một số ít người chợt tỉnh, nhưng cũng còn đương gục lên gục xuống, mơ mơ mộng mộng như kẻ không hồn, như con mất mẹ.”

Và Đức Giáo Tông thiết tha hỏi:

“Hỡi ôi! Đường gió bụi, nẻo chông gai, rồi ai cất gánh lên đường?”

Câu hỏi đó phải chăng dành cho những ai mỗi ngày cúng tứ thời vẫn luôn miệng niệm: *Nam mô nhứt nguyện Đại Đạo hoằng khai / Nhì nguyện phổ độ chúng sanh?*

Ôi! Những ai đã niệm và những ai hằng đau đầu đau phận mình rắng sức thực thi hai lời đại nguyện ấy trước Con Mắt Đức Chí Tôn?! Hay chỉ quen xem nhẹ những lời đại nguyện đó như là một “thủ tục”, một “nghỉ thức” thông thường để kết thúc một thời cúng!

**GIÁO
CẨM**

Cũng vậy, bài *Nội Tình Cơ Đạo* Đức Lý dạy năm Nhâm Thìn (1952) vẫn còn nguyên vẹn ý nghĩa cho hôm nay:

*Đạo khai kể cũng lâu ngày
Đạo tâm nhìn có mấy ai quyết tình.*

Ôn cố tri tân. Học lại thánh giáo năm xưa là để nhìn lại mình, tự biết mình và từ đó sẽ biết tiến thủ, vì Thầy luôn luôn hộ trì đàn con trung hiếu. Xin ôn học bài *Hồng Ân Thầy Ban Kỷ Niệm Ngày Khai Đạo* để lòng dạ lòng không vì một lý do gì mà nở dành bội bạc với Đức Đại Từ Phụ.

Đã khoác vào mình tấm áo trắng Kỳ Ba, là đã kết duyên với Đức Chí Tôn từ vạn thuở. Hơn lúc nào hết, hướng về một trăm năm đạo Cao Đài, xin hãy cùng nhau tâm niệm:

*Con nhất trí mà thờ vô ngã
Con muốn nên vất cả tư riêng
Thương nhau mới thiết có quyền
Tin nhau mới thấy phước duyên hòa bình.
Đây lắm bước tiền trình phải liệu
Gánh đạo đời nặng trĩu đôi vai
Thân con, thân của Cao Đài
Người con, người của Thầy sai xuống trần.⁽¹⁾*

Xin cầu nguyện cho nhau được bằng an và thanh tịnh, để tiến hóa tâm linh, để sáng danh Thầy và rạng danh Đạo.

VĂN UYÊN

⁽¹⁾ Đức Chí Tôn, Trung Hưng Bửu Tòa (Đà Nẵng), 12-02-1956.

ĐẠI ĐẠO TAM KỲ PHỔ ĐỘ



“Lâu nay, nhận thấy phần đông chư hiền đệ muội tụng đọc Ngũ Nguyên ở những câu:

Nhứt nguyện Đại Đạo hoằng khai, nhưng cứ ngồi khoanh tay chờ đợi quyền năng vô hình nào để đến hoằng khai cho mình.

Nhì nguyện phổ độ chúng sanh, nhưng cứ thu hình trong cái vỏ ốc ích kỷ ngàn đời và chờ đến phép mầu vô lượng nào đó để đến cứu rỗi mình.

. . . Muốn hoằng khai cho thiên hạ biết được Đạo, phải qua trung gian của thiên hạ, tức là con người, là chư Thiên mạng có trọng trách thế Thiên hành đạo. Thế Thiên hành đạo không phải chỉ ở hàng chức sắc, chức vụ phẩm vị cao, mà bất cứ ai có tâm thành vì Đạo, có nhận thức đạt được lý Đạo, đều có thể hoằng khai với bất cứ hình thức nào.”

Đức **ĐÔNG PHƯƠNG CHƯỜNG QUẢN**

*Trúc Lâm Thiền Điện, 17 rạng 18-7 Canh Tuất (18-8-1970) **

* Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý Đại Đạo, *Thánh Giáo Sư Tập Năm Canh Tuất - Tân Hợi (1970-1971)*. Hà Nội: Nxb Tôn Giáo 2011, tr. 108, 109.

THỨC TỈNH HỒN NGƯỜI

Thánh thất Trung Thành (Đà Nẵng)
ngày 15-10 Canh Thìn (thứ Năm 14-11-1940)

VÕ CÔNG TÁNH⁽¹⁾

Chào chư hiền Thiên sắc.⁽²⁾ Chào toàn thể nam nữ lưỡng ban.⁽³⁾ Tịnh tâm, tịnh đàn! Xông trầm, khử trừ! Trật tự! Ai lộn xộn phạt à! Thôi, tiếp lĩnh Lý Giáo Tông.

TIẾP ĐIỀN

LÝ THÁI BẠCH

Chào chư hiền đệ. Chào toàn thể nhơn sanh nam nữ. Thành tâm nghe dạy!

Thế giới đi đến cuộc điêu tàn. Biển gò sông núi, nhơn loại bước chon lên đường thống khổ, gió đạn mưa tên. Than ôi! Còn đâu hạnh phúc, hòa bình! Còn đâu nhơn tâm,

Huệ Khải chú thích:

⁽¹⁾ **Võ Công Tánh**: Tức là danh tướng Võ Tánh (?-1801). Xem phụ lục cuối bài thánh giáo này.

⁽²⁾ **Thiên sắc** 天色: Thiên ân chức sắc.

⁽³⁾ **Lưỡng ban** 兩班: Hai ban chức sắc, chức việc và tín đồ khi hành lễ trước Thiên Bàn: ① nam (phía bình bông trên Thiên Bàn) và ② nữ (phía đĩa trái cây trên Thiên Bàn).

thế đạo!⁽⁴⁾ Đau khổ mà nhơn loại còn đeo đai trong vòng tư dục,⁽⁵⁾ say mê trên giấc mộng trường.

Mười bốn năm nay,⁽⁶⁾ động chuông cảnh tỉnh, đánh trống giác mê inh ỏi trong ba ngàn thế giới là Tam Kỳ Phổ Độ, mà coi lại nhơn sanh đương⁽⁷⁾ còn ngon ngủ, chỉ đặng một số ít người chợt tỉnh, nhưng cũng còn đương gục lên gục xuống, mơ mơ mộng mộng như kẻ không hồn, như con mắt mẹ.

Hỡi ôi! Đường gió bụi, nẻo chông gai, rồi ai cất gánh lên đường? Nhơn loại còn phải lắm nỗi thảm thê đau khổ!

Đạo đức. Đạo đức là phương thuốc tận thiện tận mỹ⁽⁸⁾ để làm cho phiền não trở ra bồ đề,⁽⁹⁾ đời khổ não trở nên hạnh phúc, thế giới bị quan trở nên lạc quan.

Than ôi! Đạo đức mê hoặc, đạo đức giả dối là phần nhiều. Mượn đạo đức để cầu cho đặng phước đặng tài,⁽¹⁰⁾

⁽⁴⁾ **Thế đạo** 世道: Đạo lý ở đời.

⁽⁵⁾ **Tư dục** 私欲: Ham muốn ích kỷ, riêng tư.

⁽⁶⁾ **Mười bốn năm**: Từ lúc Khai Minh Đại Đạo (rằm tháng 10 Bính Dần, 1926) tới lúc Đức Lý dạy bài này (rằm tháng 10 Canh Thìn, 1940).

⁽⁷⁾ **Đương**: Đang.

⁽⁸⁾ **Tận** 盡: Rất, lắm. **Tận thiện tận mỹ** 盡善盡美: Hết sức tốt đẹp, hoàn hảo (perfect).

⁽⁹⁾ Đức Mẹ dạy: *Đất phiền não bồ đề vun xới / Lìa thế gian sao tới niết bàn.* (Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý, 13-8 Kỷ Mùi)

⁽¹⁰⁾ **Đặng tài**: Có được tiền bạc.

hết đau hết khổ; rủi không y lời nguyện, sanh lòng sè sọt
lãng loi, trở lại nghịch thù đạo đức.

Mấy ai hiểu cái chân chính đạo đức là tu thân. Thân ai
thân nấy đều tu thì gia đình hòa thuận. Quốc gia xã hội
đặng hòa bình thì thế giới đại đồng. Chừng ấy đâu còn
chiến tranh xâm lược, cướp bóc giết giành. Không có thể
giới cường quyền thì đâu còn nô lệ. Trở nên thế giới nhà
chung, đời sống của nhân loại thế này, ngấm ra ⁽¹¹⁾ mới có
phần thú vị.

Ở vào thời kỳ này, nói theo thuyết chân chính đạo đức,
ai khỏi cho là ảo tưởng. Nhưng phải biết rằng trên đời
chẳng có gì khó, có chí rồi nên, hướng hồ là xưa nay muốn
khai hóa một phương pháp gì cũng phải trải qua những thời
kỳ trái ngược.

NGÂM

*Khuyên đời học chí Ngu Công
Mặc dầu Trí Tẩu đem lòng cười chê.* ⁽¹²⁾

BÀI

Đời phải cuộc bể dâu ⁽¹³⁾ *thay đổi*

⁽¹¹⁾ **Ngấm ra:** Xem ra.

⁽¹²⁾ **Ngu Công, Trí Tẩu:** Xem phụ lục cuối bài thánh giáo này.

⁽¹³⁾ **Bể dâu:** Do thành ngữ **thương hải tang điền** 滄海桑田:
Biển xanh và ruộng dâu. Ý nói ruộng dâu biến thành biển
xanh, hoặc ngược lại, ám chỉ biến cố thay đổi lớn lao ở đời; từ
đây mà nói tắt là *tang thương* hoặc nói *bể dâu*.

*Người trong cơn chìm nổi bơ vơ
Năm châu thắng bại cuộc cờ
Nổ bùng một trận côi bờ tả tơi.*

*Lòng tư dục ghen trời trách đất
Miếng đỉnh chung* ⁽¹⁴⁾ *đổi vật thay hình
Nổ rân lượn sóng bất bình
Phập phồng bể Bắc, gập ghình trời Đông.*

Thây ma đối chất chồng đường sá ⁽¹⁵⁾
*Quỷ không đầu rỉ rả khóc than
Đêm đông tiếng kẻ bên đàng
Nỗi lo thiếu mặc, nỗi bần* ⁽¹⁶⁾ *thiếu ăn.*

*Trường danh lợi đua chen lẫn lướt
Lên võ đài mạnh được yếu thua
Chen nhau kẻ bán người mua
Vị thân phải lấm nổi chua chát lòng.*

*Lại còn mắc trong vòng chế độ
Sóng cường quyền đập đổ dân đen*

⁽¹⁴⁾ **Đỉnh chung** 鼎鐘: *Đỉnh* là cái vạc để nấu ăn, *chung* là
chuông. Ngày xưa nhà giàu lớn có rất đông người, phải nấu
com bằng vạc; tới giờ ăn phải đánh chuông để tập hợp mọi
người. **Miếng đỉnh chung:** Cuộc sống quyền thế, sang giàu.

⁽¹⁵⁾ Có lẽ là lời tiên tri nạn đói năm Ất Dậu (1945).

⁽¹⁶⁾ **Bần:** Bần bạc, bần luận.

Trần ai lấm nổi nhọc nhằn
Vui chi hơn loại, nằng nằng ⁽¹⁷⁾ say sưa!

Khổ nổi khổ còn chưa kinh hãi
Người giết người bằng cái lương tâm
Lỡ chơn, sĩa bẫy ⁽¹⁸⁾ sa hầm
Chùng hay vực thăm đã nhằm hang sâu.

Xót hơn loại ăn sâu nuốt thẳm
Động từ tâm hoài cảm Chí Tôn
Sông mê giục trống tỉnh hồn
Giác mê khai ngộ bảo tồn linh sanh.

Lửa phiền não Nam thành hực hực
Nước cam lồ rưới tắt không không
Cho dân Nam Việt thỏa lòng
Hòa bình lập trụ, đại đồng trúc cơ. ⁽¹⁹⁾

Giọt mưa thánh gọi nhuần bốn bể
Ngút mây lành theo về năm châu
Thái bình đất Á trời Âu
Hưởng chung hạnh phúc trong bầu càn khôn. ⁽²⁰⁾

⁽¹⁷⁾ **Nằng nằng**: Một mực đeo bám, không chịu bỏ đi.

⁽¹⁸⁾ **Sĩa bẫy**: Sập bẫy, sa chân vào bẫy, lọt bẫy.

⁽¹⁹⁾ **Trúc cơ** 築基: Xây nền đắp móng, xây dựng nền tảng.

⁽²⁰⁾ **Càn khôn** 乾坤: Vũ trụ, thế giới, trời đất.

Nhưng than ôi! Đời còn đau khổ
Thảm thiết thương quốc độ ⁽²¹⁾ Nam này
Nhơn tâm tan rã bạn bấy
Lòng đầy bản ngã, dạ đầy tư tâm.

Trải qua mười mấy năm khai hóa,
Trong ba kỳ ⁽²²⁾ truyền bá chưa xong
Kẻ hướng đạo ⁽²³⁾ chưa hết lòng
Kẻ vì thiếu đức, người không đủ tài.

Người tin đạo tin sai, tưởng quấy
Vái Phật Trời xin thấy huyền linh
Đổi thành niệm sám, tụng kinh ⁽²⁴⁾
Cầu qua tai nạn, cầu xin phước tài.

Lại có kẻ đứng ngoài bình phẩm
Chê chỗ buồn qua ngắm chỗ vui
Có người đợi vận chờ thời
Sám xưa thì cũ, rung đùi ngâm nga.

⁽²¹⁾ **Quốc độ (thổ)** 國土: Đất đai quốc gia, lãnh thổ quốc gia.

⁽²²⁾ **Ba kỳ**: Thời Pháp thuộc, Việt Nam bị giặc chia làm ba miền, gọi là Bắc Kỳ (Tonkin), Trung Kỳ (Annam), Nam Kỳ (Cochinchine).

⁽²³⁾ **Hướng đạo** 向导: Người dẫn dắt đạo hữu.

⁽²⁴⁾ **Đổi thành niệm sám, tụng kinh**: Lấy việc tụng niệm kệ kinh, sám hối... để hồng đổi chác với Trời Phật trong việc cầu xin được ban ơn thỏa mãn tham dục tư riêng.

*Đời có lắm người mà như thế
Đời bảo sao không tẻ, không hư
Ai ra gánh vác bấy chừ? ⁽²⁵⁾
Có thân có nợ, nợ đời nợ chung.*

*Đem đạo đức sửa lòng nhơn loại
Vững đức tin cứng cỏi như đồng
Chim còn ngậm đá lấp sông ⁽²⁶⁾
Trên đường đạo đức, dắt cùng nhau lên.*

Đại đồng lo gắng đắp nền.

Thôi. Ta chào lui.

Phụ lục 1

VÕ CÔNG TÁNH

Võ Công Tánh hay Võ Tánh 武性(?-1801) là một danh tướng có công giúp Chúa Nguyễn Phúc Ánh (1762-1820) chống nhà Tây Sơn. Ông tuấn tiết 殉節 trước khi nhà Nguyễn chính thức thành lập. Ông cùng Đỗ Thanh Nhơn

⁽²⁵⁾ **Bây chừ:** Bây giờ, lúc này.

⁽²⁶⁾ Bị chết đuối ở biển Đông, con gái Viêm Đế là Nữ Oa hóa thành chim **Tinh Vệ** 精衛, thường ngậm đá ở núi Tây bay ra lấp biển Đông. Trong bài thánh giáo này, Đức Lý nhắc tới tích chim Tinh Vệ để nói tới ý chí bất khuất của những người muốn lấp biển đời non. Bậc Thiên ân hướng đạo Kỳ Ba của Đức Chí Tôn cần có ý chí đó mới mong thi hành được mệnh Trời.

(?-1781) và Châu Văn Tiếp (1738-1784) được tôn là *Gia Định Tam Hùng* (ba vị anh hùng đất Gia Định).

Căn cứ *Việt Nam Sử Lược*, quyển II, của Trần Trọng Kim (Sài Gòn: Trung Tâm Học Liệu xb, 1971), lược trích một số sự kiện nổi bật của danh tướng Võ Tánh như sau:

Võ Tánh người Biên Hòa, hùng cứ ở Vườn Trầu (Gia Định), sau lại về Gò Công, thủ hạ mấy vạn người. Lúc Nguyễn Vương đóng ở Nước Xoáy [Sa Đéc], vào tháng 4 năm Mậu Thân (1788) Võ Tánh đem thuộc tướng và quân lính về với Nguyễn Vương, được phong làm Tiền Phong Dinh Chương Cơ và được Nguyễn vương gả em gái là công chúa Ngọc Du. (tr. 148) Từ đó, Võ Tánh lập nhiều chiến công giúp Nguyễn Vương.

Tháng 3 năm Kỷ Mùi (1799) Nguyễn Vương đem đại binh ra đánh Quy Nhơn lần thứ ba; hai tháng sau chiếm được thành Quy Nhơn, đổi tên là thành Bình Định. Khi kéo quân về Gia Định, Nguyễn Vương sai Võ Tánh và Ngô Tùng Châu [?-1801] ở lại giữ thành Bình Định. (tr. 157-158)

Tháng Giêng năm Canh Thân (1800), hai tướng Tây Sơn là Trần Quang Diệu và Vũ Văn Dũng kéo quân vào giành lại thành Bình Định. [Với chủ ý cầm chân đại quân Tây Sơn để quân Nguyễn Vương dễ đánh chiếm nơi khác] nên Võ Tánh chỉ cố thủ, không ra đánh. Quang Diệu bèn sai đắp lũy chung quanh thành, vây chặt bốn mặt. (tr. 159)

Nghe tin thành Phú Xuân thất thủ, mà cho quân Tây Sơn từ Bình Định ra cứu lại thất bại, Trần Quang Diệu nổi giận, ngày đêm ráo riết đốc thúc quân lính đánh thành Bình

Định. Bị vây hãm lâu ngày, trong thành hết cả lương thực, liệu bề không thể chống giữ được nữa, Võ Tánh bèn viết thư cho Trần Quang Diệu nói: “Phận sự ta làm chủ tướng, thì đành liều chết ở dưới cờ. Còn các tướng sĩ không có tội gì, không nên giết hại.”

Võ Tánh sai người lấy rơm cỏ chất ở dưới lầu bát giác, đổ thuốc súng vào rồi tự thiêu. Ngô Tùng Châu uống thuốc độc tự tử. Cảm phục khí tiết ấy, Trần Quang Diệu vào thành tha hết cho các tướng sĩ nhà Nguyễn và sai làm lễ liệm táng Võ Tánh và Ngô Tùng Châu tử tế. (tr. 162)

Phu nhân Võ Tánh (công chúa Ngọc Du) khóc chồng:

*Những tướng ra tay giúp nước nhà
Ai dè binh địa nổi phong ba
Xót người vị quốc liều thân ngọc
Khiến thiếp cô phòng ủ mặt hoa
Gối mộng mơ màng duyên nợ cũ
Đài mây xiêu lạc phách hồn xa
Lửa trung đốt đỏ gương hào kiệt
Nóng ruột thiên duyên giọt lệ sa.*

Tướng nhớ Võ Tánh, ca dao Bình Định có câu:

*Ngó lên ngọn tháp Cánh Tiên
Cảm thương quan Hậu thủ thiềng ba năm.*

Thủ thiềng là thủ thành, giữ thành Bình Định. Tháp Cánh Tiên là tháp cũ của người Chăm. Ngày nay mộ Võ Tánh nằm ở thị xã An Nhơn, tỉnh Bình Định. Xem **phụ bản 01**: ảnh tháp Cánh Tiên và mộ Đức Võ Tánh.

Phụ lục 2

NGU CÔNG DỜI NÚI

Ngu Công di sơn 愚公移山

Sách *Liệt Tử* 列子 kê: Phía nam châu Ký 冀 có hai quả núi Thái Hàng 太行 và Vương Ốc 王屋 to bảy trăm dặm, cao muôn thước, cây cối rậm rạp, ác thú lại nhiều, đi lại khó khăn. Ở chân núi có nhà của cụ Ngu Công,⁽²⁷⁾ chín mươi tuổi. Một hôm cụ họp cả vợ con, người nhà lại bàn: “Ta muốn cùng các người hết sức bạt phẳng hai quả núi này thì có nên không?”

Ai nấy đều thuận, riêng người vợ hỏi: “Sức ông không bạt nổi một cái gò, làm thế nào bạt được hai quả núi? Mà dù cho có sức bạt được nữa, thì đất đá đem đi đâu?”

Ngu Công nói: “Mang đổ xuống biển Đông.”

Ngu Công đem con cháu cùng cả họ ra phá núi. Kẻ đục đá, người đào đất, kẻ đầu đội, người vai mang, hết ngày này sang tháng khác. Láng giềng có người đàn bà góa và đứa con tám tuổi cũng xin góp sức phụ giúp.

Cụ Trí Tẩu⁽²⁸⁾ trong vùng thấy vậy, cười Ngu Công: “Sao khờ dại vậy! Mình thì tuổi tác, núi thì cao lớn, phá thế nào nổi!”

⁽²⁷⁾ *Ngu Công* 愚公: Người đàn ông ngu, không khôn ngoan.

⁽²⁸⁾ *Trí Tẩu* 智叟: Ông lão (tẩu) có trí khôn, sáng suốt.

Ngu Công nói: “Người không bền lòng. Bền lòng thì việc gì cũng phải được. Người không bằng người đàn bà góa và đứa trẻ thơ. Ta già, ta chết, đã có con ta. Hết đời con ta, đã có cháu ta. Hết đời cháu ta, đã có chắt ta. Con con cháu cháu sinh hạ vô cùng mà núi thì bao giờ cũng vậy, lo gì không bạt nổi.”

Trí Tâu nghe nói, nín lặng.

Sau này vùng nam châu Ký không có núi non chướng ngại, đi lại thuận tiện là nhờ có Ngu Công.

*

Cổ Học Tinh Hoa của hai soạn giả Ôn Như Nguyễn Văn Ngọc (1890-1942) và Trần Lê Nhân bình luận (trích):

Ta không tưởng tượng rõ núi Thái Hàng và núi Vương Ốc to lớn thế nào. Ta chỉ biết ở cái đời Ngu Công bấy giờ chưa có máy móc tinh xảo như bây giờ, mà đã bạt được núi, thì giỏi thật. Lại không kể phải thuê hàng nghìn vạn người để làm, chỉ người trong một nhà, một họ và ít người lân cận giúp tay vào mà cũng làm nổi. Ôi! Nếu quả như vậy, thì cái gương kiên nhẫn của Ngu Công thực đáng để truyền lại mãi cho muôn nghìn đời về sau này. Và chẳng chỉ một câu Ngu Công nói với Trí Tâu, cũng nên ghi nhớ lắm. Sự kiên tâm không phải chỉ hạn chế trong một đời, nhưng cứ tiếp luôn đời ấy, đời khác, theo đuổi mãi thì ở đời còn có gì gọi là khó được nữa.

VĂN UYÊN

CAN TRÀNG NGÀN THU

Việc công quả là dành âm chất
Lối thực hành là nấc thang cao
Dầu ai tráo chác đổi trao
Để gì thoát khỏi sa vào luật công.

Việc thất bại thành công chưa ắt
Hết sức mình mới đắc ý Thiên
Điều cần là chí nhẫn kiên
Ấy con đường sáng tìm Tiên non Bồng.

Làm sao được Tây Đông tiếp tục
Đó là xây hạnh phúc trời Nam
Tay Tiên đã dắt người phàm
Mong sao chừ đệ cố làm cho nên.

Thánh báng đã tuổi tên ghi để
Nhơn sanh đang bước trẻ thời kỳ
Đạo đời hai lối hoài nghi
Đạo mau dung hiệp cứu nguy cho đời.

Đêm thanh vắng đôi lời tâm huyết
Hỡi ai ôi! Có biết cho chăng?
Non sông một gánh quai quần
Ngàn thu vẫn một can tràng mà thôi.

Đức **TỔNG LÝ ĐẠI ĐỒNG**

*Hườn Cung Đàn (Tam Giáo Điện Minh Tân)
Tý thời, 01-9 Tân Sửu (10-10-1961)*

NỘI TÌNH CƠ ĐẠO

Thánh thất Từ Vân (Quảng Nam)
ngày 21-01 Nhâm Thìn (thứ Bảy 16-02-1952)

THI

*Đại Đạo truyền ban cứu mạt đời
Cứu người lặn hụp bến trần vơi
Đưa lên bờ giác tìm quê lại
Chớ đắm lợi danh uống kiếp người.*

Cười...

LÝ THÁI BẠCH

Chào chư hiền đệ. Bần Đạo cho phép các hiền đệ nhập đàn nghe dạy.

THI BÀI

*Hôm nay gặp gỡ hỏi chào
Để lời khuyên nhủ âm hao ⁽¹⁾ sự tình.
Đời gặp lúc nghiêng chính bó buộc
Đạo gặp hồi thời cuộc đổi thay
Đạo khai kể cũng lâu ngày
Đạo tâm nhìn có mấy ai quyết tình.*

⁽¹⁾ Âm hao 音耗: Tầm hơi, tin tức.

*Đạo hữu sao công trình chưa gắng
Đạo pháp tu chưa đặt bao nhiêu
Đạo hồi gặp lũ ma yêu
Cản ngăn cám dỗ đã xiêu lắm người.*

*Lão thấy tu nín cười không được
Tu sao mà xuôi ngược cầu an
Gặp ma sợ nó đón đàng
Đang tâm ⁽²⁾ mua chuộc bạc vàng lợi danh.*

*Ai là kẻ đàn anh đàn chị
Ai là người biết nghĩ biết lo
Ai không sợ bước gay go
Ai từng chịu đựng đôi no vãng lòng?*

*Ai biết đục biết trong mà lựa
Ai biết Thầy mới chữa bệnh lành
Ai từng chiến đấu ma ranh ⁽³⁾
Để đi cho tới cõi lành là ai?*

*Thức tỉnh người Bồng Lai trở bước
Bước đường lành đưa rước người tu
Công trình, công quả, công phu
Có ngày cá được hóa cù ⁽⁴⁾ chớ chơi.*

⁽²⁾ Đang tâm: Nỡ lòng, đành lòng.

⁽³⁾ Ma ranh: Ranh ma, tinh ma, quỷ quái.

⁽⁴⁾ Cá được hóa cù: Cá chép hóa rồng; phàm thành Tiên Thánh.

Này các đệ! Từ nay các đệ cũng nên tu cho được nhiều hơn nữa vì Đạo khai đã được hai mươi bảy năm rồi.⁽⁵⁾ Trải qua một khoảng đường khá dài mà trông lại thì không được mấy người quyết tâm tu tĩnh để hầu giải thoát cho mình, cho đời rồi tô điểm thêm vào sự quang minh rực rỡ cho nền Đại Đạo.

Cớ sao Lão chỉ thấy các đệ tu chùng tu đổi,⁽⁶⁾ kể tháng kể ngày, tính cho nhiều năm mà công quả công phu chưa đầy một bụm! Nghĩ cũng đáng thương mà cũng đáng buồn cho số phận của các đệ còn đầy nghiệp chướng, còn nặng lòng phàm, còn ưa danh sắc, còn lấm vô minh, còn đầy chướng ngại, còn nhiều phiền não, còn thích đỉnh chung,⁽⁷⁾ còn ưa sống nhục, còn ý cầu an. Vì thế mà ma lòng được trớn dậy lên nhiều hại tâm linh, dắt đưa ra xa lẩn cửa Đạo.

Lão thấy lạ quá! Mà cũng lạ thật! Hồi mới nhập môn cầu Đạo thì tâm chí lại được gần Thầy. Còn tu lên một ngày, một tháng, một năm cho đến nhiều năm thì bước tu lại lần lần dang xa cửa Đạo, rồi gần như không khác chi kẻ tục, chỉ còn giữ ba miếng chay, ít ngày cúng là nhiều, chớ có kẻ

⁽⁵⁾ Tính từ lúc Khai Đạo (1926), thì khi Đức Lý dạy bài này (1952) là năm Đạo thứ hai mươi bảy.

⁽⁶⁾ **Tu chùng tu đổi:** Tu cầm chừng, có mức độ, chứ không dốc hết tâm chí ra tu hành cho đến chỗ rốt ráo.

⁽⁷⁾ **Đỉnh chung** 鼎鐘: *Đỉnh* là cái vạc để nấu ăn, *chung* là chuông. Ngày xưa nhà giàu lớn có rất đông người, phải nấu cơm bằng vạc; tới giờ ăn phải đánh chuông để tập hợp mọi người. **Đỉnh chung:** ① Gia đình quyền thế, giàu có (*wealthy and powerful family*). ② Cuộc sống sang giàu (*luxurious life*).

chi giới luật, có nhớ gì sự chung gánh nặng nề, chung mùi vui khổ, chung sự đắp xây, chung phần trách nhiệm! Thế thì sai lạc biết bao!⁽⁸⁾

Này các đệ ôi! Bước đường phải đi từ nơi u ám, đến chỗ quang minh, chớ không nên đi từ chỗ quang minh trở lại nơi u ám, hay đi vào hắc ám.

Nếu muốn đi từ nơi u ám đến chỗ quang minh, ta phải lo hết lòng giữ Đạo thờ Thầy. Tin cho quả quyết thì Thầy mới gần gũi ta, dịu dặt ta và an ủi ta, chỉ dẫn cho ta một con đường xán lạn cao quý.

Có Thầy gần ta, ta mới vững tâm mà đi, vững tâm để chiến đấu. Chiến đấu với ma lòng quỷ thân. Chiến đấu với lục đục thất tình, với sắc tài tử khí, với ăn với mặc của mình, và chiến đấu với hoàn cảnh chung quanh và ma chướng bên ngoài.

Còn chiến đấu thì còn đi và đi mau, mà đi một cách ngang tàng tự đắc và tin ở nơi ta có mãnh lực Thần Tiên, có oai quyền Thượng Đế thì ta đâu có sợ. Đã không sợ thì đâu có chịu đầu hàng bọn ma vương bá đạo. Vậy các đệ nhớ và tuân theo.

Thôi, các đệ tinh thần dũng mãnh lo tu. Lão sẽ gần gũi giúp đỡ cho. Chào các đệ. Thăng.

⁽⁸⁾ Xem thêm bài *Gần Và Xa*, trang 35-38 quyển *Nẻo Về Tâm Linh*, của Huệ Khải (Nxb Tôn Giáo 2014). Quyển 84-1 trong Chương Trình Chung Tay Ấn Tổng Kinh Sách Đại Đạo.

Huệ Khải chú thích

TRAU LUYỆN THÂN TÂM

Thánh thất Thái Hòa (Quảng Nam)
ngày 14-4 Ất Mùi (thứ Bảy 04-6-1955)

THI

*KHUÔNG an cũng đợi một thời qua
THƯỢNG đức đương mưu một chữ hòa
TỬ sĩ quyết tu công quả vẹn
NHA đường pháp đạo được trao qua.*

Lão Thần ghé bước vào đàn để lời chào chư hiền, chư đạo tâm và nhắc qua đôi điều yếu ước:⁽¹⁾

1. Cần lo trau luyện thân tâm.
 2. Ngày ngày cầu nguyện Đức Chí Tôn ban ân điển cho thánh địa Nam bang thoát cơ tự diệt.
 3. Các nhánh phái trong nền Đại Đạo ráng lo hiệp hòa gấp đi. Nếu ai còn bản ngã tự chuyên thì Đạo Thầy sẽ chuyển qua nơi khác, ngồi gần miệng giếng mà e chết khát.
- Các hiền, các đạo tâm còn mong gì? Đợi gì? Còn chia phe tách phái mà làm gì? Đã phạm phải Pháp Chánh Truyền mà sa vào bả Phong Thần của ngày Long Hoa Tam Hội. Nói đó, các hiền tìm hiểu.

⁽¹⁾ *Yếu ước* 要約: Giản lược mà quan trọng.

(. . .)

Quyền ôi! Thế ôi! Quyền thế làm cho trễ bước nhơn sanh. Nếu Đạo trễ một ngày là hại cho nhơn sanh một ngày. Mà hại cho nhơn sanh, các tay lãnh đạo không phải dễ. Luật Thiên điều không một mảy qua được.

Lão Thần đáng buồn! Vậy chư hiền phải cầu khẩn nơi Giáo Tông mà xin mở Ngọc Hư Cung để cầu truyền đạo pháp gấp đi.

Ngày giờ đen tối đã đến, cát chạy đá bay, không biết sớm mà phòng. Bao nhiêu sanh linh sẽ bị đè dập trong cơn khói lửa.

Bảng Phong Thần đã gần đủ các Thần, ngày hội Quân Tiên cũng tới. Các hiền ráng cầu nguyện cho lắm nơi Giáo Tông, nhờ người rộng xét. Nếu được sẽ cầu xin bố điển. Lão sẽ về bây giờ mà xin cho.

Chào chư hiền.

Bốn Thánh mong sao các môn đồ nam nữ đừng thờ ơ với trách vụ. Khi gặp phải những cơn thử thách, cần kiên tâm bền chí và phải nhớ lấy điều căn bản để áp dụng trên bước đường sứ mạng thì mới mong gặt hái được nhiều kết quả. Đó là Nhân, Trí, Dũng, tuy thô sơ nhưng rất cần cho các môn đồ trong khi hành đạo.

ĐỨC KHỔNG THÁNH TIÊN SƯ, Huân Cung Đàn,
ngày 30 rạng 01-9 Nhâm Dần (thứ Sáu 28-9-1962)

HỒNG ÂN THẦY BAN KỶ NIỆM NGÀY KHAI ĐẠO

Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý Cao Đài Giáo Việt Nam
Tuất thời, ngày 15-10 Giáp Dần (Thứ Năm 28-11-1974)

Thông công: Bộ phận Hiệp Thiên Đài

Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý Cao Đài Giáo Việt Nam

Pháp đàn: Chơn Tâm ⁽¹⁾

Đồng tử: Hoàng Mai (xuất khẩu)

Độc giả (đọc phần sau): Bạch Tuyết ⁽²⁾

...

TIẾP ĐIỀN

BẠCH HẠC ĐỒNG TỬ

Tiểu Thánh chào chư Thiên ân sứ mạng. ⁽³⁾ Chào chư liệt

Huệ Khải chú thích:

⁽¹⁾ **Chơn Tâm:** Thế danh Nguyễn Triệu Kha (1908-1995), đắc quả Viên Thông Chơn Tiên.

⁽²⁾ **Bạch Tuyết:** Thế danh Lê Ngọc Trang (1918-1986), ái nữ tiền bối Ngọc Lịch Nguyệt (Lê Văn Lịch, 1890-1947). Tiền bối Bạch Tuyết đắc quả Quán Pháp Chơn Tiên.

⁽³⁾ **Thiên ân sứ mạng:** Người được hưởng ơn Trời có sứ mạng đem đạo vào đời, hoằng giáo, phổ độ...

vị đàn tiên. ⁽⁴⁾ Tiểu Thánh vâng lệnh Đức Từ Phụ đến trước báo đàn. Chư Thiên mạng ⁽⁵⁾ cùng chư liệt vị chỉnh trang nghi lễ tiếp rước. Tiểu Thánh chào chung. Xin xuất ngoại ứng hầu. Lui.

TIẾP ĐIỀN

**NGỌC HOÀNG THƯỢNG ĐẾ
KIM VIẾT CAO ĐÀI GIÁO ĐẠO NAM PHƯƠNG
THẦY CÁC CON ⁽⁶⁾**

Thầy mừng các con. Hôm nay các con hội hiệp cùng nhau thiết lễ Khai Minh Đại Đạo, Thầy cùng chư Phật Tiên giảng trần ban hồng ân cho các con.

⁽⁴⁾ **Chư liệt vị** 諸列位 / *all of you present*: Tất cả các vị (đang có mặt). **Đàn tiên** 壇前 / *(present) before the seance*: (Có mặt) trước đàn cầu cơ.

⁽⁵⁾ **Thiên mạng** (mệnh) 天命: Bậc hướng đạo đang nhận lãnh sứ mạng của Trời giao phó là *thế Thiên hành hóa* 替天行化 (thay Trời hành đạo để giáo hóa dân chúng tu hành). Đồng nghĩa với **Thiên ân sứ mạng**.

⁽⁶⁾ **Ngọc Hoàng Thượng Đế Kim Viết Cao Đài Giáo Đạo Nam Phương** 玉皇上帝今日高臺教道南方 / *the Jade Emperor Now Called Caodai Teaching the Dao in the South*: Ngọc Hoàng Thượng Đế (nay) gọi là Cao Đài dạy Đạo phương Nam.

Thầy các con / *I'm your Master*: [Ta là] Thầy [của] các con. Lưu ý: Trong tiếng Việt, chữ *của* thường được hiểu ngầm. Thí dụ: *Nhà tôi, cha tôi...* Một số người viết “*Thầy, các con!*” thì sai. (Đức Mẹ giảng cơ thường xưng: *Mẹ Linh Hồn các con.* / *I'm your Spiritual Mother.*)

THI

Chan rưới hồng ân trẻ gọi nhuần
Tu thân hành đạo độ sanh dân
Cho nên ⁽⁷⁾ chút phận ⁽⁸⁾ nơi trần thế
Trở lại Thiên Cung hợp điểm Thần. ⁽⁹⁾

Thầy ban ơn, miễn lễ. Các con đồng an tọa nghe Thầy dạy.

Hỡi các con!

THI BÀI

1. Thầy mừng thấy các con hội hiệp,
Cùng vui ngày giao tiếp Đạo khai ⁽¹⁰⁾
Nam phương mở rộng Cao Đài
Trường thi Đại Đạo hoằng khai hội này.
2. Cơ phục thi ⁽¹¹⁾ vẫn xoay diễn biến

⁽⁷⁾ **Cho nên:** Cho xong việc, cho thành công.

⁽⁸⁾ **Phận:** Phận sự (bổn phận).

⁽⁹⁾ **Hợp điểm Thần:** Thần con người (tiểu linh quang) hiệp một với Thần Thượng Đế (Đại Linh Quang).

⁽¹⁰⁾ **Cùng vui ngày giao tiếp Đạo khai:** Mọi người đến dự lễ kỷ niệm Khai Minh Đại Đạo và vui mừng gặp nhau, không phân biệt chi phái.

⁽¹¹⁾ **Phục thi** (thủy) 復始 / *returning to the beginning*: Trở lại buổi đầu trong chu kỳ ba ngươn. Tức là chuyển từ thời hạ ngươn mạt kiếp, tranh đấu điêu tàn (kỳ cuối) trở lại thời thượng ngươn thánh đức (kỳ đầu).

Luật tuần hườn luân chuyển không ngừng
Dặn con từ lúc đầu xuân
Hè sang, thu mãn, đông quân lại về.

3. Trải một cuộc giác mê nhân sự
Đường trăm năm sanh tử luân hồi
Tiến trình ⁽¹²⁾ Thầy dặn khúc nôi ⁽¹³⁾
Cao Đài lý Đạo con ôi học hành.
4. Nơi bất biến hằng sanh tâm đạo ⁽¹⁴⁾
Lòng đảo điên khó bảo kim thân ⁽¹⁵⁾
Ngoài ra bốn phận vi nhân
Trong còn sứ mạng Thiên ân Tam Kỳ. ⁽¹⁶⁾
5. Hãy ý thức mỗi khi thiết lễ

⁽¹²⁾ **Tiến trình** / *the way to progress*: Con đường đi tới.

⁽¹³⁾ **Khúc nôi** (nôi): Nỗi niềm, sự tình.

⁽¹⁴⁾ **Hằng** 恆 (恒) / *usually*: Thường thường, thường hay. **Nơi bất biến hằng sanh tâm đạo:** Tâm đạo thường phát sinh từ trong cõi lòng thanh tịnh, tức là lòng không biến đổi vì bị ngoại cảnh tác động vào, cũng không rối loạn vì thất tình lục dục sai khiến.

⁽¹⁵⁾ **Khó bảo:** Khó giữ gìn. **Kim thân:** Thân vàng. Ngụ ý thân xác con người rất quý giá vì đây là phương tiện tu học để từ phàm phu tiến hóa là Thần Thánh, Tiên Phật. Đối với người tu thiên (luyện đạo) thì **kim thân** là nhị xác thân (chơn thần).

⁽¹⁶⁾ **Ngoài ra bốn phận vi nhân / Trong còn sứ mạng Thiên ân Tam Kỳ:** Ngoài bốn phận làm người đối với gia đình, xã hội, nước non, đồng bào thì còn có sứ mạng của người thọ ơn Trời để thay Trời hành đạo trong Kỳ Ba.

Hầu kiện toàn nội thể đệ huynh,
Đỡ nâng trên bước tiền trình⁽¹⁷⁾
Pháp quyền sứ mạng, lý tình dung thông.⁽¹⁸⁾

6. Muốn sửa lòng, ngắm lòng Từ Phụ

Tu thân nhìn vũ trụ là thân
Thái Sơn, biển cả, vi trần⁽¹⁹⁾
Tình thương chứa đựng trong phần vô tư.

⁽¹⁷⁾ **Tiền trình** 前程 / *the way ahead; the future*: Tiền đồ 前途, con đường phía trước; tương lai, việc sẽ tới.

⁽¹⁸⁾ **Pháp quyền sứ mạng, lý tình dung thông**: Người Thiên ân hướng đạo thực thi sứ mạng đúng quyền pháp thì không hành xử trái với luật Đạo và Pháp Chánh Truyền, đó là lý; tuy nhiên, không vì lý mà bỏ tình (*lý tình dung thông*) thì mới thể hiện được tính nhân bản của Đại Đạo. Trong việc xây dựng nội bộ một tổ chức của Đạo ắt phải có kỷ cương, nội luật, quy điều (đó là lý), nhưng lý ấy chưa đủ mà còn cần có tình thương để gắn bó cá nhân với tập thể, đỡ nâng người chưa tốt để họ còn có cơ hội cải hóa thành người tốt. Khoan dung, hỷ xả, thương yêu và tha thứ vì vậy cần phải có để tập thể bảo tồn cho nhau. Xem thêm bài *Tình Thương: Phương Thuốc Nhiệm Mầu*, in trong *Thiên Đàng Địa Ngục Hai Bên*, của Diệu Nguyên (Hà Nội: Nxb Tôn Giáo 2014). Quyển 81-1 trong Chương Trình Chung Tay Ấn Tổng Kinh Sách Đại Đạo. Đề hiệu thêm ý nghĩa câu *Pháp quyền sứ mạng, lý tình dung thông*, xem lại tích vua Zaleucus móc mắt, trong *Văn Uyển* tập Hanh năm Quý Tỵ (Nxb Tôn Giáo 2013), mục *Gió Bốn Phương*, tr. 204-206.

⁽¹⁹⁾ **Vi trần** 微塵 / *a particle of dust*: Hạt bụi nhỏ xíu.

Bạch Tuyết! Thầy ban ân cho con vào độc giả hầu thọ hưởng hồng ân Thầy trong cơn suy yếu.

[Tiền bối Bạch Tuyết làm độc giả]

TIẾP BÀI

7. Vật hữu hình, chơn như nội tại⁽²⁰⁾

Cũng âm dương phúc tải⁽²¹⁾ tạo thành

⁽²⁰⁾ **Chơn** (chân) **như** 真如 / *the true reality, suchness of existence*: Bản thể chơn thật tràn khắp vũ trụ, là nguồn gốc của muôn vật, bản thể của muôn vật. Chơn như đồng nghĩa với Như Lai tạng, Như Lai, như như, pháp thân, Phật tính, thực tướng, Thượng Đế tính, tự tánh...

Vật hữu hình, chơn như nội tại: Mọi vật có hình tướng (cũng như con người) đều phải biến thiên, thay đổi, tức là tạm bợ vô thường; tuy nhiên bên trong sự hiện hữu vô thường tạm bợ ấy lại chứa đựng phần bất biến là chơn như (Phật tánh, Thượng Đế tánh), nhờ vậy con người có thể tu luyện để trở thành Thần Thánh, Tiên Phật.

Vạn vật có hình tướng thì muôn vẻ khác nhau, nhưng do chỗ chơn như nội tại ấy mà vạn vật trong trời đất lại đồng bản thể (*Thiên địa vạn vật nhất thể*). Thế nên Đức Cao Đài dạy: *Con là một thiêng liêng tại thế / Cùng với Thầy đồng thể linh quang*.

Lãnh hội được như vậy thì hiểu vì sao Đức Phật Thích Ca thời Nhị Kỳ Phổ Độ dạy: *Ta là Phật đã thành, chúng sanh là Phật sẽ thành*; và cũng hiểu vì sao sang Tam Kỳ Phổ Độ thì thánh giáo Cao Đài dạy: *Tu hành là học làm Trời / Phải đâu kiếp kiếp làm người thế gian*.

⁽²¹⁾ **Phúc tải** 覆載: Đùm bọc, ôm ấp, che đậy (*phúc*) và chở chuyên, nâng đỡ (*tải*). **Thiên phúc địa tải** 天覆地載: Trời che đất chở.

Ban ân cho trẻ đêm thanh

Trên đường sứ mạng hoàn thành nghe con!

8. Ngoài thế cuộc hồi (hãy) còn ly loạn

Trong đạo tâm phải ráng giữ gìn

Tâm con là chỗ chí linh ⁽²²⁾

Là nơi hiệp nhứt nhân sinh cùng Thầy.

9. Những diễn biến đó đây vì bởi

Nhơn tâm nhiều dục giới tội căn

Gây nên oan trái xích thằng ⁽²³⁾

Phải đâu sóng dậy đất bằng hồi con!

10. Thầy khuyên ráng giữ tròn tâm đạo

Là phù ⁽²⁴⁾ linh phép báu hộ thân

Để qua khỏi bước đường trần

Quay về bến giác thoát lân bên mê.

11. Con thức tỉnh gần kề Từ Phụ

Hãy nhớ người phong vũ truân chuyên ⁽²⁵⁾

Cùng con một hội một thuyền

Hạ nguon mặt kiếp nơi miền trần ai.

⁽²²⁾ **Chí linh** 至靈: Tối linh 最靈, rất màu nhiệm, rất linh thiêng.

⁽²³⁾ **Xích**: Xiềng xích, hàm nghĩa trói buộc. **Thằng** 繩: Sợi dây; trói buộc.

⁽²⁴⁾ **Phù** 符: Bùa, lá bùa.

⁽²⁵⁾ **Truân chuyên** (chiên) 屯遭: Khó khăn khốn đốn, gian nan khổ sở.

12. Cơ tái tạo sắp ngày xây tạo

Bước tiền trình trọng bảo nguyên nhân ⁽²⁶⁾

Khôn ngoan tự thấp đức thần ⁽²⁷⁾

Ân hồng ⁽²⁸⁾ dành để riêng phần mỗi con.

Đây, Thầy dụng huyền linh bố phép vào vật hữu hình để ban ơn cho tất cả các con hiện diện hôm nay đồng vui ngày Khai Đạo để cứu vớt nhơn loại. Thầy không quên những đứ có công lao với Đạo đã hiến dâng, mặc dầu là sự hiến dâng bằng vật chất, mặc dầu là một trong muôn một, nhưng đối với các con là cả tinh thần, cả sinh lực ý chí để hiến dâng (. . .), và sẽ còn tiếp tục trên quãng đường sứ mạng. Thầy dành một công đức mờ mờ bên trong, không bù sót lại bằng vật chất hữu hình để các con được giải hết nghiệp

⁽²⁶⁾ **Trọng bảo**: Bảo trọng 保重 / to take care of. **Nguyên nhân** (nhơn) 原人: Những linh căn 靈根 nguồn gốc từ cõi trời, xưa kia nhận lãnh sứ mạng xuống thế gian độ đời, nay là hàng Thiên ân sứ mạng, các bậc hướng đạo Kỳ Ba. **Bước tiền trình trọng bảo nguyên nhân**: Các vị Thiên ân sứ mạng có trách nhiệm thể Thiên hành hóa (các nguyên nhân) trong bước đường hành đạo sắp tới (tiền trình) phải thận trọng giữ gìn để thân và danh mình được vẹn toàn, cũng là làm cho danh Thầy, danh Đạo được sáng tỏ.

⁽²⁷⁾ **Đức thần**: Đền huệ, trí huệ sáng suốt soi lỗi người tu đi đúng hướng, đến đúng nơi. **Tự thấp đức thần**: Đọc thêm *Tự Thấp Đức Mà Đi*, của Thiện Quang (Nxb Tôn Giáo 2014). Quyển 83-1 trong Chương Trình Chung Tay Ấn Tổng Kinh Sách Đại Đạo.

⁽²⁸⁾ **Ân hồng**: Hồng ân 洪恩, ơn huệ to tát.

quá khứ, hiện tại hầu chứng quả vô sanh.⁽²⁹⁾ Tuy nhiên luật công bình cũng đã bù sót cho cân xứng công lao của các con rồi. Giờ đây, chỉ còn tiếp tục mãi mãi trên đường đạo pháp tận độ nhơn sanh. Các con an tọa.

Thầy cũng không quên những con chưa trọn vẹn đặt mình trong cửa đạo để tu trì. Thầy nhắc nhở và kêu gọi các con hãy thật tỉnh trước thế đạo tình đời để tự cứu. Thầy cũng không quên nhắc nhở các con nữ phái Nữ Chung Hòa. Các con được ơn phước lãnh vai tuồng gieo giống hòa hiệp trong giới nữ của các con và tiếp tay trong công cuộc hoằng khai đạo lý, cứu độ nhơn sanh. Các con hãy ráng tu công lập hạnh, tạo đức gây nhân để hoàn thành sứ mạng của người con nữ phái trong Tam Kỳ Phổ Độ.

Thầy cũng không quên mấy đứa nhỏ đang độ thanh xuân vào trường đạo học, phải chịu giải đáp những bài toán khó khăn. Con ôi! Ngọc có dòi mài mới nên giá ngọc. Muốn nên hình long phụng phải chịu uốn nắn thử cây non. Các con hãy bình tĩnh để đáp số rồi sẽ được ơn ban. Thầy dành hồng ân cho đàn con tiếp nối.

Đây, Thầy cũng nhắc nhở các con về khóa tịnh Đông Chí sắp đến. Mặc dầu các con vẫn công phu tu luyện hằng ngày, nhưng cũng cần phải có những khóa học tập, tu tập, để kiểm điểm lại tinh thần tiến đạo của các con.

Trước tiết Đông Chí, Tam Giáo có cầu xin cho các con một khóa tịnh hợp đồng Cơ Quan và Minh Lý Thánh Hội

⁽²⁹⁾ **Vô sanh** 無生: Không sanh lại cõi đời, dứt khỏi luân hồi.

tại Bắc Nhã Tịnh Đường. Khóa tịnh này các con sẽ hòa hợp tinh thần điểm đạo để hướng về cõi hư không tiếp nhận điển thiêng liêng để phát động cho tất cả trong nguyện lành của các con. Vậy các con mỗi đứa đều dọn mình chờ sự sắp xếp của Đông Phương Chương Quân sắp đến. (. . .)

Sau đàn, các con hãy đem những quả tử⁽³⁰⁾ hôm nay chia nhau chút ơn phước Thầy ban cho các con vững niềm tin mà tu niệm.

THI

*Vững vàng tu niệm các con ôi
Xuôi ngược rồi ra cũng chẳng rời
Nước lặng mình châu⁽³¹⁾ tìm thấy bóng
Sóng xao chi dễ trở yên ngôi.

Yên ngôi mới thấy việc nên hư
Phước hãy tạo thêm, họa phải từ⁽³²⁾
Chớ mộng Thiên cơ trong ảo tưởng
Cho lòng sáng suốt hiện chơn như.*

Các con nhớ lời Thầy dạy hôm nay để lo cho ngày mai nhiều giống tổ. Thầy ban ơn các con lớn nhỏ. Thầy hồi cung. Thăng.

⁽³⁰⁾ **Quả tử** 果子 / fruit: Trái cây.

⁽³¹⁾ **Nước lặng**: Tâm thanh tịnh, không bị thất tình lục dục khuấy động. **Minh châu** 明珠: Ngọc sáng; chơn như, tự tánh, Phật tánh, Thượng Đế tánh ...

⁽³²⁾ **Từ**: Từ bỏ.

THIÊN CHÚC CAO ĐÀI

THI

Con muốn biện phân lẽ chánh tà
Lòng Trời lan rộng khắp bao la
Gom về một mối là chơn nhứt
Nếu tể hai đường chẳng phải Ta.

BÀI

Hỡi con Thiên chúc Cao Đài
Trên đường thống nhứt chông gai hiểm nghèo
Trải bao xuống suối lên đèo
Non Côn ngọc quý lần theo mà tìm
Chờ khi bớt gió sóng yên
Thuyền từ vượt biển lên miền Bồng Lai
Con lo phận sự trần ai
Ngọc Kinh Thầy đợi cái ngày đoàn viên.

Đức **NGỌC HOÀNG THƯỢNG ĐẾ**
Huần Cung Đàn (Tam Giáo Điện Minh Tân)
Tý thời, 01-9 Tân Sửu (10-10-1961)

HÀNH TRẠNG MINH ĐỨC KIM TIÊN

HỒ ĐẠO HẠNH

1. Về phần đời

Đức Minh Đức Kim Tiên thế danh là Hồ Quang Sớm.

Tiền bối sinh năm 1908 tại xã Trường Thành, quận Châu Thành, tỉnh Cần Thơ, trong một gia đình trung nông. Song thân tiền bối là ông Hồ Như Tòng (1886-1951) và bà Nguyễn Kim Ngọc (1888-1947).⁽¹⁾

Tiền bối theo học trường Sư Phạm Sài Gòn và khi tốt nghiệp là á khoa năm 1930; được bổ nhiệm về Long Xuyên (An Giang) dạy học một thời gian rồi chuyển về trường Nam tỉnh lý Cần Thơ.

Năm 1944 tiền bối lập gia đình với bà Nguyễn Thị Cơ (thánh danh Bạch Diệu Tâm, 1927-2013). Song thân bà Cơ là ông Nguyễn Hữu Cảnh và bà Dương Thị Gương.

Tiền bối Hồ Quang Sớm có tất cả chín người con (bảy

⁽¹⁾ Do tiền bối Hồ Quang Sớm trọn đời chí thành tu học và hành đạo, nên thân phụ của tiền bối đã được sắc phong thăng từ bậc Thần lên Thánh Đức Chơn Tiên; thân mẫu được siêu thoát về cõi trên với quả vị là Ngọc Xuân Hương Nữ.

trai, hai gái), trong đó có hai con trai được ban thánh danh là Thiện Giác Quang (Hồ Quang Minh), Thiện Linh Thông (Hồ Hạnh Phúc, 1956-1995) tại Hội Thánh Cao Đài Thượng Đế (Cần Thơ). Hai con trai khác cũng trường trai tu học theo Đạo là Hồ Minh Đức và Hồ Đạo Hạnh. Tiền bối còn hướng dẫn hai người em ruột nhập môn vào Đạo là ông Hồ Quang Hình (thánh danh Thiên Huyền Võ, 1910-1989) và Hồ Thị Hoàng (thánh danh Hồng Ngọc, 1913-1988).

Năm 1945 tiền bối đảm nhiệm chức vụ hiệu trưởng trường Nam tỉnh lỵ Cần Thơ.

Năm 1958 tiền bối được thăng lên làm thanh tra tiểu học (phó trưởng ty tiểu học) tỉnh Cần Thơ.

Năm 1965 tiền bối nghỉ hưu, tiếp tục sinh sống và tu hành tại nhà số 55 Nguyễn Thái Học, thành phố Cần Thơ đến khi quy thiên vào lúc 12 giờ 30 phút ngày 15-5-1971 (21-4 Tân Hợi).

2. Về phần đạo

Năm 1940 tiền bối Hồ Quang Sớm bắt đầu tìm hiểu, nghiên cứu giáo lý của Phật Giáo, Thiên Chúa Giáo, Thông Thiên Học, đạo Baha'i, v.v...

Sau một thời gian dài tìm hiểu, năm 1945 tiền bối nhập môn đạo Cao Đài tại thánh tịnh Huệ Đức Thanh ở Cần Thơ (thuộc Hội Giáo Cao Đài Thượng Đế) và bắt đầu trường trai luyện đạo theo pháp môn vô vi của Chiêu Minh, nhưng vẫn gắn liền với cơ phổ độ để làm tròn bổn phận với gia

đình, xã hội. Tiền bối được giao nhiệm vụ đầu tiên là Tổng Thơ Ký Ban Cai Quản thánh tịnh Huệ Đức Thanh, kiêm nhiệm điển ký Hiệp Thiên Đài. Trong thời gian tu học và hành đạo tại thánh tịnh Huệ Đức Thanh, tiền bối có thánh danh là Chiêu Huệ Tâm.

Ngày rằm tháng Chạp Canh Dần (22-01-1951), tại thánh tịnh Huệ Đức Thanh, tiền bối được ban thánh danh là Thiên Huyền Minh.⁽²⁾

⁽²⁾ Trong đàn cơ này, mười hai vị tiền bối được ban thánh danh (gọi là *Thập Nhị Thiên Huyền*), gồm có: 1. Thiên Huyền Vân (Phạm Thành Nam); 2. Thiên Huyền Quang (Lê Quang Nghi); 3. Thiên Huyền Đức (Phan Lương Báu); 4. Thiên Huyền Huỳnh (Phan Lương Hiền); 5. Thiên Huyền Linh (Phan Lương Thiệu); 6. Thiên Huyền Thanh (Phan Lương Bản); 7. Thiên Huyền Minh (Hồ Quang Sớm); 8. Thiên Huyền Võ (Hồ Quang Hình); 9. Thiên Huyền Pháp (Huỳnh Quốc Lập); 10. Thiên Huyền Tâm (Nguyễn Văn Tự); 11. Thiên Huyền Lạc (Võ Văn Chà); 12. Thiên Huyền Chơn (Nguyễn Thành Tự).

Bạn đời tiền bối Hồ Quang Sớm (bà Nguyễn Thị Cơ) được ban thánh danh ngày rằm tháng Chạp Tân Mão (11-01-1952). Hôm ấy có mười hai nữ tín đồ đều được ban thánh danh (gọi là *Thập Nhị Bạch Diệu*), gồm có: 1. Bạch Diệu Nhứt (bà Lê Quang Nghi); 2. Bạch Diệu Nguyệt (bà Phạm Thành Nam); 3. Bạch Diệu Thiện (bà Phan Lương Hiền); 4. Bạch Diệu Minh (bà Phan Lương Thiệu); 5. Bạch Diệu Vân (bà Phan Lương Báu); 6. Bạch Diệu Hồng (bà Phan Thị Liêng); 7. Bạch Diệu Chơn (bà Phan Lương Bản); 8. Bạch Diệu Từ (bà Nguyễn Thị Hường); 9. Bạch Diệu Huệ (bà Lưu Thị Phụng); 10. Bạch Diệu Tâm (bà Hồ Quang Sớm); 11. Bạch Diệu Đức (bà Nguyễn Văn Tự); 12. Bạch Diệu Hòa (bà Võ Văn Chà).

Ngày rằm tháng 4 Đinh Dậu (14-5-1957) tiền bối được Đức Chí Tôn sắc phong làm Chánh Phối Sư Thái Sớm Thanh tại Hội Thánh Cao Thượng Bửu Tòa (Bạc Liêu).

Năm 1960 tiền bối đắc cử chức vụ Chánh Hội Trưởng Hội Giáo Cao Đài Thượng Đế và là đại biểu tham gia vào Giáo Hội Cao Đài Thống Nhất Trung Ương (Sài Gòn).

Tại Huần Cung Đàn (Tam Giáo Điện Minh Tân, quận 4, Sài Gòn), Tuất thời, ngày 14 tháng 6 Bính Ngọ (31-7-1966) Đức Lý Giáo Tông ban ơn cho tiền bối:

*HUYỀN MINH chiếu sáng rọi con đường
Nhiệm vụ thừa hành sắc lệnh ban
Dẫn lối khá toan cầm vững lái
Công trình Thiên mạng dựng huyền quang.*

Năm 1967 tiền bối được bầu làm Đệ Nhứt Phó Chương Quân Giáo Hội Cao Đài Thống Nhất Trung Ương.

Tại Huần Cung Đàn, Ngọ thời, ngày 14-7 Mậu Thân (07-8-1968), Đức Lý Giáo Tông ban ơn cho tiền bối:

*HUYỀN MINH Thiên mạng đã lo tròn
Một mảy công trình tạc bằng son
Đánh dấu từ khi tên tuổi khắc
Thử chung tròn vẹn chứng đài son.*

Tại thánh tịnh Tam Thanh Bửu Điện (Long An), Tý thời, ngày 09-9 Kỷ Dậu (19-10-1969), Đức Lý Đại Tiên Trưởng Giáo Tông Vô Vi Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ ban ơn cho tiền bối:

*Đây điểm qua nhịp cầu tối thượng
THIÊN HUYỀN MINH trưởng dưỡng tinh thần
Con đường lập đức tu thân
Biết bao lao khổ tảo tâm kiếp này
Lời luận biện bút này lưu lại
Để ban ơn vững lái thuyền khơi
Vượt qua khỏi bến chợ đời
Kìa kìa sáng tỏ vị ngôi non Bồng.*

Năm 1970, sau khi tiền bối Huỳnh Đức (Phan Khắc Sửu, quả vị Đức Nguyệt Đức Thiên Tiên) quy liễu, tiền bối Thiên Huyền Minh được Ban Chương Quân ủy nhiệm giữ chức Quyền Chương Quân Giáo Hội.

Tại Huần Cung Đàn (Tam Giáo Điện Minh Tân, Sài Gòn), Ngọ thời, ngày 30-4 Canh Tuất (03-6-1970), Đức Lý Đại Tiên Trưởng ban ơn cho tiền bối:

*THIÊN HUYỀN MINH trong kỳ tiếp chuyển
Nắm lái thuyền thực hiện từ đây
Đồng chung hội hiệp cảnh này
Đồng chung chương quân đó đây lo lường.*

Năm 1971, tại đại hội các chi phái trong Giáo Hội Cao Đài Thống Nhất Trung Ương, tiền bối được tín nhiệm và tái đắc cử Chương Quân Giáo Hội Cao Đài Thống Nhất Trung Ương.

Trước ngày quy thiên một tháng, tiền bối đột nhiên đi viếng thăm các chi phái thuộc Giáo Hội Thống Nhất Trung

Ương từ Huế cho đến Cà Mau, và nói lời như là từ biệt với các chi phái này.

Đàn cơ ngày 14-4 Tân Hợi (08-5-1971), Ôn Trên chỉ định Đức Nguyệt Đức Thiên Tiên làm Chương Quản Vô Vi của Giáo Hội Cao Đài Thống Nhất Trung Ương và yêu cầu phải bổ sung thêm một vị Phó Chương Quản thứ tư (theo Điều Lệ thì chỉ có ba Phó Chương Quản mà thôi).

Một tuần lễ sau, ngày 21-4 Tân Hợi (15-5-1971), lúc 12 giờ 30 (Ngọ thời), tiền bối Thiên Huyền Minh quy thiên tại tư gia (chỉ bệnh sơ sài trong khoảng một ngày). Bấy giờ các đồng đạo mới hiểu rõ lý do tại sao phải bổ sung thêm một Phó Chương Quản thứ tư cũng như vì sao Đức Nguyệt Đức Thiên Tiên lại làm Chương Quản Vô Vi của Giáo Hội Cao Đài Thống Nhất Trung Ương.

Trong lúc liên đài tiền bối còn quần tại Thiên Phong Đường của Tây Thành thánh thất (Cần Thơ) thì trong đàn cơ Tuất thời tại Tây Thành thánh thất ngày 24-4 Tân Hợi (18-5-1971), Đức Lý Giáo Tông thọ lệnh của Đức Chí Tôn Đại Từ Phụ truyền ban Thiên sắc ân phong tiền bối Thiên Huyền Minh là **MINH ĐỨC KIM TIÊN** chánh vị:

NGỌC HOÀNG sắc lệnh phán phê truyền

Minh Đức Kim Tiên phục bốn nguyên

Sắc lệnh chuẩn phê quy phục vị

Hội Đồng Phật Thánh chiếu đàn Tiên.

Năm 1974, khi Hội Thánh Cao Đài Thượng Đế được thành lập ở Cần Thơ do đạo trưởng Thông Huyền Quang

(Phan Lương Quới làm Chương Quản), Đức Minh Đức Kim Tiên là Chương Quản Vô Vi Cửu Trùng Đài và Đức Đông Phương Chương Quản là Chương Quản Vô Vi Hiệp Thiên Đài của Hội Thánh Cao Đài Thượng Đế.

3. Trích lục một số thánh thi khoán thủ xưng danh của Đức Minh Đức Kim Tiên

* Huồn Cung Đàn (Tam Giáo Điện Minh Tân), Ngọ thời, 14-5 Tân Hợi (06-6-1971):

MINH nhứt ánh hồng đã chiếu lai

ĐỨC là trau luyện cõi trần ai

KIM triều hội ngộ Huồn Cung điện

TIÊN cảnh thuận dương gót trở quày.

* Thánh tịnh Thiên Trước, Tý thời, 16-7 Tân Hợi (06-9-1971):

MINH truyền đạo lý học từ lâu

ĐỨC chuộng tài nêu ấy mới đầu

KIM thạch một giếng tâm giữ trọn

TIÊN phàm tại thế khá lo âu.

* Huồn Cung Đàn, Tý thời, 15-8 Tân Hợi (03-10-1971):

MINH là nhứt nguyệt chiếu càn khôn

ĐỨC rộng bao la đạo thể tồn

KIM bút hòa nhau trong cảnh tại

TIÊN phàm lo liệu trước thiên môn.

4. Suy gẫm

Qua tiểu sử của tiền bối Hồ Quang Sớm, quả vị **Minh Đức Kim Tiên**, chúng ta lãnh hội được rằng Thần Thánh, Tiên Phật đều phải trải qua kiếp làm người phạm tục tại thế gian. Cõi thế gian đầy phiền não, khổ đau này chính là trường thi, là trường huấn luyện để rèn đức phàm phu trở thành Thần Thánh, Tiên Phật. Chúng ta nhớ Đức Mẹ dạy:

*Đất phiền não bỏ để vun xới
Lìa thế gian sao tới Niết Bàn!*

Tuy nhiên, ở đời có lắm người vì không tu hành cho nên hết kiếp này sang kiếp khác cứ mãi luân hồi để làm khách trần tục quần quanh trong vòng sanh lão bệnh tử.

Trái lại, có nhiều người nhờ giác ngộ tìm Đạo, rồi hữu hạnh được thọ nhận chơn truyền chánh pháp Kỳ Ba, suốt đời chí tâm, chí thành tu tập, thì đến khi mãn kiếp sống sẽ được đắc quả vị thiêng liêng tùy theo công hạnh đã trì tu. Nhờ vậy mà họ thoát khỏi luân hồi, được trở về cõi thiêng liêng hằng sống với ngôi vị do Đức Ngọc Hoàng Thượng Đế ân ban, sắc tứ. Điều này chứng minh cho lời Ôn Trên thường dạy chúng sanh giữa thời hạ nguon mặt kiếp này:

*Tu hành là học làm Trời
Phải đâu kiếp kiếp làm người thế gian.*

Tài liệu tham khảo

1. Phần đời của tiền bối Thiên Huyền Minh, căn cứ theo tài liệu của gia đình.

2. Phần đạo, căn cứ theo tiền bối Huệ Đăng (quả vị Huệ Đăng Thiên Tướng) của Giáo Hội Cao Đài Thống Nhất Trung Ương viết trong điều văn đọc tại lễ truy điệu lúc di chuyển liên đài về nghĩa địa Chiếu Minh, và sau này (năm 1991) trong lễ kỷ niệm ngày quy thiên của tiền bối Thiên Huyền Minh, do Hội Thánh Cao Đài Thượng Đế đọc.

3. Căn cứ vào hai tài liệu trên, hiền tỷ Ngọc Diệp⁽³⁾ tổng hợp và bổ sung thêm những thánh giáo dạy tiền bối Thiên Huyền Minh lúc người còn tại thế. Bài viết của hiền tỷ được đọc trong lễ kỷ niệm ngày 21-4 Nhâm Thìn (2012) tại thánh tịnh Tân Minh Quang (quận 12, TpHCM). Trong bài viết ấy hiền tỷ Ngọc Diệp cho biết: “Sau khi quy tiên, ông được sắc phong là Chương Quân Vô Vi của Hội Thánh Cao Đài Thượng Đế.” Thật ra thì tiền bối chỉ là Chương Quân Cửu Trùng Đài Vô Vi của Hội Thánh Cao Đài Thượng Đế mà thôi, còn Chương Quân Hiệp Thiên Đài vẫn là Đức Đông Phương Chương Quân.

[Xem phụ bản 02-03]

HỒ ĐẠO HẠNH

Tây Thành thánh thất (Cần Thơ)

⁽³⁾ Hiền tỷ Ngọc Diệp nguyên là diễn ký bộ phận thông công của Giáo Hội Cao Đài Thống Nhất Trung Ương (Sài Gòn). Hiện nay hiền tỷ hành đạo tại thánh tịnh Tân Minh Quang (quận 12, TpHCM).

Ý NGHĨA CẦU NGUYỆN

Truyền Trạng THANH CĂN

Con người xuất hiện như thế nào? Và rời khỏi trần gian thì về đâu? Trong Kinh Thánh Cựu Ước, Sáng Thế Ký chép:

“Đức Chúa là Thiên Chúa lấy bụi từ đất nặn ra con người, thổi sinh khí vào lỗ mũi, và con người trở nên một sinh vật.” (2:7)

“Người là bụi đất, và sẽ trở về với bụi đất.” (3:19)

Quả thật, con người ở thế gian chẳng khác gì hạt bụi li ti bé nhỏ chao liệng giữa vũ trụ bao la, dù có ai tỏ ra mạnh mẽ, cứng cỏi đến đâu đi nữa, đôi khi cũng cảm thấy mình yếu đuối, bất lực trước sức mạnh của thiên nhiên đang âm thầm bào mòn hay chà xát cơ thể mình, khiến sinh mạng của hạt bụi kia dần dà theo thời gian mà tan biến đi trong khoảng không gian vô tận.

Tuy nhiên, con người là hạt bụi tuyệt vời bởi lẽ nó biết rung động thương yêu, biết hy sinh cho một lý tưởng, v.v...

Trong những cái biết của cát bụi tuyệt vời, có cái biết rất đặc biệt là biết *cầu nguyện* những khi cô đơn, đau khổ, chao đảo giữa trần gian bất trắc, ngán ngẩm trước thế thái nhân tình tráo trở: *Nghiêng vai ngửa vái Phật Trời / Dương con hoạn nạn, độ người trăm luân.* (Ca dao)

I. Ý NGHĨA CỦA CẦU NGUYỆN

Cầu nguyện là mong cầu, mong muốn, hy vọng, kỳ vọng vào một điều tốt lành nào đó. Đối với người có tôn giáo, cầu nguyện là yếu tố căn bản cho đời sống tâm linh; cầu nguyện còn là động năng tạo ra từ trường thông công giữa con người và các Đấng thiêng liêng.

Đức Vạn Hạnh Thiên Sư dạy:

*Thượng Đế từ trên cõi mịt mù
Người đời thiện nguyện dốc lo tu
Tạo cơ cảm ứng Thiên nhơn hiệp
Để có thông công, có tạc thù.⁽¹⁾*

Khi còn tại thế, Đức Chúa Giêsu thường hay cầu nguyện, nhất là những lúc ở riêng một mình. Chúa luôn khuyến môn đồ hãy cầu nguyện bền bỉ và tín thành.

Nói đến việc Chúa Giêsu cầu nguyện một mình, Phúc Âm chép:

“Sau khi giải tán đám đông, Người đi riêng lên núi mà cầu nguyện. Chiều đến, Người vẫn ở đó một mình...” (Matthêu 14:23)

“Sáng sớm, lúc trời còn tối mịt, Người đã dậy, đi ra một nơi hoang vắng và cầu nguyện ở đó.” (Maccô 1:35)

Theo quy định chung, tín đồ Baha'i ở mỗi địa phương đều phải lập ra nhóm cầu nguyện để cùng cầu nguyện với

⁽¹⁾ Minh Lý Thánh Hội, Tuất thời, 22-7 Tân Hợi (11-9-1971).

người thuộc tôn giáo khác hoặc dân tộc khác nhằm tạo sự thăng tiến tâm linh của mỗi người trong tình yêu vô biên của Thượng Đế.

Đạo Cao Đài rất coi trọng việc cầu nguyện, nên trong các nghi thức cúng kính đều có những bài kinh chứa đựng lời cầu nguyện. Cầu nguyện được chia làm hai phần: Cầu nguyện quốc thối dân an, hòa bình nhân loại (*cầu an*); và cầu nguyện cho các vong linh siêu sinh thượng giới (*cầu siêu*).

Đặc biệt, khi cúng tứ thời Hội Thánh Cao Đài Tiên Thiên quy định thời Tý và Ngọ tụng Kinh Cứu Khổ, thời Mẹo và Dậu tụng Kinh Cầu An sau khi đọc xong Ngũ Nguyện.

Tóm lại, cầu nguyện là một hành vi giao cảm tâm thức Thiên nhân hợp nhất theo chiều hướng cao thượng, lợi lạc quần sinh trong ý nghĩa *Nhơn hữu thiện nguyện, Thiên tất tùng chi* (người có nguyện lành, Trời ắt chiều theo); đồng thời cũng thể hiện tình thương yêu lẫn nhau trong cộng đồng Nhơn loại với mong ước mọi người biết coi nhau là anh chị em của mình trong đại gia đình có một Đấng Thượng Đế Cha chung, luôn tỏ ra yêu thương gắn bó với nhau, lúc nào cũng sẵn sàng hy sinh phục vụ nhau, thông cảm, nhận nhục, tha thứ cho nhau.

II. QUAN NIỆM ĐÚNG VỀ CẦU NGUYỆN

Quan niệm đúng về cầu nguyện có thể căn cứ vào thánh ngôn, thánh giáo và nội dung của những bài kinh tụng.

Chúng ta thấy Ôn Trên dạy môn đồ cầu nguyện cho người khác như: cầu lành bệnh hay cầu siêu độ cho một người; cầu nguyện cho vạn dân bá tánh thì có cầu an cho người đang sống và cầu siêu cho người đã từ trần.

Sau đây, đọc lại và suy gẫm từng đoạn trong mười đoạn của bài kinh Cầu An chúng ta sẽ thấy thế nào là cầu nguyện đúng theo thánh ý.

1. Trước án ngọc các con phụng mạng

Dưới bệ tiền tổ cạy lòng son

Trăm năm đường đạo không mòn

Quyết nương bát nhã độ con Lạc Hồng.

Câu đầu hiện lên hình ảnh những người con áo trắng đang quỳ trước Thiên Bàn với lòng chí thành cầu nguyện như tỏ bày lòng sấm hối, hứa nguyện tận trung vì Đạo đến hết cuộc đời, quyết giữ lòng son dạ sắt không nhứt chí sờn gan, nương thuyền bát nhã để tự cứu vớt lấy mình và cứu vớt lấy đồng bào Hồng Lạc.

Nhưng thuyền bát nhã ở đâu? Đây không phải là chiếc thuyền bằng gỗ bằng thép, mà là thuyền đạo vô hình, ví như là sáu pháp Ba La Mật gọi là Lục Độ, đưa người từ bờ mê đến bến giác mà trong đó có trang bị sẵn lương thực và đồ dùng cho một cuộc hành trình vượt sóng hồi hương.

Lục Độ gồm có *bố thí* là thức ăn, *nhẫn nhục* là nước uống, *tinh tấn* là cánh buồm và chèo, *trì giới* là bánh lái, *thiền định* là la bàn, *trí huệ* là đèn pha.

Sáu thứ này đều rất cần cho người thủy thủ vượt sông

mê. Vì muốn vượt khỏi cái lòng tham lam, bôn sên phải nhờ *bổ thí*; muốn vượt khỏi cái tật nóng nảy, sân hận phải nhờ *nhẫn nhục*; muốn vượt khỏi cái tánh si mê phải nhờ *trí huệ*; muốn vượt khỏi cái thói biếng nhác, giải đãi phải nhờ *tinh tấn*; muốn vượt khỏi cái tội hủy phạm giới luật phải nhờ *trì giới*; muốn vượt khỏi cái hại loạn tâm tán thần phải nhờ *thiền định*.

Trong *Thánh Ngôn Hiệp Tuyển* có bốn câu thơ tả thuyền bát nhã:

*Khuôn thuyền bát nhã chẳng hề chìm
Nổi quá như bông, nặng quá kim
Có đạo trong muôn ngời cũng đủ
Không duyên một đũa cũng là chìm!*

*

2. Dẫu mấy năm cũng trong một buổi

Thành cùng bại may rủi lẽ thường

Chúng con kính diện nén hương

Cung nghinh Thượng Phụ dẫn đường cùng con.

Một kiếp người dù sống được sáu mươi, tám mươi hay trăm tuổi thì cũng kết thúc vào một buổi sáng buổi chiều nào đó; những điều thành bại, rủi may đắp đổi nhau diễn biến như là một lẽ thường tình. Biết thế, nhưng lắm lúc chúng ta không biết phải xử làm sao cho trọn đạo vẹn đời, nên cúi xin Đại Từ Phụ soi sáng tâm linh hầu không bị lạc lối sai đường.

3. Cầu bá tánh cháu con Hồng Lạc

Cầu năm châu thấu đạt chơn truyền

Cầu cho nước thanh nhà yên

Cầu cho Đại Đạo gieo truyền ngũ châu.

Nguyện cầu cho trăm họ của con Hồng cháu Lạc và nhơn loại khắp năm châu thấu hiểu chơn truyền của Đức Chí Tôn trong Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ.

Nhà yên nước thanh là nỗi niềm kỳ vọng chung của mỗi người. Mọi nhà được yên lành hạnh phúc là mọi nhà đều giữ được đạo đức nhân luân; đất nước được giàu mạnh là do nền móng đức trị được vững vàng; trên không có tham quan, dưới không có ô lại; dụng nhân đức nhiều hơn hình pháp.

Đại Đạo gieo truyền đến năm châu cũng là kỳ vọng thiết tha của người tín hữu Cao Đài. Hiện tại đạo Cao Đài có mặt trên khắp năm châu là do người Việt có đạo di cư. Đây chỉ có thể gọi là “gieo” chứ chưa gọi là “truyền”. Bao giờ người bản xứ của mỗi châu đó đến xin cây giống Cao Đài đem về trồng tại đất mình cho dân mình cùng hưởng thì lúc đó đạo Cao Đài mới thực sự được trao truyền đến tận tay các con cái của Thầy trên năm châu bốn biển.

*

4. Cầu mở cửa đạo màu cứu thế

Cầu nhơn sanh thoát kẻ bàng môn

Cầu cho chánh giáo vĩnh tồn

Màu da sắc tóc, đồng tôn cũng cầu.

Cửa đạo màu là cửa thể nào? Đây chính là cửa thánh thất, thánh tịnh. Ước nguyện làm sao cho cửa đạo màu này luôn mở rộng để cứu độ khách trầm luân. Nhưng *cầu mở cửa* là cầu ai mở đây? Ngoài chúng ta ra không có vị Thần Thánh nào ở trên trời xuống mở cửa cả. Các Ngài chỉ nhắc nhở và dạy chúng ta cách thức *mở cửa đạo màu* như thế nào mà thôi. Chúng ta góp công quả xây dựng một ngôi thánh sở khang trang không phải để mọi người đứng ngoài trông vào thấy cảnh quan đẹp mắt, mà mục đích chính là để làm nơi tín ngưỡng và sinh hoạt đạo đức, tu học và làm công tác từ thiện xã hội. Nếu để cửa đạo lạnh lẽo, không thường xuyên sinh hoạt đạo sự theo chánh giáo thì dễ dàng bị rêu phong của bàng môn tà thần giăng bám.

Câu *Màu da sắc tóc, đồng tôn cũng cầu* có nghĩa là dù cho khác màu da sắc tóc; cùng tôn giáo hay không cùng tôn giáo, mình cũng cầu mong sự tốt lành đến với tất cả mọi người.

*

5. Cầu tránh khỏi ao sâu hố thẳm

Cầu vạn linh gọi tẩm hành dương

Cầu cho đất nước an bình (bình)

Cầu cho lê thứ bước đường tu Tiên.

Lại cầu mong cho đất nước luôn an bình. Tuy nhiên chỉ có sự an bình bên ngoài không thì vẫn chưa đủ, nên chúng ta vẫn cầu mong có cái gì hơn thế nữa; đó là mọi người, mọi vật được gọi tẩm hành dương của Đức Quan Âm Bồ

Tát cho thân tâm mát mẻ, mọi người không bị sa vào hố sâu của tham vọng, của tranh đoạt hãm hại lẫn nhau; cây cối nơi rừng già không bị tàn phá; động vật hoang dã không bị săn bắt giết hại, trả lại cho mọi loài mọi vật sự sống bình yên hợp đạo tự nhiên trong trời đất cũng là hợp với đường lối tu theo Tiên Đạo vậy.

*

6. Cầu khắp cả ân Thiên rưới nhuận

Cầu vạn linh được vững đức tin

Cầu cho thẳng nẻo sân Trình ⁽²⁾

Cầu cho Nghiêu Thuấn thái bình sau đây.

Đoạn này là cầu mong ơn Trời chan rưới khắp cả vạn linh sanh chúng, cho ai nấy đều có đức tin vững vàng, chí ít cũng không mất đi niềm tin vào cuộc sống vốn dĩ đã bị lung lay về tinh thần đạo đức trong xã hội nhơn loại. Có niềm tin mới vui sống lành mạnh và tiến bộ trong học tập đạo lý làm người theo tám đề mục của Nho Giáo – *cách vật, trí tri, thành ý, chánh tâm, tu thân, tề gia, trị quốc, bình thiên hạ* – để sau này gây dựng cảnh đời thái bình thịnh trị như thời Nghiêu Thuấn xưa kia.

*

⁽²⁾ Thành ngữ *cửa Khổng sân Trình* nhắc tới Đức Khổng Tử và thầy Trình Tử (Trình Diêu). Đức Khổng đời Chu học rộng, tài cao, học trò rất nhiều. Còn Trình Tử đời Tống cũng đông người theo học. Vậy cửa Khổng sân Trình có nghĩa là trường dạy đạo Nho.

7. Cầu khắp cả đông tây, nam bắc

Cầu gió hòa tác đất thuận thời

Cầu cho non nước một trời

Cầu cho hạnh phúc đời đời người tu.

Cầu mong sao cho bốn phương tám hướng trên mặt đất được mưa thuận gió hòa; non sông đại địa trên hành tinh này có chung một bầu trời, có chung một màu xanh, ai ai cũng biết tu hành để cùng nhau vun bồi cõi lành chung hưởng hạnh phúc đời đời. Tín đồ Phật Giáo có bài kệ Cầu Mưa Thuận Gió Hòa ⁽³⁾ như sau:

Cầu chư Phật mười phương

Chứng minh tám lòng thành

Cho đệ tử chúng con

Cho mưa thuận gió hòa

Không giông bão lũ lụt.

Cầu chư Phật mười phương

Chứng minh tám lòng thành

Đệ tử nguyện tu tập

Cho mưa thuận gió hòa

Cho từ bi vô lượng

Dân lành luôn ấm no

Đất nước luôn thanh bình

Không thiên tai bệnh tật

Hạnh phúc mãi về sau.

Ngày xưa, triều đình nhà Nguyễn lập đàn Xã Tắc tế lễ cầu thần đất, thần lúa cho đất nước được mưa thuận gió hòa, mùa màng thuận lợi. Việc cầu mưa thuận gió hòa hiện nay chỉ còn thấy trong các bài kinh nguyện của các tôn giáo, và đây cũng là một sự mong cầu trước một thực tế phũ phàng, nhưng đồng thời là một sự tỉnh thức của chúng ta và cộng đồng nhơn loại trước những vấn nạn về môi sinh bị hủy hoại.

*

8. Cầu tránh khỏi ngút mù sương tỏa

Cầu anh em một ngã mà đi

Cầu cho dứt nỗi sân si

Cầu cho kịp bước trường thi kỳ này.

Cầu mong tránh khỏi ngút mù sương tỏa, nhưng *ngút mù sương tỏa* ở đây ám chỉ cái gì? Tức là ám chỉ bức màn vô minh ngăn che trí huệ của chúng ta, làm cho ta không sáng suốt để biệt phân phải trái; làm cho ta hay nổi giận, hay hờn dỗi dây dưa lẫn nhau tạo nên khối sương mù dày đặc, mịt mờ trước mặt ngăn ngại lối đạo trình; làm cho lòng mỗi người quay về mỗi hướng, không cùng *một ngã mà đi*.

Cầu mong tức là phải làm sao đạt được sự cầu mong đó, cũng như cầu mong có được chiếc xe máy làm phương tiện đi lại thì bản thân mình phải lao động nhiều hơn để dành dụm tiền mua; cũng như muốn phá vô minh chỉ có cách chí thành công phu luyện kỹ, khi không còn sương mù trước mặt thì mới tỏ rõ đường tu tiến đến trường thi Long Hội.

*

⁽³⁾ damlinhthat.net/node/236

**9. Cầu Thần Thánh đông tây hộ sức
Cầu vạn Tiên chứng thực lòng con
Học gương Thiên Đạo gìn tròn
Trăm năm dầu có mất còn không phai.**

Trên bước đường tu học ta cần luôn luôn cầu nguyện nhờ Ôn Trên hộ trì vượt qua các trở lực (chướng ngại) bởi vì “*Vô ma khảo bất thành Đại Đạo*”. Hơn nữa, tu càng cao thì sự khảo thí càng lớn, càng gay go. Người xưa cảnh báo: “*Đạo cao nhất xích, ma cao nhất trượng*.”⁽⁴⁾ (Đạo cao một thước, ma cao mười thước.)

Như vậy, ngoài tự lực (ý chí và nghị lực bản thân) người tu cần có thêm tha lực (sự chở che của chư Thiên hộ pháp).

Ngoài việc cầu xin Ôn Trên chứng giám lòng thành (*Cầu vạn Tiên chứng thực lòng con*), ngoài việc hứa nguyện trung kiên bền gan giữ Đạo (*Trăm năm dầu có mất còn không phai*), người tu còn phải biết lập hạnh bằng cách noi theo gương Thiên Đạo (Đạo Trời). Gương đó là gương vô tư, vô ngã của các Đấng thiêng liêng. Trong Kinh Thánh Tân Ước có chép lời Đức Giêsu dạy về Đạo Trời như sau:

“... *Cha các con ở trên trời, là Đấng làm cho mặt trời mọc lên trên người lành cũng như kẻ dữ, và cho mưa trên người công chính cũng như kẻ bất lương.*” (Matthêu 5:45)

*

⁽⁴⁾ 道高一尺，魔高一丈。(Một trượng = mười thước)

**10. Đầu vọng bái Cao Đài Thượng Phụ
Bố ân lành cho đủ hào quang
Chung nhau đùm đậu bách thoàn⁽⁵⁾
Rước đưa nhơn loại, hầu phan phản hồi.⁽⁶⁾**

Đoạn cuối của bài kinh là cúi đầu vái lạy Đức Từ Phụ ban ân lành cho chúng ta thêm đủ hào quang để cùng nhau tập trung lại một chỗ, đùm đỡ nhau, kêu gọi mọi người cùng lên thuyền bát nhã, theo hướng của lá phướn linh làm đích nhắm mà trở về cố hương của mình.

Câu *Bố ân lành cho đủ hào quang* chúng ta thường ngộ nhận là xin Đức Chí Tôn ban cho chúng ta có thêm hào quang cho đủ to hơn một chút vì hào quang hiện có quá nhỏ không đủ sức bước lên bách thuyền. Thật ra không phải vậy. Xin ban *bố ân lành* là xin thêm nghị lực, tinh tấn tu hành lập nhiều công đức thì hào quang mới thêm lớn hơn được, vì hào quang của mỗi người tùy theo công đức nhiều ít mà có độ lớn nhỏ, chứ không do tha lực nào ban cho được.

Ngoài bài Kinh Cầu An trong *Kinh Nhật Tụng*⁽⁷⁾ còn có bốn bài Kinh Cầu An trong *Lễ Bốn*⁽⁸⁾ tụng vào hai thời

⁽⁵⁾ **Bách thoàn** 柏船: Cũng như *bách chu* 柏舟, *chiếc bách*, là chiếc thuyền đóng bằng gỗ bách.

⁽⁶⁾ **Hầu phan** 侯幡: Lá phướn làm đích nhắm. **Phản hồi** 返迴: Quay trở về.

⁽⁷⁾ Hội Thánh Cao Đài Tiên Thiên 1960.

⁽⁸⁾ Hội Thánh Cao Đài Tiên Thiên 2001.

cúng Mẹo, Dậu; lời kinh hướng về Đức Chí Tôn và sau khi dứt kinh niệm danh hiệu Thầy (Nam mô Cao Đài Tiên Ông Đại Bồ Tát Ma Ha Tát). Bốn bài này là:

1. Cầu An Thế Giới.
2. Cầu Ân Xá.
3. Cầu An Bá Tánh.
4. Cầu Xin Tội Với Thượng Đế.

Bài Kinh Cứu Khổ tụng vào hai thời cúng Tý, Ngọ; lời kinh hướng về Đức Quan Âm và sau khi dứt kinh niệm danh hiệu của Ngài (Nam mô Cứu Khổ Cứu Nạn Quan Thế Âm Bồ Tát).

Bài Kinh Cứu Khổ bắt đầu như sau:

*Đầu cúi lạy Phổ Đà Phật Tổ
Quan Thế Âm cứu độ phàm trần
Từ bi phổ tế lê dân
Muôn loài nhuần gội oai ân đức Ngài.*

Nội dung của bài kinh là cầu cho bá tánh tiêu tai giảm nạn trong những trường hợp thiên tai địa ách, nhơn họa chiến tranh, bệnh căn trì trệ, ma quỷ lộng hành...

Về Kinh Cầu Lành Bệnh theo Lễ Bồn của Hội Thánh Tiên Thiên, có hai bài:

- Bài tụng cho người đạo ở bậc hạ thừa.
- Bài cho người đạo ở bậc thượng thừa.

Những bài kinh cầu an, cứu khổ, cầu lành bệnh là dành

cho người đang sống; còn những bài kinh cầu siêu rồi trong các nghi thức tang tế thì dành cho người quá vãng.

Cũng trong Lễ Bồn có các bài Kinh Cầu Siêu Bá Tánh tụng vào những ba ngày lễ Thượng, Trung và Hạ Ngươn, cầu siêu cho vong linh tử sĩ, người tử nạn.

Tất cả các nghi thức cầu an, cầu siêu đều nằm trong ý nghĩa cầu nguyện, và sự cầu nguyện này được xem là đúng đắn khi bản thân người cầu nguyện không trái ngược với nội dung của những bài kinh tụng, tức thành tâm và chánh niệm.

III. QUAN NIỆM SAI LỆCH VỀ CẦU NGUYỆN

Thế nào là lời cầu nguyện sai lệch hay tiêu cực? Cầu nguyện sai lệch là lời cầu nguyện xuất phát từ lòng tham lam, ích kỷ, cứ thấy mình thiếu thốn mà không thấy người khác đang khổ đau; cầu Ông Trên ban cho mình đủ tiện nghi, sống theo dục vọng cá nhân, thậm chí cầu những việc có tính chất suy thoái đạo đức cá nhân, gia đình và xã hội. Như cầu xin mua may bán đắt; thắng cuộc trong những ván bài, cá độ; trúng lớn số đề; thăng quan tiến chức, v.v...

Đoạn thánh giáo của Đức Quan Âm sau đây kể ra một số trường hợp làm thí dụ cho việc cầu nguyện sai lệch:

*Còn cúng lạy niệm danh chư Phật
Ở chùa chiền, tịnh thất thường khi
Từ thời bái sám làm chi
Niệm danh các Đấng làm gì nữa đây?*

*Có người niệm xin Thầy cùng Phật
Cho thánh đường, tịnh thất bình yên
Đó đây trên dưới chùa chiền
Đừng cho phá hoại, giữ yên mãi hoài.*

*Cho gia đạo trong ngoài an bĩ
Cho đàn con ứng thí thủ khoa
Và cho lớn bé trẻ già
Làm ăn thanh mậu, cửa nhà sum suê.*

*Tôi sẽ nguyện đem về cho Phật
Hoa quả trà chõng chất đầy bàn
Hương thơm trầm tốt trà nhang
Rượu lê trà cúc bĩ bâng thiếu chi.*

*Xin chư Phật từ bi gia hộ
Cho chồng tôi thi đỗ quan cao
Để cảm vận mạng phong trào
Đi đâu dân chúng chạy sau rần rần.*

*Đó là tu theo phần mê tín
Phật Tiên đâu ưa nịnh ưa dua
Mà đem lễ vật đến chùa
Đặt điều kiện để bán mua Phật Trời.⁽⁹⁾*

IV. TÁC DỤNG CỦA CẦU NGUYỆN

Tác dụng của cầu nguyện gồm mấy điểm sau đây:

1. Cầu nguyện là thể hiện lòng từ bi bác ái

Trong lúc chúng ta quỳ trước Thiên Bàn cầu nguyện cho quốc thái dân an, cho thế giới hòa bình, cho bá tánh an cư lạc nghiệp, cho người bệnh qua khỏi cơn ngặt nghèo..., lúc bấy giờ chúng như ta đang ở trong trạng thái *thuần chơn vô ngã* không còn thấy có mình nữa mà chỉ thấy có người, những đối tượng mà mình đang hướng tâm lòng của mình để cầu nguyện.

Sứ đồ Gioan giải thích trong Kinh Thánh:

“Đây là điều chúng ta dạn dĩ ở trước mặt Chúa, nếu chúng ta theo ý muốn Ngài mà cầu xin việc gì, thì Ngài nghe chúng ta.” (1 Gioan 5:14)

Và Kinh Cứu Khổ:

*Đệ tử chí tâm quy mạng lễ
Mong Ôn Trên phổ tế mười phương
Chúng sanh thoát chốn tai ương
Lánh nơi khổ não, tránh đường chông gai.*

2. Cầu nguyện cũng là hình thức sám hối

Bài Kinh Cứu Khổ có đoạn:

*Trí ngu muội, đảo huyền minh mẫn
Tánh sân si, cầu khẩn giải oan*

⁽⁹⁾ Giáo Hội Thiên Thiên Minh Đức, Tuất thời, 20-9 Đinh Mùi (23-10-1967).

*Như lòng tà dục đầy loàn
Sớm khuya tụng niệm đặng an tinh thần.*

Bài Kinh Cầu Cho Minh Lành Bệnh, đoạn cuối:

*Tĩnh ngộ rõ luật Trời linh cảm
Khổ hình vương đâu dám thở than
Bệnh căn biết đặng tội mang
Tôi nguyện sửa đổi, thế đoan làm lành.*

3. Cầu nguyện phát sinh năng lực hiệp thông với các Đấng

Cúng lạy cũng là một hình thức cầu nguyện trang trọng nhất, vì trong thời khắc đọc kinh bái lạy ta luôn hướng tâm về theo từng bài kinh mà niệm danh hiệu các Đấng, tạo ra từ trường giao cảm giữa ta và các Đấng thiêng liêng. Với ý nghĩa này, Đức Quan Âm Bồ Tát dạy:

*Cúng lạy để nghỉ ngơi tâm trí
Để tịnh lòng, tịnh ý, tịnh ngôn
Khép mình dưới bệ Chí Tôn
Trau dồi tính nết, luyện hồn tịnh thanh.*

*Cúng lạy để tâm lành phát hiện
Nhìn Phật Tiên trên điện hiền hòa
Khởi lòng bác ái vị tha
Nhìn chung Thượng Đế là Cha linh hồn.*

*Nhìn lên trái Càn Khôn thường trụ
Nhật nguyệt cùng tinh tú bao quanh*

*Càn khôn vũ trụ vận hành
Còn mình là một chúng sanh phàm trần.*

*Mình cũng có pháp thân nội ngoại
Cũng như Trời là Đại Linh Quang
Trên thì thiên thượng Thánh Hoàng
Dưới mình thiên hạ trần gian diễn hình.*

*Trời thì có hành tinh nhật nguyệt
Có âm dương, hàn nhiệt, nóng khô
Con người là tiểu quy mô
Cũng đều có bản Hà Đồ, Lạc Thư.⁽¹⁰⁾*

4. Cầu nguyện không có kết quả như ý là do:

- Lời cầu nguyện không phù hợp thánh ý, trái với tinh thần công bình, từ bi, bác ái. Kinh Thánh có ghi lời cảnh báo lỗi cầu nguyện sai lệch:

“Anh em xin mà không được, là vì anh em xin với tà ý, để lãng phí trong việc hưởng lạc.” (Giacôbê 4:3)

- Lời cầu nguyện không thay đổi được luật nhân quả. Chúng ta tin rằng không ai trốn khỏi nghiệp quả khi nghiệp quả ấy đến độ chín muồi; lúc này chỉ còn cách vui lòng chịu trả quả nghiệp, nợ nần trót gây tạo trong quá khứ.

*

⁽¹⁰⁾ Giáo Hội Tiên Thiên Minh Đức, Tuất thời, 20-9 Đinh Mùi (23-10-1967).

Ý nghĩa của cầu nguyện như trình bày trên đây thể hiện mong muốn, chí hướng và hoài bão của chúng ta trong thời khắc giao cảm cùng các Đấng thiêng liêng; giao cảm giữa tự lực và tha lực, mà tự lực là yếu tố chính để tạo nhân duyên lành bảo đảm cho điều ước nguyện trở thành hiện thực; cũng như gieo giống tốt cộng với công sức chuyên cần chăm bón, cộng với thời tiết tốt sẽ cho kết quả bội thu.

Qua cầu nguyện, chúng ta mặc nhiên hợp tác theo thánh ý của Đức Thượng Đế. Ngài cho phép chúng ta đóng góp vào những ân ban và những trợ giúp mà Ngài dành cho nhân loại. Chúng ta nên biết rằng, một lời cầu nguyện, dù thể nào đi nữa, cũng không bao giờ mất hiệu nghiệm, và chúng ta cầu nguyện cho ai, đều nhận được những ơn lành và những lợi ích qua những lời cầu xin mà chúng ta gởi lên thượng giới.

Đối với những người đã quá vắng, cầu siêu là tỏ bày lòng kính trọng với những người chúng ta đã yêu thương, và biểu lộ tầm quan trọng của sự hợp tác giữa chúng ta với quyền năng của Đức Thượng Đế; chúng ta có thể làm cho người quá vắng tiến nhanh đến thời điểm họ được hưởng hạnh phúc cuối cùng nơi cõi thiêng liêng hằng sống.

THANH CĂN

- Không phải tư thế, dáng điệu mà là cái tâm mới có ý nghĩa khi ta cầu nguyện. / *It is not the body's posture, but the heart's attitude that counts when we pray.*

Mục sư BILLY GRAHAM (Mỹ, sinh năm 1918)

THEO DẤU NGƯỜI XƯA

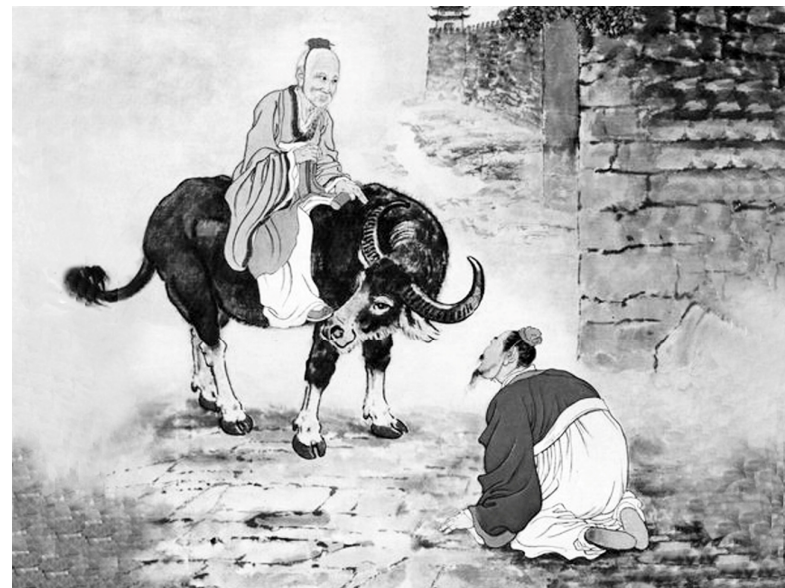
Người xưa ngâm bạch tuyết thi
Chén quỳnh tương rót đợi khi tao phùng
Hôm nay lòng những ngại ngùng
Nớ ai đất trích cánh hồng tung mây
Thơ Tiên một túi voi đầy
Lung bầu mỹ tửu tháng ngày ngao du
Thân còn trong chốn ao tù
Mà tâm ra khỏi bụi mù lợi danh
Người xưa ngâm khúc đạo hành
Mặc rong rêu đã phủ quanh chỗ nằm
Chưa tàn một cuộc trăm năm
Giác liêu trai ấy mù tăm cõi trần
Nghêu ngao giữa chốn phong vân
Đạp tan xiềng xích nợ nần mà ca
Gỗ bôn? không, gỗ thân ta
Cho u mê cũng vỡ òa theo thơ
Mưa trời rửa sạch bợn nhơ
Đạo Trời hiển hiện bên bờ chân như
Quảy trắng lần xuống thuyền từ.

TRẦN DÃ SƠN (tháng 10-2014)

TÂY THĂNG KINH VÀ HÓA HỒ KINH

LÊ ANH MINH

Khi một tôn giáo mới mẻ được du nhập vào một quốc gia thì ít nhiều sẽ phát sinh xung đột với một tôn giáo bản địa. Đó là trường hợp của Phật Giáo trong giai đoạn bản địa hóa (*localization*) tại Trung Quốc. *Tây Thăng Kinh* và *Hóa Hồ Kinh* là hai tác phẩm của Đạo Giáo Trung Quốc nhằm tự đề cao tôn giáo mình, cho rằng Đức Lão Tử sau khi truyền bộ *Đạo Đức Kinh* cho quan lệnh Doãn Hỷ trấn giữ ải Hàm Cốc thì Ngài đã cỡi trâu đi sang hướng Tây để hóa độ người Hồ (tức người Ấn Độ) và đã truyền đạo cho Phật Thích Ca và hai mươi tám thiên tổ Ấn Độ. Bên Phật Giáo cũng soạn sách phản bác lại. *Hóa Hồ Kinh* từ lâu đã bị xem là ngụ thư và bị đốt bỏ từ đời Đường. Tuy vậy, sau khi Phật Giáo đã được bản địa hóa (thậm chí Phật Giáo còn vay mượn thuật ngữ của Đạo Giáo trong việc phiên dịch kinh Phật sang Hán văn), vào đời Minh và đời Thanh đã nổi lên tinh thần Tam Giáo (Nho-Thích-Đạo) hợp nhất, chủ trương Tam Giáo đồng nguyên (Tam Giáo cùng nguồn gốc). Bài viết này nhằm gỡ lại trang sử cũ, đọc lại một sự kiện trong lịch sử tôn giáo: Một cuộc đại tranh luận non một ngàn năm giữa Phật Giáo và Đạo Giáo trong quá trình phát triển của Phật Giáo Trung Quốc kể từ khi du nhập, tức là từ đời Hán cho đến nay.



Doãn Hỷ nghênh đón Đức Lão Tử tại ải Hàm Cốc.

Hành trạng của Đức Lão Tử sau khi rời đất Chu được ghi chép trong *Tây Thăng Kinh*. *Tây Thăng Kinh* diễn giải yếu nghĩa của *Đạo Đức Kinh*. Tác phẩm này được đưa vào *Động Thần Bộ* của *Chính Thống Đạo Tạng*. Tác giả và thời gian hình thành tác phẩm chưa rõ. Livia Kohn cho rằng *Tây Thăng Kinh* xuất hiện khoảng thế kỷ V Công Nguyên nhưng không biết cụ thể niên đại và tác giả.⁽¹⁾

⁽¹⁾ Livia Kohn, *Taoist Mystical Philosophy: The Scripture of Western Ascension*. State University of New York Press, 1991, p. 4.



Cát Hồng Bào Phác Tử (284-363)

Theo Khanh Hy Thái, tác giả Tây Thắng Kinh mượn danh quan đại phu nhà Chu là Quan Lệnh Doãn Hỷ và căn cứ vào Lão Tử Đạo Đức Kinh mà soạn thành sách. Tên Tây Thắng Kinh lần đầu xuất hiện trong *Thần Tiên Truyện* của Cát Hồng, như vậy khoảng đời Ngụy-Tấn, một đạo sĩ nào

葛
洪
抱
朴
子

đó sáng tác ra. Hiện tồn bản Tây Thắng Kinh do Tống Huy Tông [tại vị 1101-1126] ngự chú (ba quyển, nhưng trong quyển chót của *Đạo Tạng Tập Yếu* chép là một quyển) và bản *Tây Thắng Kinh Tập Chú* của đạo sĩ Trần Cảnh Nguyên (tức Bích Hư Tử, 1025-1094) đời Tống kết tập thành sáu quyển. Cả hai bản đều có ba mươi chín chương nhưng vẫn tự nhiên nhiều chỗ bất đồng.⁽²⁾

Theo Livia Kohn, ngoài hai bản trên, gần đây xuất hiện bản Tây Thắng Kinh do đạo sĩ Lý Vinh (sơ Đường) chú. Bản này do Fujiwara Takao (Đằng Nguyên Cao Nam) công bố năm 1983.⁽³⁾ Theo bản Tây Thắng Kinh do nữ giáo sư Livia Kohn (Đại Học Boston) sưu tầm,⁽⁴⁾ ngay chương đầu thuật lại việc Đức Lão Tử đi sang Ấn Độ truyền đạo:

Đức Lão Tử bay về hướng tây để mở đạo tại Trúc Càn [tức Ấn Độ]. Ngài được gọi là Cổ tiên sinh, rất giỏi nhập vào vô vi, [nên ngài trở nên] vô thủy vô chung, miên miên trường tồn. Vì thế, ngài bay [về hướng tây] đem đạo đến ải quan. Quan lệnh ở đó là Doãn Hỷ trông thấy khí [đỏ tía] của ngài, bèn trai giới đón tiếp. [Đức Lão Tử] vì quan lệnh

⁽²⁾ Khanh Hy Thái 卿希泰 chủ biên, *Trung Quốc Đạo Giáo* 中國道教, Thượng Hải, 1996, quyển 2, tr. 66.

⁽³⁾ Livia Kohn, sách đã dẫn, tr. 23. Fujiwara Takao (Đằng Nguyên Cao Nam 藤原高男), *Tây Thắng Kinh Lý Vinh Chú* 西昇經李榮注 (Saishōkyō ri ei chū), Hương Xuyên Đại Học Nhất Ban Giáo Dục Nghiên Cứu 香川大學一般教育研究 (Kagawa daigaku kokubun kenkyū), 1983.

⁽⁴⁾ Livia Kohn, sách đã dẫn, tr. 323.

mà thuyết hai chương *Đạo Kinh* và *Đức Kinh*.⁽⁵⁾

Ấn Độ ngày xưa cũng gọi là Thiên Trúc, Tây Trúc, trong Tây Thắng Kinh gọi là Trúc Càn. Chữ *kiến khí* (thấy khí) trong chương này ứng với câu rất nổi tiếng *tử khí đông lai* (làn khí đỏ tía từ hướng đông bay tới). Rõ ràng *tây thắng* là bay về hướng tây, tức là sang Ấn Độ.

Câu chuyện trên rất gần với những gì chép trong *Thần Tiên Truyện* của Cát Hồng (khoảng đầu thế kỷ IV Công Nguyên). Nhưng Cát Hồng ghi chép nhiều chi tiết ly kỳ ở Hàm Cốc quan thuộc núi Chung Nam:

“Đức Lão Tử thuê một tiểu đồng tên Từ Giáp phục vụ với giá một trăm tiền một ngày. Đến nay đã nợ Từ Giáp bảy triệu hai. Khi thấy Lão Tử sắp rời bỏ Trung Quốc, Từ Giáp bèn đòi tiền. Lão Tử không chịu trả. Một tên tôi tớ nơi Hàm Cốc quan biết chuyện bèn xúi Từ Giáp đi kiện nơi quan lệnh (Doãn Hỷ), nhưng hắn không biết rằng Từ Giáp theo hầu Lão Tử được trên hai trăm năm rồi. Hắn chỉ biết Từ Giáp sẽ có một món tiền lớn nên nghĩ gả con gái cho Từ Giáp. Thấy ả ta xinh gái, Từ Giáp rất bằng lòng. Họ rủ

⁽⁵⁾ Lão Tử tây thắng, khai đạo Trúc Càn, hiệu Cổ tiên sinh, thiện nhập vô vi, bất chung bất thủy, vĩnh tồn miên miên. Thị dĩ, thắng tự đạo kinh lịch quan. Quan Lệnh Doãn Hỷ kiến khí, trai đãi ngộ tân. Vị thuyết đạo đức, liệt dĩ nhị thiên. (Chương 1: *Tây Thắng*)

老子西昇，開道竺乾，號古先生，善入無爲，不終不始永存綿綿。是以昇就道經歷關。關令尹喜見氣，齋待遇賓，爲說道德，列以二篇。[1. 西昇]

nhau đến gặp quan lệnh Doãn Hỷ. Ngài cực kỳ kinh ngạc. Bấy giờ Đức Lão Tử nói với Từ Giáp rằng: ‘Mi lẽ ra đã chết từ lâu. Lần đầu gặp và thuê mi, mi là tên nô lệ nghèo mạt. Nhưng vì ta không có tiểu đồng nên mới thuê mi và cho mi sống lâu nhờ Thái Huyền thanh mệnh phù. Vì thế mà mi mới thấy ngày nay. Mi còn than phiền nỗi gì? Ta đã bảo khi nào đến Côn Lôn sẽ trả vàng cho mi, sao mi không chờ nổi?’ Đức Lão Tử buộc Từ Giáp há mồm và bảo mọi người nhìn xuống mặt đất. Lá phù (bùa) phóng ra khỏi miệng Từ Giáp, cắm thẳng xuống đất, trên đó có chữ đan 丹 đọc còn rõ. Ngay tức khắc Từ Giáp biến thành bộ xương. Quan lệnh từ bi, xin Đức Lão Tử cứu Từ Giáp sống lại. Từ Giáp sống lại, Đức Lão Tử trả tiền công và đuổi hắn đi. Từ đó Doãn Hỷ rất sùng bái Đức Lão Tử và xin Ngài truyền bí thuật trường sinh. Đức Lão Tử truyền lại *Đạo Đức Kinh*, *Doãn Hỷ* theo đó mà tu luyện thành tiên.”⁽⁶⁾

Thần Tiên Truyện cho rằng Đức Lão Tử đi về núi Côn Lôn và Tây Thắng Kinh cho rằng Đức Lão Tử bay về hướng tây truyền đạo ở Ấn Độ (hóa Hò). Thuyết “Lão Tử hóa Hò” (*the conversion of the barbarians*) thực sự bắt đầu xuất hiện từ đời Đông Hán thời vua Hoàn Đế. Bấy giờ quan thượng thư Tương Khải ⁽⁷⁾ (năm 116 Công Nguyên) trình

⁽⁶⁾ Theo bản tiếng Anh, Livia Kohn dịch, sách đã dẫn, tr. 62-64.

⁽⁷⁾ Livia Kohn ghi là Hoài Khải 懷楷 (sách đã dẫn, p. 65), Khanh Hy Thái (sách đã dẫn, quyển 2, tr. 64) và Zürcher (*The Buddhist Conquest of China*, Taiwan, 1970, p. 291) ghi là

tấu với Hán Hoàn Đế rằng:

“Cố người bảo rằng Lão Tử vào xứ của bọn rợ mà thành Phật. Phật không nghỉ đêm dưới cây dâu ba lần,⁽⁸⁾ không muốn sinh lòng ân ái lâu dài, tinh chuyên một mực như vậy. Thiên thần tặng cho gái đẹp, Phật nói đó là túi da đầy máu nên không nhìn. Cứ gìn giữ một lòng như thế là có thể thành đạo.”⁽⁹⁾

Tương Khai 襄楷.

⁽⁸⁾ Tại sao gọi là nghỉ đêm dưới cây dâu? Có lẽ đây là sự hiểu nhầm từ chữ *tang môn* 桑門. Nó không có nghĩa là nhà dâu để rồi bị suy diễn là nghỉ đêm dưới cây dâu. Thời Hán đã có thuật ngữ này, đồng nghĩa với *sa môn* 沙門. Cả hai đều là phiên âm từ tiếng Phạn: Śramaṇa. Ngữ căn Śram có nghĩa là nỗ lực. Śramaṇa còn phiên âm là *bà môn* 婆門, *tang môn* 喪門, *sa môn na* 沙門那, *xá la ma nã* 舍羅摩拿, *thất ma nã nã* 室摩那拿. Thuật ngữ này chỉ bậc xuất gia tu đạo.

⁽⁹⁾ Hoặc ngôn Lão Tử nhập di dịch vi Phù Đồ,* Phù Đồ bắt tam túc tang hạ, bất dục cửu sinh ân ái, tinh chí chí dã. Thiên thần di dĩ hảo nữ, Phù Đồ viết: Thử đản cách nang thịnh huyết, toại bất phán chi. Kỳ thủ nhất như thử, nãi năng thành đạo.

或言老子入夷狄爲浮屠，浮屠不三宿桑下，不欲久生恩愛精之至也。天神遺以好女，浮屠曰：此但革囊盛血，遂不盼之。其守一如此，乃能成道。

* Phù đồ: Chữ *Buddha* (Phật) được phiên sang Hán âm bằng nhiều chữ như: Phật Đà 佛陀, Phù Đà 浮陀, Phù Đồ 浮圖 (hoặc 浮屠), Phù Đầu 浮頭, Bột Đà 勃陀 (hoặc 浮馱), Bộ Đa 部多, Bộ Đà 部陀, Vô Đà 毋陀 hoặc 毋馱, Một Đà 沒馱 (hoặc 沒陀), Phật Đà 佛陀, Bộ Tha 步他, Phục Đậu 復豆,

Liệt Tiên Truyện (xuất hiện từ thế kỷ II Công Nguyên, nhưng thường bị gán nhầm do Lưu Hưởng sáng tác khoảng năm 77-76 trước Công Nguyên) ghi chép tiểu truyện của Quan Lệnh Doãn rằng sau khi nhận Đạo Đức Kinh từ Lão Tử, Doãn Hỷ tháp tùng Lão Tử sang lưu sa để hóa độ rợ Hồ (Ấn Độ): “Cùng với Lão Tử đi sang vùng sa mạc cát trôi để hóa độ rợ Hồ.”⁽¹⁰⁾

Trong kinh cúng tứ thời của đạo Cao Đài (bài Tiên Giáo) có câu: *Tử khí đông lai, quảng truyền đạo đức; lưu sa tây độ, pháp hóa tương tông*⁽¹¹⁾ có lẽ bắt nguồn từ thuyết “du lưu sa hóa Hồ” này.

Lời bình của Bùi Tùng Chi về bộ *Tam Quốc Chí* (phần Ngụy Thục, xuất bản năm 429 Công Nguyên) có chú dẫn *Ngụy Lược - Tây Nhung Truyện* (do Ngưu Hoạn soạn khoảng giữa thế kỷ III Công Nguyên) cung cấp thêm cho ta về sự kiện hóa Hồ này:

“Những gì ghi trong kinh Phật tương tự với [nội dung]

Phật Đồ 佛圖, Phật 佛, Bộ Đà 步陀, Vật tha 物他, v.v... Xem bài *Phù Đồ dữ Phật* 浮屠與佛 (Phù Đồ và Phật) in trong tập tiểu luận *Trung Ấn Văn Hóa Quan Hệ Sử Luận Từ Trung Quốc và Ấn Độ* của Quý Tiệp Lâm 季羨林 (Bắc Kinh, 1957, tr. 9).

⁽¹⁰⁾ Dữ Lão Tử câu du lưu sa hóa Hồ. 與老子俱遊流沙化胡。

E. Zürcher, *The Buddhist Conquest of China*, Taiwan, 1970, p. 291.

⁽¹¹⁾ 紫氣東來廣傳道德流沙西度法化相宗

Lão Tử Đạo Đức Kinh của Trung Quốc. Người ta cho rằng Lão Tử đi về hướng tây, ra khỏi ải quan, vượt qua nước Thiên Trúc ở Tây Vực, giáo hóa rợ Hồ...”⁽¹²⁾

Đoạn chót câu này, Zürcher bảo nên đọc là: “... Hóa Hồ vi Phù Đồ, thuộc đệ tử biệt hiệu, hợp hữu nhị thập cửu.”⁽¹³⁾ (... giáo hóa rợ Hồ thành Phật, đó là biệt hiệu dành cho cả thầy hai mươi chín đệ tử).

Theo trên, Phật Thích Ca cùng với hai mươi tám thiên tử Ấn Độ là hai mươi chín đệ tử của Lão Tử. Dựa trên cơ sở này, đạo sĩ Vương Phù (tức Cơ Công Thứ) đời Tây Tấn (265-316)⁽¹⁴⁾ soạn *Lão Tử Hóa Hồ Kinh*. Nhưng tác phẩm

⁽¹²⁾ Phù Đồ sở tái dữ Trung Quốc Lão Tử Kinh tương xuất nhập, cái dĩ vi Lão Tử tây xuất quan, quá Tây Vực chi Thiên Trúc, giáo Hồ. Phù Đồ thuộc đệ tử biệt hiệu, hợp hữu nhị thập cửu.

浮屠所載與中國老子經相出入,蓋以爲老子西出關,過西域之天竺,教胡. 浮屠屬弟子別號,合有二十九.

⁽¹³⁾ 化胡爲浮屠,屬弟子別號,合有二十九.

⁽¹⁴⁾ Zürcher cho rằng Vương Phù viết quyển này vào đầu thế kỷ V Công Nguyên (sách đã dẫn, tr. 293).

Khanh Hy Thái chép Vương Phù sống vào đời Tây Tấn (sách đã dẫn, quyển 2, tr. 64).

Vương Hữu Tam cũng chép Vương Phù sống vào đời Tây Tấn: “Nói chung Phật Giáo du nhập vào Trung Quốc khoảng thời Lương Hán. [...] Năm du nhập chính xác là bao nhiêu thì lịch sử còn phân vân. Không ít tín đồ Phật Giáo đời sau đã cùng nhau xuyên tạc [thời gian du nhập] nên không đủ tin cậy. Đặc biệt là Phật Giáo và Đạo Giáo đời Ngụy Tấn đã tranh nhau cao thấp nên rất nhiều tín đồ đã đưa ra nhiều giả thuyết tranh

này ra đời do một động lực khác. Năm cuối triều vua Huệ Đế (tại vị 290-306) đời Tây Tấn, một danh tăng tên là Bạch Viễn (tự là Pháp Tổ) đã bác bỏ thuyết Lão Tử hóa Hồ. Bạch Viễn và Vương Phù tranh luận nhau. Vương Phù thua bèn sáng tác quyển *Lão Tử Hóa Hồ Kinh* để bênh vực quan điểm của mình. Sự việc này được ghi chép trong vài tư liệu như:

1. *Cao Tăng Truyện* của Huệ Kiếu (497-554) sáng tác khoảng năm 530 Công Nguyên, chép rằng: “Sau khi Bạch Viễn mất không lâu, có người tên Lý Thông chết đi sống lại. Lý Thông nói đã gặp Pháp Tổ (tức Bạch Viễn) nơi âm phủ đang giảng kinh *Thủ Lăng Nghiêm Tam Muội* (Sūramgama-samādhi) cho Diêm Ma Vương (vua Yāma) nghe... Đồng thời Lý Thông cũng thấy tên tể tử⁽¹⁵⁾ Vương

giành thời gian xuất hiện trước sau. Đạo sĩ đời Tây Tấn là Vương Phù từng ngụ ý tạo *Lão Tử Hóa Hồ Kinh*, nói Lão Tử đi sang lưu sa hướng tây, vào Thiên Trúc thành Phật, giáo hóa Hồ nhân, Thích Ca Mâu Ni là đệ tử của Lão Tử. Tín đồ Phật Giáo cũng công kích lại, đưa ra nhiều thuyết, cho rằng Phật Giáo có trước Đạo Giáo, du nhập vào Trung Quốc rất sớm.” (Vương Hữu Tam 王友三, *Trung Quốc Tôn Giáo Sử* 中國宗教史, quyển I, Tề Lỗ xuất bản xã 齊魯出版社, Tế Nam 濟南, 1991, tr. 353.)

⁽¹⁵⁾ **Tể tử**: Đạo sĩ có nhiệm vụ rót rượu tế lễ. *Từ Hải* (tr. 928, mục từ *tể tử* 祭酒) giảng: “Tể tử là nghi lễ cổ, trong yến tiệc lớn thì vị khách có tuổi tác cao sẽ rót rượu dâng cúng. Từ đó tể tử là danh xưng tôn kính, ý nói một vị tuổi cao hơn và phẩm hạnh trội hơn những người khác trong nhóm. Về sau, tể tử là tên một chức quan. Như quan *thị trung* (đời Hán) và quan *tân*

Phù tức đạo sĩ Cơ Công Thứ mang gong cùm xiềng xích một mực van xin Pháp Tổ thương xót hãn. Trước đây, lúc sinh bình, Pháp Tổ đã luôn tranh luận với Vương Phù về chuyện chính tà. Vương Phù cãi thua Pháp Tổ, uất ức

kỵ thường thị (đời Ngụy) nếu có công trạng lớn thì được thăng làm quan tể tửu. Ngoài ra, trong các quan bác sĩ đời Hán, vị nào thông minh uy trọng thì được cử làm tể tửu. Từ đời Ngụy về sau có chức quan *quốc tử tể tửu*. Đến cuối đời Thanh thì chức quan này mới bị bỏ đi.”

Charles O. Hucker (*A Dictionary of Official Titles in Imperial China*, Taipei, 1995, p. 130), dịch chức tể tửu là *Libationer* và giảng đại khái: đời Hán đó là chức danh tôn quý giành cho các lão quan ưu tú. Ngoài ra, cũng có thể dịch chức này là *Chancellor*: Từ đời Hán đến đời Thanh, đó là chức quan cao nhất, phụ trách về giáo dục nơi nhà Thái Học (từ đời Tùy gọi là Quốc Tử Giám). Chức danh này bắt nguồn từ chức Bác Sĩ nơi nhà Thái Học đời Tiên Hán. Đời Thanh có hai người được bổ nhiệm làm tể tửu: một là người Hán, một là người Mãn. Thường gọi là Quốc Tử Tể Tửu.

Theo Trương Chí Triết, trong hệ thống cấp bậc của Đạo Giáo, cuối đời Hán, Ngũ Đấu Mễ Đạo hưng thịnh, Trương Lỗ tự xưng là Sư Quân. Kẻ mới nhập đạo gọi là quỷ tốt; đạo đồ cốt cán gọi là tể tửu. Về sau tín đồ gia tăng, có chức đại tể tửu là chức đứng đầu một Trị 治. Trị là một đạo trường hay giáo xứ, coi như một đơn vị hành chánh của Ngũ Đấu Mễ Đạo; mục đích mỗi trị là: trước trấn giữ nhân tâm, sau lập đài quan sát tinh tú. Lúc đầu có hai mươi bốn trị, sau tăng lên thành bốn mươi tám trị, lấy Dương Bình Trị làm trung tâm. (Xem: Trương Chí Triết 張志哲, *Đạo Giáo Văn Hóa Từ Điển* 道教文化辭典, Giang Tô Cổ Tịch xuất bản xã, 1994, tr. 860, 881).

không nhin được bèn sáng tác *Lão Tử Hóa Hồ Kinh* để hủy báng đạo Phật.”

2. *Tán Thế Tập Lục* (khoảng đầu thế kỷ V Công Nguyên) chép: “Đạo sĩ Vương Phù đã từng tranh luận với sa môn Bạch Viễn và cãi thua. Sau đó họ Vương mới cải biên *Tây Vực Truyện* thành *Hóa Hồ Kinh*, nói rằng Doãn Hỷ đi theo Lão Tử sang Tây Vực giáo hóa rợ Hồ và thành Phật. Đạo Phật bắt đầu từ đó.”

3. *Cao Tăng Truyện* (cũng gọi *Chúng Tăng Truyện*) của Bùi Tử Dã (467-528) chép rằng: “Dưới triều Tấn Huệ Đế, sa môn Bạch Viễn tự Pháp Tổ đã từng tranh luận với tên tể tửu Vương Phù (tức đạo sĩ Cơ Công Thứ) về vấn đề chính tà. Vương thua, uất ức mới phỏng theo *Tây Vực Truyện* mà sáng tác *Hóa Hồ Kinh* để hủy báng đạo Phật. Quyển sách này đã lưu truyền khắp nơi.”

4. *U Minh Lục* của Lưu Nghĩa Khánh (403-444) cũng viết như *Cao Tăng Truyện* của Huệ Kiêu, nhưng thêm chi tiết là Lý Thông quê ở Bồ Thành, Thiểm Tây.⁽¹⁶⁾

Lão Tử Hóa Hồ Kinh chỉ có một quyển, người đời sau tăng bổ thành mười quyển. *Thông Chí - Nghệ Văn Lược* ghi là mười quyển. *Quận Trai Độc Thư Chí* (của Triều Công Vũ) quyển 16, ghi là mười quyển. *Văn Hiến Thông Khảo*, quyển 224, cũng ghi là có mười quyển. Tất cả đều chú dẫn *Tam Quốc Chí Chú* (của Bùi Tùng Chi), *Tân Đường Thư - Nghệ Văn Chí*, v.v... nói về nguyên nhân phát sinh cổ sự

⁽¹⁶⁾ Zürcher, sách đã dẫn, p. 294.

hóa Hồ thành Phật và cuộc tranh luận về sự chân ngụy của *Hóa Hồ Kinh*. Bản *Đôn Hoàng Lão Tử Hóa Hồ Kinh* mười quyển bị hư hoại, chỉ còn giữ được quyển 2, 8, và 10. Nội dung chủ yếu của *Hóa Hồ Kinh* là kể lại câu chuyện dẫn Quan Lệnh Doãn Hỷ đi sang hướng tây, vào nước Thiên Trúc (Ấn Độ), hóa thành Phật Đà, lập ra Phù Đồ Giáo (tức Phật Giáo).

Lão Tử Hóa Hồ Kinh ra đời, làm nảy sinh một đại công án tôn giáo kéo dài gần một ngàn năm.

Bên Đạo Giáo cố gắng chứng minh rằng Đạo Giáo có trước Phật Giáo, và Lão Tử hóa thành Phật rồi mở đạo Phật tại Ấn Độ. Họ sáng tác thêm một số tác phẩm để bênh vực quan điểm như: *Huyền Diệu Nội Thiên*, *Xuất Tái Ký*, *Quan Lệnh Doãn Hỷ Truyện*, *Văn Thủy Nội Truyện*, *Lão Quân Thiên Khai Kinh*, v.v...

Bên Phật Giáo ngoài việc chứng minh sự việc hóa Hồ là hư ngụy, họ còn sáng tác những quyển như *Chu Thư Dị Ký*, *Hán Pháp Bản Nội Truyện*, v.v... chứng minh rằng Phật Thích Ca là sư phụ của Không Tử và Lão Tử.⁽¹⁷⁾

Đến đời Đường Cao Tông, và sau là thời Vũ Chu (thời Vũ Tắc Thiên xưng đế, bà đổi quốc hiệu là Chu 周), chư tăng xin triều đình cấm và hủy bỏ *Hóa Hồ Kinh*. Mặc dù bát đại học sĩ tâu rằng kinh này không có gì tà ngụy nhưng triều đình cũng hai lần hạ lệnh đốt bỏ (dưới triều Cao Tông và dưới triều Vũ Hậu). Nhưng bấy giờ mệnh lệnh không

ng nghiêm, *Hóa Hồ Kinh* vẫn tiếp tục lưu hành.

Đến đời Nguyên, dưới triều vua Hiến Tông (tại vị 1251-1260) và Thế Tổ (tại vị 1260-1295), Toàn Chân Đạo xâm chiếm chùa miếu và điền sản của Phật Giáo. Phật Giáo lại đem *Lão Tử Hóa Hồ Kinh* ra tố cáo là ngụy kinh. Thêm một lần nữa Phật Giáo và Đạo Giáo lại tranh luận kịch liệt.

Năm thứ 8 (tức 1259) vua Hiến Tông và năm Chí Nguyên 18 (tức 1282) đời vua Thế Tổ, Toàn Chân Đạo hai lần biện luận đại bại, và triều đình nhà Nguyên hai lần hạ lệnh đốt bỏ đạo kinh. Lão Tử Hóa Hồ Kinh từ đó bị đốt mất. *Chính Thống Đạo Tạng* và *Vạn Lịch Tục Đạo Tạng* đời Minh đều không ghi chép *Hóa Hồ Kinh*.⁽¹⁸⁾

Lão Tử Hóa Hồ Kinh mang nội dung hư cấu về hành trạng Đức Lão Tử sau khi để lại cho Doãn Hỷ bộ *Đạo Đức Kinh*. Điều mà con người hiện nay quan tâm không phải là nội dung *Hóa Hồ Kinh* mà chính là ôn lại một cuộc đại tranh luận non một ngàn năm giữa Phật Giáo và Đạo Giáo trong lịch sử phát triển của Phật Giáo Trung Quốc kể từ khi du nhập, tức là từ thời Lưỡng Hán cho đến nay.

LÊ ANH MINH

● **Hễ ai nghĩ rằng cứ ngồi trong nhà thờ thì có thể trở thành Kitô hữu ắt hẳn cũng nghĩ rằng cứ ngồi trong nhà xe thì có thể biến họ thành cái xe.** / *Anyone who thinks sitting in church can make you a Christian must also think that sitting in a garage can make you a car.*

GARRISON KEILLOR (tác gia Mỹ, sinh năm 1942)

^{(17) (18)} Khanh Hy Thái, sách đã dẫn, quyển 2, tr. 64, 65.

THANH TĨNH KINH

Dịch & chú thích: LÊ ANH MINH

Kinh này có nhan đề đầy đủ là: *Thái Thượng Lão Quân Thuyết Thường Thanh Tĩnh Kinh*.⁽¹⁾ các nhan đề khác là: *Thái Thượng Hồn Nguyên Thượng Đức Hoàng Đế Thuyết Thường Thanh Tĩnh Kinh*;⁽²⁾ *Thường Thanh Tĩnh Kinh*;⁽³⁾ *Thanh Tĩnh Kinh*.⁽⁴⁾

Về nội dung, kinh giải thích diệu dụng của thanh tĩnh.⁽⁵⁾ Để đạt được thanh tĩnh người tu phải *tam quán*: ① nội quán (nhìn vào trong); ② ngoại quán (nhìn ra ngoài), và ③ viễn quán (nhìn ra xa). Tam quán để thấy vạn vật đều là không; tức là *trùng tâm* (làm trong sạch tâm) để diệt trừ vọng tâm, diệt trừ phiền não.

Tác giả bản kinh này chưa rõ là ai. Có thuyết cho rằng đó là Cát Huyền 葛玄 (164-244); có thuyết cho rằng tác giả là một đạo sĩ ẩn danh, sống vào đời Đường (618-907) hoặc Ngũ Đại (907-1279).

⁽¹⁾ 太上老君說常清靜經

⁽²⁾ 太上混元上德皇帝說常清靜經

⁽³⁾ 常清靜經

⁽⁴⁾ 清靜經

⁽⁵⁾ Người Việt quen đọc là *Thanh Tịnh Kinh*. Chữ Tĩnh 靜 và Tịnh 淨 viết khác nhau.



Bìa *Thanh Tĩnh Kinh*. Bản in năm Dân Quốc (Trọng Đông Giáp Tý). Thượng Hải: Hoàng Đại Thiện Thư Cục Thạch Ấn.

Bản kinh này (có lời chú của Thủy Tinh Tử) đã được đưa vào *Chính Thống Đạo Tạng*.⁽⁶⁾ Đây là bản kinh được giới đạo sĩ rất xem trọng.

Thanh Tĩnh Phái của Toàn Chân Đạo⁽⁷⁾ quy định đây là bản kinh nhật tụng của môn phái, nên bản kinh được lưu hành rất rộng và có nhiều bản chú thích của các nhà như: Đỗ Quang Đình, Thủy Tinh Tử, Hồn Nhiên Tử, Hào Thiện Uyên, Lý Đạo Thuần.⁽⁸⁾

Bản dịch này căn cứ bản chữ Hán (468 từ) in trong *Đạo Giáo Thập Tam Kinh* (quyển Hạ), do Ninh Chí Tân chủ biên, Hà Bắc Nhân Dân xuất bản xã, 1994, tr. 1330-1333.⁽⁹⁾

THANH TĨNH KINH (dịch)

1. Lão Quân nói: Đại Đạo không có hình dáng, nhưng sinh ra và nuôi dưỡng trời đất. Đại Đạo không có tình cảm, nhưng khiến cho mặt trời và mặt trăng hoạt động. Đại Đạo không có tên, nhưng nuôi dưỡng và phát triển vạn vật. Ta không biết tên gọi của nó, nên gượng gọi tạm nó là Đạo.

2. Đạo thì có trong có đục, có động có tĩnh. Trời trong đất đục, trời động đất tĩnh. Trai trong gái đục, trai động gái tĩnh. Động và tĩnh, trong và đục tương tác nhau mà sinh ra vạn vật. Trong là nguồn gốc của đục, động là căn bản của

tĩnh. Hễ con người luôn thanh tĩnh thì trời đất sẽ quy về họ [tức là con người hòa hợp với vũ trụ].

3. Cái thần của con người vốn thích sự trong trẻo nhưng tâm lại quấy nhiễu nó. Tâm con người vốn thích sự yên tĩnh nhưng lòng ham muốn lại lôi kéo nó. Hễ con người điều khiển được sự ham muốn của mình (tức là không chế được nó) thì tâm của mình sẽ tự yên tĩnh. Hễ con người làm trong sạch tâm mình thì thần của họ sẽ tự trong trẻo. Tự nhiên sáu ham muốn sẽ không phát sinh và ba độc sẽ tự tiêu diệt. Nhưng sở dĩ người ta chưa thể đạt được điều đó bởi vì tâm họ chưa được thanh lọc, ham muốn của họ chưa bị khống chế. Để khống chế được ham muốn của mình thì hãy nhìn vào bên trong, xét cái tâm của mình, ắt thấy rằng tâm mình vốn không có tâm; hãy nhìn ra bên ngoài, xét hình của mình, ắt thấy rằng hình mình vốn không có hình; hãy nhìn ra xa, xét các sự vật, ắt thấy rằng vật vốn không có vật. Cả ba thứ ấy (tâm, hình, vật) đều là không. [Thấu triệt được điều ấy thì sẽ] thấy vạn vật đều là không.

4. Quán xét thấy không cũng là không; cái không thì không có cái vốn là không. Cái vốn là không đã không có, thì không có cái không có cũng là không có. [Thấy rằng] không có cái không có đã là không có, thì tâm luôn luôn tĩnh lặng. [Thấy rằng] tĩnh lặng không có cái vốn tĩnh lặng, thì đục vọng làm sao có thể phát sinh ra? Dục vọng đã không phát sinh, tức là ta đạt được sự tĩnh lặng đích thực. Sự tĩnh lặng đích thực đó luôn thích ứng với sự vật và luôn [khiến ta] giác ngộ được chân tính. Luôn thích ứng, luôn tĩnh lặng, luôn thanh tĩnh vậy.

⁽⁶⁾ 正統道藏

⁽⁷⁾ 清靜派 / 全真道

⁽⁸⁾ 杜光庭 / 水精子 / 混然子 / 侯善淵 / 李道純

⁽⁹⁾ 寧志新, 道教十三經, 河北人民出版社

5. Người đã thanh tĩnh được như vậy, thì đang tiến dần vào Đạo chân chính. Hễ tiến vào Đạo chân chính rồi thì gọi là đắc đạo. Tuy gọi là đắc đạo nhưng thực tế đã không đắc [không đạt được] cái gì cả. Hễ cảm hóa được chúng sinh, thì gọi là đắc đạo. Ai giác ngộ được điều đó thì có thể truyền dạy Đạo Thánh cho người khác.

6. Lão Quân nói: Bậc thượng sĩ chẳng tranh chấp với ai; kẻ hạ sĩ thích tranh chấp với người khác. Bậc thượng đức không chấp vào đức [không coi mình là có đức]; kẻ hạ đức chấp vào đức [tự coi mình là có đức]. Kẻ chấp trước vào nó chẳng hiểu đạo đức là gì. Chúng sinh sở dĩ không đạt được Đạo chân chính là vì có vọng tâm. Đã có vọng tâm tức là làm kinh động đến thần của mình. Đã làm kinh động đến thần của mình, tức là chấp trước vào sự vật. Đã chấp trước vào sự vật, tức là nảy sinh lòng tham lam và mong cầu. Đã nảy sinh lòng tham lam và mong cầu, tức là phiền não. Phiền não và vọng tưởng làm khổ cả thân và tâm, khiến ta gặp phải sự ô trọc và nhục nhã, trôi nổi luân hồi sinh tử, luôn chìm đắm trong biển khổ, mãi mãi đánh mất Đạo chân chính. Kẻ giác ngộ Đạo chân chính và thường hằng thì tự đắc Đạo. Kẻ đắc Đạo thì luôn thanh tĩnh vậy.

THANH TĨNH KINH (phiên âm Hán Việt)

1. Lão Quân viết: Đại Đạo vô hình, sinh dục thiên địa; Đại Đạo vô tình, vận hành nhật nguyệt. Đại Đạo vô danh, trường dưỡng vạn vật. Ngộ bất tri kỳ danh, cường danh⁽¹⁰⁾ viết Đạo.

⁽¹⁰⁾ **Cường danh:** Miễn cưỡng gọi tên là; gượng gọi tạm là.

2. Phù Đạo giả, hữu thanh hữu trọc,⁽¹¹⁾ hữu động hữu tĩnh.⁽¹²⁾ Thiên thanh địa trọc, thiên động địa tĩnh. Nam thanh nữ trọc, nam động nữ tĩnh. Giáng bản lưu mạt,⁽¹³⁾ nhi sinh vạn vật. Thanh giả trọc chi nguyên, động giả tĩnh chi cơ. Nhân năng thường thanh tĩnh, thiên địa tất giai quy.

3. Phù nhân thần hiếu thanh, nhi tâm nhiễu chi; nhân tâm hiếu tĩnh, nhi dục khiên chi. Thường năng khiên kỳ dục, nhi tâm tự tĩnh; trừng⁽¹⁴⁾ kỳ tâm, nhi thần tự thanh. Tự nhiên lục dục⁽¹⁵⁾ bất sinh, tam độc⁽¹⁶⁾ tiêu diệt. Sở dĩ bất năng giả, vị tâm vị trừng, dục vị khiên dã. Năng khiên chi giả, nội quán kỳ tâm, tâm vô kỳ tâm; ngoại quán kỳ hình, hình vô kỳ hình; viễn quán kỳ vật, vật vô kỳ vật. Tam giả vô, duy kiến ư không.

4. Quán không diệt không, không vô sở không. Sở không ký vô, vô vô diệt vô. Vô vô ký vô, trạm nhiên thường tịch. Tịch vô sở tịch, dục khởi năng sinh. Dục ký

⁽¹¹⁾ **Thanh:** Trong trẻo. **Trọc:** Đục.

⁽¹²⁾ **Tĩnh 靜:** Yên tĩnh (trái nghĩa của *động*) thường bị lầm với chữ *tịnh 淨* (sạch sẽ).

⁽¹³⁾ **Giáng bản:** Làm cho gốc hạ xuống. **Lưu mạt:** Làm cho ngọn lưu thông. Ninh Chí Tân giải thích: *Trời đất thẳng giáng, nam nữ giao hợp*. Có thể hiểu đây là sự tương tác giữa động và tĩnh, giữa thanh và trọc, giữa dương và âm.

⁽¹⁴⁾ **Trừng:** Làm cho trong sạch.

⁽¹⁵⁾ **Lục dục:** Sáu ham muốn phát sinh từ lục trần (sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp).

⁽¹⁶⁾ **Tam độc:** Tham, sân (nóng giận), si (ngu si).

bất sinh, tức thị chân tĩnh. Chân thường ứng vật, chân thường đặc tính. Thường ứng thường tĩnh, thường thanh tĩnh hỷ!

5. Như thử thanh tĩnh, tiệm nhập chân đạo. Ký nhập Chân Đạo, danh vi đặc đạo. Tuy danh đặc đạo, thực vô sở đặc. Vị hóa chúng sinh, danh vi đặc đạo. Năng ngộ chi giả, khả truyền Thánh Đạo.

6. Lão Quân viết: Thượng sĩ⁽¹⁷⁾ vô tranh, hạ sĩ⁽¹⁸⁾ hiếu tranh. Thượng đức bất đức, hạ đức chấp đức. Chấp trước chi giả, bất minh đạo đức. Chúng sinh sở dĩ bất đặc chân đạo giả, vị hữu vọng tâm. Ký hữu vọng tâm, tức kinh kỳ thần. Ký kinh kỳ thần, tức trước vạn vật. Ký trước vạn vật, tức sinh tham cầu. Ký sinh tham cầu, tức thị phiền não. Phiền não vọng tưởng, ưu khổ thân tâm, tiện tạo trọc nhục, lưu lã sinh tử, thường trầm khổ hải, vĩnh thất chân đạo. Chân thường chi đạo, ngộ giả tự đặc. Đặc ngộ đạo giả, thường thanh tĩnh hỷ!

NGUYỄN VĂN (chữ Hán)

1. 老君曰：大道無形，生育天地；大道無情，運行日月；大道無名，長養萬物。吾不知其名，強名曰道。
2. 夫道者，有清有濁，有動有靜。天清地濁，天動地靜；男清女濁，男動女靜。降本流末，而生萬物。

⁽¹⁷⁾ **Thượng sĩ**: Bậc đạo cao đức trọng; như *thượng đức*.

⁽¹⁸⁾ **Hạ sĩ**: Kẻ thấp kém đạo đức; như *hạ đức*.

清者濁之源，動者靜之基。人能常清靜，天地悉皆歸。

3. 夫人神好清，而心擾之；人心好靜，而慾牽之。常能遣其慾，而心自靜；澄其心，而神自清。自然六慾不生，三毒消滅。所以不能者，為心未澄，慾未遣也。能遣之者，內觀其心，心無其心；外觀其形，形無其形；遠觀其物，物無其物。三者既無，唯見於空。
4. 觀空亦空，空無所空。所空既無，無亦無。無既無，湛然常寂。寂無所寂，慾豈能生。慾既不生，即是真靜。真常應物，真常得性。常應常靜，常清靜矣！
5. 如此清靜，漸入真道。既入真道，名為得道。雖名得道，實無所得。為化眾生，名為得道。能悟之者，可傳聖道。
6. 老君曰：上士無爭，下士好爭。上德不德，下德執德。執著之者，不明道德。眾生所以不得真道者，為有妄心。既有妄心，即驚其神。既驚其神，即著萬物。既著萬物，即生貪求。既生貪求，即是煩惱。煩惱妄想，憂苦身心，便遭濁辱，流浪生死，常沉苦海，永失真道。真常之道，悟者自得。得悟道者，常清靜矣！

● Khoa học không tôn giáo thì què quặt, tôn giáo không khoa học thì mù lòa. / Science without religion is lame, religion without science is blind.

ALBERT EINSTEIN (Mỹ gốc Đức, 1879-1955)



CÔNG PHU TU DƯỠNG CỦA ĐỨC KHỔNG TỬ

PHÙNG HỮU LAN 馮友蘭 (1895-1990)

Dịch: LÊ ANH MINH

Đức Khổng Tử nói: *Ta mười lăm tuổi chí tâm học tập; ba mươi tuổi thì noi theo lễ mà hành động; bốn mươi tuổi không còn nghi ngờ; năm mươi tuổi biết mệnh Trời; sáu mươi tuổi thì đã thuận mệnh Trời; bảy mươi tuổi tùy ý mà*

làm nhưng không vượt ra ngoài phép tắc.⁽¹⁾

Đó là Đức Khổng Tử nói về những thay đổi diễn ra trong đời mình liên quan với các cảnh giới⁽²⁾ mà Ngài sống. Khi nói ba mươi tuổi, bốn mươi tuổi, năm mươi tuổi... chẳng qua là các mốc thời gian mà Ngài trải qua; không nhất thiết phải là cứ mười năm thì cảnh giới của Ngài có một lần biến đổi.

Chữ **học** trong *mười lăm tuổi chí tâm học tập* không phải là cái học thông thường. Ngài nói:

- *Sáng sớm nghe Đạo, chiều tối chết cũng cam lòng.*
(Luận Ngữ, 4:8)

- *Kẻ sĩ lập chí học Đạo mà còn xấu hổ vì áo xấu cơm thô thì chẳng đáng cùng ta nghị luận.* (Luận Ngữ, 4:9)

Cái học mà Đức Khổng Tử nói ở đây là học Đạo. Cái học thông thường là để tăng gia tri thức, còn Đạo là cái nâng cao cảnh giới của con người. Cái học thông thường là cái học trong câu nói của Đức Lão Tử (*Đạo Đức Kinh*, chương 48): *Theo học ngày một thêm, theo Đạo ngày một bớt.*⁽³⁾ Cái học ấy đối lập với Đạo.

⁽¹⁾ Tử viết: *Ngô thập hữu ngũ nhi chí ư học, tam thập nhi lập, tứ thập nhi bất hoặc, ngũ thập nhi tri thiên mệnh, lục thập nhi nhĩ thuận, thất thập nhi tòng tâm sở dục, bát du cử.* (Luận Ngữ, 2:4) 子曰：吾十有五而志於學，三十而立，四十而不惑，五十而知天命，六十而耳順，七十而從心所欲不踰矩。

⁽²⁾ **Cảnh giới:** Xem phụ chú cuối bài này.

⁽³⁾ *Vì học nhật ích, vì Đạo nhật tổn.* 爲學日益,爲道日損。

Còn cái học mà Đức Khổng Tử và Nho Gia về sau nói, chính là cái học về Đạo. Cái học về Đạo của Nho Gia tuy không nhất thiết ngày một bớt, nhưng nó cũng khác với cái học thông thường. Tôi đã nói: Cảnh giới tự nhiên và cảnh giới công lợi là quà tặng của tự nhiên; cảnh giới đạo đức và cảnh giới thiên địa là sáng tạo tinh thần của con người. Con người muốn hiểu được hai cảnh giới sau thì phải hiểu cái gọi là Đạo. Con người sống ở thế gian xem việc nghe được Đạo là quan trọng nhất, nên Đức Khổng Tử nói:

- *Sáng sớm nghe Đạo, chiều tối chết cũng cam lòng.*

- *Kẻ sinh sau đáng sợ. Làm sao chúng ta biết tương lai của họ sẽ chẳng bằng hiện tại của chúng ta? Đến bốn mươi hay năm mươi tuổi mà họ chẳng nghe được Đạo, thì họ không đủ cho chúng ta sợ nữa.* (Luận Ngữ, 9:23)

Đức Khổng Tử *ba mươi tuổi thì noi theo lễ mà hành động*. Ngài còn nói:

- *Noi theo lễ mà hành động (Lập ư lễ 立於禮).*

- *Không biết lễ, sẽ không noi theo lễ mà hành động.* (Luận Ngữ, 20:3)

Lễ là chuẩn mực cho hành vi mà con người quy định, và lễ được xem là đại biểu cho **nghĩa** 義, là đại biểu cho **trung** 中 trên phương diện đạo đức.

Chữ **lập** 立 ở đây nghĩa là *noi theo lễ mà hành động*.⁽⁴⁾

⁽⁴⁾ *Tuân lễ nhi hành 循禮而行.*

Có thể noi theo lễ mà hành động, tức là *khắc kỷ phục lễ*.

Phục lễ 復禮 tức là *hề cái gì phi lễ thì chẳng nhìn, chẳng nghe, chẳng nói, chẳng làm* (Luận Ngữ, 12:1).

Khắc kỷ 克己 tức là khắc chế bản ngã, trừ khử tự tư tự lợi.

Một kẻ sống trong cảnh giới công lợi thì hành vi của hắn đều vì lợi ích bản thân. Đó là hạng tự tư tự lợi. Thực hành đạo đức thì trước tiên phải trừ khử sự tự tư tự lợi. Do đó khi Nhan Uyên hỏi Đức Khổng Tử về *nhân* (nhân ái), Đức Khổng Tử đáp: *Khắc kỷ phục lễ là nhân*. (Luận Ngữ, 12:1)

Đức Khổng Tử *bốn mươi tuổi không còn nghi ngờ*. Ngài còn nói: *Người trí thì không còn nghi ngờ*. (Luận Ngữ, 9:29)

Trí 智 tức là hiểu biết về *nhân, nghĩa, lễ*. Đức Khổng Tử ba mươi tuổi đã noi theo lễ mà hành động. *Lễ* là đại biểu của *nghĩa*. Có thể noi theo *lễ* tức là có thể hợp *nghĩa*. Nhưng hành vi hợp *nghĩa* chưa chắc là hành vi *nghĩa*. Do đó phải có thêm một bước nữa tiến tới *trí* thì chúng ta mới có thể hiểu biết trọn vẹn về *nhân, nghĩa, lễ*. Hiểu trọn vẹn về *lễ* thì không còn nghi ngờ [bất hoặc]. Người *trí* và *không còn nghi ngờ* thì mới có thể có hành vi *nhân* và *nghĩa* chân chính. Cảnh giới của người đó mới có thể là cảnh giới đạo đức. Đức Khổng Tử học Đạo đến năm bốn mươi tuổi thì bắt đầu đạt tới cảnh giới đạo đức vậy.

Đức Khổng Tử nói: *Có những người, ta có thể cùng học với họ nhưng chưa chắc cùng họ học Đạo; có thể cùng họ*

học Đạo nhưng chưa chắc cùng họ noi theo lễ mà hành động; có thể cùng họ noi theo lễ mà hành động nhưng chưa chắc cùng họ quyền biến. (Luận Ngữ, 9:30)

Họ có thể noi theo lễ mà hành động nhưng chưa chắc đã hiểu trọn vẹn về lễ. Không hiểu trọn vẹn về lễ thì không biết rằng *sự quan trọng của lễ là tùy thời* (lễ, thời vi đại). Đức Mạnh Tử nói: *Chấp trung mà không quyền biến thì cũng như chấp nhất*.⁽⁵⁾

Chấp trung tức là bám lấy một tiêu chuẩn chết cứng, một biện pháp cố định để đối phó muôn hoàn cảnh khác nhau. Đức Mạnh Tử nói: *Bậc đại nhân khi nói không nhất thiết cho rằng lời nói đáng tin, khi hành động không nhất thiết cho rằng hành động hiệu quả, chỉ tùy hoàn cảnh mà nói và làm cho hợp nghĩa thôi*. Ai đạt tới trình độ trí tuệ không còn nghi ngờ thì mới có thể quyền biến. Đây là chỗ tiến bộ mà Đức Khổng Tử đạt tới khi học Đạo.

Đức Khổng Tử *năm mươi tuổi biết mệnh Trời*. Nhân, nghĩa, lễ đều là sự việc thuộc phương diện xã hội. Tới giai đoạn này, Đức Khổng Tử biết ở trên xã hội là Trời. Do đó cảnh giới của Ngài đã vượt lên trên cảnh giới đạo đức. Cái gọi là *Thiên mệnh* ở đây có thể giải thích là các biến đổi của sự vật trong vũ trụ vượt ra ngoài sức người và sức người chẳng thể can thiệp được. Đây là ý nghĩa của mệnh mà Nho Gia sau này đã hiểu. Cái gọi là *Thiên mệnh* ở đây cũng có thể giải thích là mệnh lệnh của Thượng Đế. Đây

đường như là ý nghĩa mà Đức Khổng Tử dùng. Nếu quả như thế, thì điều mà Đức Khổng Tử gọi là *tri Thiên mệnh* có lẽ giống như từ *tri Thiên* (biết Trời) mà tôi dùng trong quyển *Tân Nguyên Nhân*.

Đức Khổng Tử *sáu mươi tuổi thì đã thuận mệnh Trời*.⁽⁶⁾

Đức Khổng Tử *bảy mươi tuổi tùy ý mà làm nhưng không vượt ra ngoài phép tắc*. Trong quyển *Tân Nguyên Nhân* tôi đã nói người sống trong cảnh giới đạo đức, làm việc đạo đức thì xuất phát từ sự lựa chọn cân nhắc và cần phải cố gắng; còn người sống trong cảnh giới thiên địa, làm việc đạo đức thì không nhất thiết xuất phát từ sự lựa chọn cân nhắc và không cần phải cố gắng. Điều đó không có nghĩa là anh ta làm theo thói quen, mà có nghĩa là anh ta đã hiểu

⁽⁶⁾ *Lục thập nhi nhĩ thuận* 六十而耳順. Câu này các học giả tiền bối căn cứ mặt chữ mà giảng nên không thỏa đáng. Hư từ *nhĩ* 耳 tức là dạng rút gọn của *nhĩ dĩ* 而已 (mà thôi), trường hợp rút gọn này cũng giống như chữ *chư* 諸 tức là *chỉ ư* 之於 hay *chỉ hồ* 之乎. Do đó câu này nguyên tác có người chép là *lục thập nhĩ thuận* 六十耳順, tức là *lục thập nhi dĩ thuận* 六十而已順. Người đời sau không hiểu *nhĩ* tức là *nhĩ dĩ*, lại thấy trước và sau đều có chữ *nhĩ* 而, nên mới chép thêm một chữ *nhĩ* nữa thành ra *lục thập nhi nhĩ thuận* 六十而耳順. Đời sau hiểu *nhĩ* 耳 là lỗi tai, nên giải thích sai. (Ở đây tôi giảng theo thuyết của tiên sinh Trầm Hữu Đình 沈有鼎). *Lục thập nhi dĩ thuận* (sáu mươi tuổi thì đã thuận), thuận tức là thuận mệnh Trời, tức là ý nghĩa mà trong quyển *Tân Nguyên Nhân* tôi gọi là *sự thiên* 事天 (phục vụ Trời).

⁽⁵⁾ *Chấp trung vô quyền, do chấp nhất dã*. 執中無權, 猶執一也.

biết cao. Đức Khổng Tử bảy mươi tuổi tùy ý mà làm nhưng không vượt ra ngoài phép tắc, có lẽ vì đã đạt sự hiểu biết cao, *chẳng suy tính mà vẫn được, chẳng gắng sức mà vẫn trúng*.⁽⁷⁾ Trong quyển *Tân Nguyên Nhân* tôi gọi đó là lạc thiên 樂天 (vui với Trời).

[Nguồn: **Phùng Hữu Lan**, *Tân Nguyên Đạo (Tinh Thần Của Triết Học Trung Quốc)*, **Lê Anh Minh** dịch, Nxb Đại Học Sư Phạm TpHCM, 2010.]

PHỤ CHÚ

Theo Phùng Hữu Lan, con người có **bốn cảnh giới**:

① **Cảnh giới tự nhiên** (con người sống theo bản tính hay tập quán tự nhiên).

② **Cảnh giới công lợi** (con người sống vì lợi ích cá nhân, vụ lợi riêng cho mình).

③ **Cảnh giới đạo đức** (con người sống vì lợi ích của tha nhân, của cộng đồng).

④ **Cảnh giới thiên địa** (con người hiểu được ý nghĩa của con người đối với vũ trụ, biết sống hợp nhất với vũ trụ).

Công dụng của triết học (hay đạo học) là giúp con người chuyển hóa từ hai cảnh giới trước sang hai cảnh giới sau, tức là nhằm sống đạo đức và hợp nhất với trời đất. [LAM]

⁽⁷⁾ *Bất tư nhi đắc bất miễn nhi trúng*. 不思而得不勉而中.

HAI BÀI THƠ NHỚ MẸ

Bài 1. TƯ MẪU 思母 (Nhớ Mẹ) của nhà sư **Dư Cung** 興恭 do **Trần Văn Chánh** sưu tầm và dịch âm:

霜 隕 蘆 花 淚 濕 衣
白 頭 無 復 倚 柴 扉
去 年 五 月 黃 梅 雨
曾 典 袈 裟 糴 米 歸

Sương vắn lô hoa lệ thấp y
Bạch đầu vô phục ỷ sài phi
Khứ niên ngũ nguyệt hoàng mai vũ
Tằng điển giả sa địch mễ quy.

Trần Văn Chánh dịch xuôi:

*Trông thấy sương rơi trên đám hoa lau mà lệ rơi ướt áo
Mẹ già không còn đứng tựa cửa*

trông ngóng con như mọi khi

Nhớ lại cơn mưa đầu mùa hạ hồi tháng năm năm rồi

Con đã từng cầm cổ chiếc áo cà sa

mua gạo về nhà nuôi mẹ.

Huệ Khải chuyển thể:

Hoa lau sương đọng lệ con trần
Cửa vắng mẹ già ngóng trẻ sang
Năm ngoái mưa về nhà hết gạo
Cà sa cầm cố đỡ cơ hàn.
15-10-2014

Phạm Văn Liêm chuyển thể:

Sương đọng ngàn lau, lệ thấm bầu
Mẹ thôi tựa cửa suốt canh đầu
Nhớ cơn mưa hạ mùa năm ngoái
Thiếu gạo con cầm cố áo nâu!
16-10-2014

Bài 2. ỨC MẪU 憶母 (Nhớ Mẹ) của **Nghe Thụy Tuyên**
倪瑞璿, đời Thanh (Trung Quốc), do **Trần Văn Chánh**
sưu tầm và dịch âm:

河 廣 難 航 莫 我 過
未 知 安 否 近 如 何
暗 中 時 滴 思 親 淚
只 恐 思 兒 淚 更 多

Hà quảng nan hàng mạc ngã qua
Vị tri an bĩ cận như hà

Ám trung thời đích * tư thân lệ
Chỉ khùng tư nhi lệ cánh đa.

Trần Văn Chánh dịch xuôi:

*Sông rộng khó đi chẳng ai ghé qua nhà
Nên chưa biết gần đây sức khỏe mẹ tốt xấu ra sao
Lúc âm thầm, nhỏ giọt lệ nhớ mẹ
Nhưng chỉ e nước mắt mẹ nhớ con lại còn nhiều hơn.*

Huệ Khải chuyển thể:

Tin nhà vắng bật bởi sông dài
Nhớ mẹ nhưng nào biết hỏi ai
Mấy lúc âm thầm con rớt lệ
Lại e lệ mẹ đầm hơn rồi.
15-10-2014

Phạm Văn Liêm chuyển thể:

Sông rộng quá, có ai về bên ấy?
Mong tin sương tuổi hạc đáng sinh thành
Thương mẹ già giọt lệ đầm đầu canh
Và mắt mẹ chắc cũng tràn nỗi nhớ!
16-10-2014

* Chữ 滴 thường đọc là *Trích*. *Khang Hy* đọc là *Đích*.
[Văn Uyển chú]

NẮNG ẤM MÙA ĐÔNG

Đã bao lần đón đông về khắc khoải
Lạnh buốt tâm hồn nghe trống trải trong ta
Nhưng hôm nay đông chợt về rất lạ
Nắng ấm hanh vàng ta cứ ngỡ xuân qua

Tia nắng ấm phát từ tim hạnh phúc
Cám ơn đời cho ngày mới tương lai
Gần sáu mươi năm! Ôi một quãng đường dài
Ta chợt thấy hồn như đang trẻ lại

Bao ưu tư, muộn phiền, buồn vui trong cuộc sống
Tạm gác rồi... vào ngăn kéo thời gian
Tập sống thời sơ sinh như vừa rời lòng mẹ
Hít thở nhẹ nhàng với từng niệm hồng danh

Cuộc sống hôm nay là những ngày kỳ diệu
Như quyển sách hồng từng bước lật sang trang
Từng hạt châu theo hơi thở nhịp nhàng
Nghe cuộc sống dường như đang ngừng lại

Dù ngoài kia đời vẫn đang rộn rã
Quyển rũ gọi mời, ta cứ mặc, cho qua

Từng hơi thở, lắng nghe từng hơi thở
Đếm nhịp thời gian, quay lại với tâm mình
Đời vô ngã tâm như như tự tại
Rong ruổi cuộc đời bằng bao hạt vô ưu

Lạy Thượng Đế, con cúi đầu kính lạy
Xin dẫn con về với nắng ấm mùa đông.

NGUYỄN THỊ CÚC
Thánh thất Trung Sơn (Đà Nẵng)

HOA LÒNG

Tuyệt vời một đóa hoa hồng
Bỗng nhiên đã nở trong lòng bình minh
Cánh hoa lóng lánh thủy tinh
Hạt sương cô đọng trọn tình Hóa Công
Đài hoa nép dưới cánh hồng
Nghe hương nhẹ tỏa cõi lòng lâng lâng
Bấy lâu vun tưới chuyên cần
Phút giây phấn khởi nổi mừng trong tâm ...
Sắc hương xin được vẹn toàn
Cho vui đạo hữu, vẻ vang Đạo Thầy.

HÀN NGỌC (CQPTGLĐĐ, 14-01-1991)

ANTHONY DE MELLO (1932-1987) GIÁO SĨ KIÊM LINH HƯỚNG

ROBERT ELLSBERG
HUỆ KHẢI chuyển ngữ

Robert Ellsberg (người Mỹ, theo Công Giáo) sinh năm 1955, lấy bằng Master Thần Học tại Trường Thần Học Harvard (*Harvard Divinity School*). Từ năm 1987 ông làm tổng biên tập nhà xuất bản Orbis Books (sáng lập năm 1970, thuộc Dòng tu Maryknoll, Hoa Kỳ).

Ellsberg viết nhiều sách nổi tiếng, trong đó có quyển *All Saints: Daily Reflections on Saints, Prophets, and Witnesses for Our Time* (Nxb Crossroad, 1987) – Chư Thánh: Những Suy Niệm Hàng Ngày Về Các Thánh, Các Giáo Chủ, Và Các Chứng Nhân Cho Thời Đại Chúng Ta. Trong sách này ông có bài viết về Linh Mục Anthony de Mello rất hay, rất thâm thúy, với nhan đề: *Anthony de Mello: Priest and Spiritual Guide (1932-1987)*.

Bài của Ellsberg viết về De Mello ví như lời lẽ Từ Kỳ bàn về tiếng đàn Bá Nha. Vì vậy, với tinh thần của Trang Tử (được ý quên lời / *đắc ý nhi vong ngôn*), tôi chuyển ngữ bài viết của Ellsberg và trân trọng giới thiệu với bạn đọc, như một sẻ chia đồng cảm. (Huệ Khải)

*



Anthony de Mello



Robert Ellsberg

Anthony de Mello là vị giáo sĩ Dòng Tên người Ấn nổi tiếng trên trường quốc tế nhờ các bài viết và tài dẫn dắt con người quy hướng tâm linh (*spiritual retreats*). Ông đọc Phúc Âm và khám phá ra rằng Đức Kitô không bận tâm nhiều đến việc thuyết giảng cho bằng thức tỉnh mọi người hãy biết tìm thấy sự sống mới và sự cứu rỗi đang sẵn có ngay bên trong họ. Qua các dụ ngôn, các việc làm mang tính biểu tượng, và những lời giáo huấn, Đức Giêsu thường khiến cho mọi người bị sốc vì lời Chúa khác hẳn những định kiến cố hữu của họ về đạo giáo. “*Hãy thức tỉnh!*” – Đó là thông điệp của Chúa. Nó là một thông điệp đầy thách thức và vì thế nó đã đưa Chúa lên thập giá.

Khi hướng dẫn mọi người quy hướng tâm linh, phương pháp riêng của De Mello đi theo một phong cách không thay đổi. Dựa vào nguồn giai thoại phong phú thu thập từ

các bậc thầy huyền học Do Thái Giáo, Sufi (Islam hay Hồi Giáo), các thiền sư, cũng như từ Đức Giêsu và các nhà huyền học phương Tây, De Mello cố thức tỉnh những người đến nghe ông giảng để họ thấy được Thượng Đế đang hiện hữu bên trong họ. Thính giả của De Mello gồm những người tìm kiếm tâm linh nhưng không nhờ thế mà việc làm của ông được dễ dàng hơn tí nào. Phần lớn những người tìm kiếm tâm linh lại giống như kẻ đang ngồi trên lưng trâu chu du khắp thế gian với mong muốn tìm ra giải đáp cho câu hỏi “Con trâu là con gì?” Họ cũng giống như con cá vẫy bơi trong biển cả mà cứ luôn luôn tìm hiểu xem biển cả nghĩa là gì. Y hệt như vậy, những người thường xuyên tìm đến các buổi thuyết giảng quy hướng tâm linh để tìm kiếm Thượng Đế nào khác chi con cá ấy hay kẻ cỡi trâu ấy.

Lời giảng của De Mello thường giải bày giản dị. Chẳng hạn, ông định nghĩa *Thần học (Theology)* là “Nghệ thuật kể chuyện về Thần Thánh”, và *Huyền học (Mystics)* là “Nghệ thuật thưởng thức và cảm nhận trong thâm tâm anh chị em ý nghĩa sâu kín của các chuyện kể ấy cho tới cái mức độ chúng chuyển hóa được con người anh chị em.” Tuy nhiên, ai mà ham thích ghi nhớ các định nghĩa ấy thì chẳng khác nào kẻ đói còn cào ngồi trong nhà hàng nhưng chỉ nhai ngấu nghiến bản thực đơn thay vì phải ăn no thực phẩm. Giáo lý Đức Kitô đơn giản là ngón tay [phương tiện] chỉ mặt trăng [cứu cánh]; người ta sẽ hiểu sai giáo lý ấy nếu họ nhận lầm phương tiện là cứu cánh. Đối với De Mello, Phúc Âm chỉ đường cho chúng ta đi tới cái Đạo (*the Truth*) nằm phía sau ngôn từ, khái niệm, và hình ảnh – tức là đi tới chỗ

mà các nhà huyền học bảo là “thiên ngoại chi Thiên: Trời ở ngoài trời / *the God beyond god.*”

Giác ngộ không thể có được một cách gián tiếp (qua trung gian). Lời tường thuật hùng hồn nhất về hương vị một quả đào không sao thay thế được trải nghiệm của chính người đã ghé răng cắn vào quả đào. De Mello bảo: “Trong miền đất tâm linh, anh chị em không thể bước đi bằng ánh sáng từ ngọn đèn của kẻ khác. Anh chị em muốn vay mượn ngọn đèn của tôi ư? Tôi thà dạy anh chị em cách tự tạo lấy ngọn đèn của chính anh chị em.” Chân tri thức, tri thức cứu rỗi, trong bất kỳ trường hợp nào cũng phải “được chuyển hóa bằng cái mà chính người ta hiểu biết”.

De Mello kể chuyện này:

MÔN ĐỆ: “Tri thức và giác ngộ khác nhau ra sao?”

ĐẠO SƯ: “Khi anh có tri thức, anh dùng đuốc soi lối dẫn đường. Khi anh giác ngộ, anh trở thành ngọn đuốc.”

Sách của De Mello thoát đầu xuất bản ở Ấn Độ, và trong nhiều năm những người bên ngoài Dòng Tên ít ai biết tới ông. Tuy nhiên, trong thập niên 1980, khi sách của ông bắt đầu in ra ở nước ngoài, ông được rất nhiều người hâm mộ xem ông là bậc linh hướng hàng đầu. Những ai từng trải nghiệm sự dẫn dắt quy hướng tâm linh của De Mello thường nói về thẩm quyền của ông trong lãnh vực này, ở ông có sự kết hợp dị thường nội lực với an bình, và ông có tài biến những bài học quen thuộc trong Phúc Âm trở thành những khái thị làm cho người ta bàng hoàng sửng sốt.

Trong các bài viết, De Mello để lại nhiều trầm tư về cái chết của chính ông. Những tư tưởng như thế đã đồng thời củng cố cho tinh thần buông xả và lòng biết ơn sự quý giá của cuộc tồn sinh trên mặt đất. Như thế ông đã rất sẵn sàng dọn mình để lìa trần đột ngột vì cơn đau tim vào ngày 02-6-1987, giữa lúc đang chuẩn bị loạt bài thuyết giảng ở New York. Khi ấy ông năm mươi sáu tuổi.

Và một chuyện kể khác của De Mello:

Một môn đệ bị ám ảnh quá nhiều về kiếp sống sau khi chết, đạo sư bảo:

- Sao lại phí phạm từng khoảnh khắc để nghĩ tới kiếp sau?
- Có thể không nghĩ tới nó ư?
- Phải.
- Bằng cách nào ạ?
- Bằng cách ngay tại đây và ngay bây giờ hãy sống trên thiên đàng.
- Vậy thiên đàng ở đâu?
- Ở ngay đây và ngay lúc này.

Chuyển ngữ: HUỆ KHẢI (Nhiều Lần, 29-10-2014)

● Quý bạn đọc muốn xem nguyên tác của Robert Ellsberg có thể truy cập tại địa chỉ sau đây:

<http://www.gratefulness.org/giftpeople/demello.htm>

Văn Uyên: Thứ Hai 27-10-2014, lúc 15 giờ, tại Trung Tâm Mục Vụ Tổng Giáo Phận TpHCM (số 6 bis Tôn Đức Thắng, quận 1) diễn ra Hội Ngộ Liên Tôn lần IV với chủ đề *Trao Nhau Niềm Vui Hướng Thượng*. Hiền huynh **Huyền Chơn** (Hội Thánh Cao Đài Tiên Thiên) tham dự cuộc Hội Ngộ này và có bài thơ cảm tác sau đây:

TRAO NHAU NIỀM VUI

Đây ngày Hội Ngộ Liên Tôn bốn (IV)
Mang những niềm vui đến tặng nhau
An lạc không xa hồn thánh thiện
Hướng về Thượng Đế ngự trên cao.

Chiều nay trên Giáo Phận
Giữa Hòn Ngọc Viễn Đông
Hòa điệu cùng tiếng nhạc
Đạo tình quyện sắc không.

Niềm vui chia sẻ tự tâm linh
Dẫn tới niềm vui ở đạo trình
Tuổi trẻ thấm nhuần Ơn Chúa gọi
Á Áu kết nối sợi hòa bình.

Đâu đây từ cõi vô tình
Vang lên âm hưởng hy sinh vì đời
Mahatma Gandhi một thời
Là mầm khoan nhượng gieo nơi hận thù.

Một điều ai cũng nhớ
Đối với mọi người tu
Tôn giáo nào cũng thể
Niềm tin trọn thiên thu.
Hợp chung tâm cầu an toàn thế giới
Bớt dữ thêm lành, xanh hạt nhần nhu.

Nguyện Đức Phật ban vui cứu khổ
Xin Chúa Cha tha nợ cho con
Như con tha kẻ nợ con
Xa nơi sự dữ làm mòn tâm linh.

Đức Cao Đài với tình Tạo Hóa
Sự Thương Yêu giềng cả đại la
Hộ con tạo thể Nhân Hòa
Trời Nam xây dựng bửu tòa Liên Tôn
Bằng hành động, không sáo ngôn
Niềm vui mãi mãi vẫn còn trao nhau.

Chẳng vì một cuộc xã giao
Rồi ra ai cũng đi vào lãng quên.
Chẳng vì sắc áo tuổi tên
Mà đi bài bác nhau trên đường trần.
Hòa bình là bước Thiên Thần
Càng nhiều chân bước càng gần niềm vui.

HUYỀN CHƠN

Hội Thánh Cao Đài Tiên Thiên

SOMETIMES

Sometimes I question you,
And wonder whether you're listening.
I can't see you, or touch you, or even feel you,
So how do I know if you're really there?

Sometimes I get mad at you,
When I see bad things happen to good people.
I wonder why you wouldn't save them,
It makes me wonder if you're real.

Sometimes when I pray to you,
I can sense that you are there with me,
Watching over me as your child,
Blessing me with your grace.

Sometimes when I can see you clearly,
When I see little babies or kind smiles,
Generous people and the beauty of nature,
It makes me believe with my whole heart.

Sometimes my questions about you don't matter,
Even though there are never definite answers.
I have faith in your love.
Forgive me, God, for ever questioning you.

JENNY SHARAF

(Mỹ, nữ sinh lớp 12, viết khoảng năm 2003)

ĐÔI KHI

Đôi khi con muốn hỏi Trời
Phân vân trong dạ: Biết Ngài thấu chăng?
Thiên không cao vút mệnh mang
Làm sao con biết Trời đang chốn nào!

Đôi khi con giận sôi trào
Thấy bao người tốt vướng vào nạn tai
Trời đâu? Sao chẳng cứu ai?
Cho con tin chắc có Ngài hiển linh.

Đôi khi cầu nguyện một mình
Con như cảm thấy Cha Lành bên con
Từ bi ban bố phước ơn
Nhìn con, ánh mắt yêu thương dịu dàng.

Đôi khi con thấy dọc đường
Có Trời trong cảnh huy hoàng thiên nhiên
Có trong em bé cười hiền
Có trong người thiện gieo duyên giúp đời.

Đôi khi con cứ hỏi Trời
Tuy chưa hề nhận một lời hồi âm
Nhưng con vẫn vững tin tâm
Có Trời trong mỗi kín thầm riêng con.

JENNY SHARAF (Sometimes, khoảng 2003)

HUỆ KHẢI dịch (05-4-2014)

GIẤC MỘNG TRẦN AI

*Giấc mộng trần ai đã tỉnh chưa
Tang thương biến đổi mấy cho vừa
Cân đai lờ nợ vui sương tuyết
Bỏ vài âu đành gọi móc mưa
Khôn dại dập dìu thôi chớ hỏi
Vương hầu tấp nập hẹn không thừa
Tranh nhau danh lợi đời nghiêng ngửa
Hình bóng ai đâu cõi thượng thừa.*
Đức LÝ GIÁO TÔNG
Huân Cung Đàn, 23-10-1961

Lời: Theo thánh giáo Đức LÝ GIÁO TÔNG
Nhạc: **THIỆN QUANG** (2003)

Hò lơ hò lơ lắng tai nghe tiếng ai đang hò lơ lơ hò lơ

Rằng (Rằng)

ai, ai tỉnh ai say. Kiếp người một cuộc trả
... mang một mảnh tâm không. Chớ để bụi trần nhuộm

hò lơ lơ tỉnh say hò lơ lơ
hò lơ lơ mảnh tâm không hò lơ lơ

vay. Vô thường giăng lối trần ai. Danh vọng chỉ như khói
hồng. Giữ gìn chơn tánh sạch. trả vay hò lơ lơ nhuộm hồng hò lơ lơ trần ai hò lơ lơ

mây. Rằng... trong. Âm chất gắng lòng vun trồng. khói mây sạch trong hò lơ Hò

Giấc mộng trần ai đã lơ hó lơ lắng tai nghe tiếng ai đang hò lơ hò lơ ho lơ.

tĩnh chưa? Tang thương biến đổi mấy cho vừa. Cân đai lơ nợ vùi

sương tuyết. Bỏ vãi âu đành gọi móc mưa. Khôn đại dập diu những

ngày xưa. Vương hầu tấp nập hèn không thừa. Tranh nhau danh lợi đời

nghiêng ngửa. Hình bóng ai đâu cõi thượng thừa. Hò lơ hó lơ Hò

lắng tai nghe tiếng ai đang hò lơ hò lơ ho lơ hó lơ lắng tai nghe tiếng ai đang hò lơ hò lơ ho

lờ. (Nhạc dạo lờ.

lờ.

... hết nhạc dạo.)



NGƯỜI TRÍ THỨC CHÂN CHÍNH NGUYỄN HIẾN LÊ

TRẦN VĂN CHÁNH

Nhà văn quá cố Nguyễn Hiến Lê (1912-1984), trong con mắt của những người đồng thời và của lớp hậu sinh thường được nhìn nhận như là một học giả có sự nghiệp trứ tác đáng nể về đủ mọi phương diện khảo cứu, biên soạn, dịch

thuật với khoảng một trăm hai mươi tác phẩm để đời mà hầu như tác phẩm nào cũng có một giá trị riêng biệt đáng được nhắc nhở.

So với các lớp tiền phong, không phân biệt trong hay ngoài nước, ông có nhiều mặt vượt trội cả về số lượng lẫn tính đa dạng. Mà về văn phong giản dị, phương pháp làm việc khoa học, với cách trình bày bất cứ vấn đề nào cũng mạch lạc, rõ ràng và dễ hiểu dễ đi vào lòng người thì ai cũng phải chịu. Ngoài ra người ta còn trọng ông hơn nữa ở phần nhân cách, lối sống, tấm gương làm việc kiên trì nhẫn nại, cùng nhiều đức tính đáng quý khác, chứ không chỉ ở những kết quả của sự nghiệp văn chương đồ sộ mà ông đã cống hiến được cho đời.

Tôi có gặp ông một lần nhưng ngắn ngủi và không có kỷ niệm gì đáng để ghi lại. Chỉ sau khi ông qua đời chừng vài năm, gặp một số người khác hiểu biết nhiều về ông hơn, tôi thấy dường như ai cũng nhắc đến công đức ông với lòng kính trọng một cách gần như tuyệt đối. Ngay như cụ Vương Hồng Sển (1902-1996) khí phách Nam Bộ ngang tàng vậy, lớn hơn ông những tám tuổi mà cũng thừa nhận trong đời cụ chỉ quý lạy trước linh cữu có hai người, một là cha cụ, người thứ hai là “*anh Lê*”, như lời cụ tự kể trong một bài báo viết ở đâu đó.

Nhìn chung, ông Nguyễn Hiến Lê có công rất lớn trong việc truyền bá những tinh hoa tư tưởng Đông Tây, đặc biệt là những tri thức có tính cách thực hành và lối sống văn hóa mới cho những người cùng thời, nhất là cho thế hệ trẻ.

Nhiều người nhận rằng nhờ có ông chỉ vẽ mà họ đỡ lúng túng rất nhiều khi bước chân vào đời, nắm vững phương pháp làm việc, học tập và xây dựng được một quan niệm tương đối ổn định về cuộc sống.

Nhận xét của người đời về nhà văn Nguyễn Hiến Lê như vậy hẳn phải khách quan, vì hầu như không thấy có ý kiến phản biện, của cả trong Nam lẫn ngoài Bắc. Nếu cố tìm ở ông một chỗ gì thiếu thiếu trong sự nghiệp văn chương, thì có lẽ là chỗ ông chỉ giỏi bình luận, nhận xét tinh tế về thơ, văn thôi chứ không có sở trường sáng tác. Quyển tiểu thuyết duy nhất *Con Đường Thiên Lý* (viết xong năm 1972, xuất bản khoảng năm 1993) của ông không thành công lắm và cũng ít được nhắc nhở; ông có khả năng giới thiệu kiến thức, tư tưởng một cách siêu đẳng trên cơ sở tổng hợp Đông Tây kim cổ nhưng vẫn chưa thể gọi được là một nhà tư tưởng độc lập có lý thuyết riêng. Điều này nếu cố vạch ra cho có vẻ khách quan hơn thì cũng không làm hạn chế tí nào phần đóng góp mà ông đã làm được, vì ông đâu phải nhà thơ hay nhà sáng tác tiểu thuyết; còn nói về phương diện lập thuyết, chẳng những ông không có cao vọng mà trong suốt bốn ngàn năm văn hiến của ta cũng đâu dễ kể ra được một người.

Tuy nhiên, dường như người ta thường chỉ chú ý đến Nguyễn Hiến Lê như một học giả, một nhân vật có nhiều thành tích xuất sắc về phương diện học thuật, một con người của sách vở, mà ít ai nhấn mạnh đầy đủ đến khía cạnh ông là một trí thức đầy trách nhiệm thể hiện ở thái độ yêu nước thương dân chân thành, lúc nào cũng bận bịu việc

đời, trăn trở với những nỗi thăng trầm của dân tộc cũng như về những vắn nạn của thế giới mà số phận của dân tộc không thể tách rời. Ngay như một người tri kỷ của ông là Châu Hải Kỳ trong quyển sách viết riêng về ông,⁽¹⁾ cũng chỉ tập trung giới thiệu, phân tích phần sự nghiệp văn chương là chính.

Tất nhiên, chỉ với phần đóng góp lớn cho sự nghiệp giáo dục thế hệ trẻ không thôi, như mọi người nhận thấy, Nguyễn Hiến Lê cũng đã thể hiện vai trò, trách nhiệm của người trí thức trong xã hội. Điều rõ nét hơn là nhịp đập trái tim của ông luôn gắn liền với thời cuộc và những nỗi âu lo của cuộc sống, thể hiện bằng bạc kiên nhẫn và xuyên suốt trên từng trang viết của cả cuộc đời mình. Ông tuy có lặn hụp trong sách vở nhưng không đắm đuối để cho chữ nghĩa làm “tha hóa” đến quên mất những trách nhiệm hiện thực đối với cuộc sống đầy gian truân bấp bênh trực trặc của đồng bào đồng loại. Bởi vậy hình như ông không thích nói suông hoặc tranh luận những điều lật vật để phô trương vẻ hơn kém trong trận bút trường văn, mà chỉ viết những gì cảm thấy cần thiết cho sự tiến bộ xã hội.

Văn ông nói chung bình dị, ít gọt giũa nhưng bút lực thường trở nên mạnh mẽ hoạt bát, giọng thiết tha hùng hồn mỗi khi đề cập đến tổ tiên ông bà, đến một phong trào yêu nước, thậm chí khi biểu lộ xúc cảm bình thường trước một cảnh đẹp bình dị của quê hương, đất nước, một địa danh, một con người, một kỷ niệm...

⁽¹⁾ *Nguyễn Hiến Lê, Cuộc Đời Và Tác Phẩm*. Nxb Văn Học, 1993.

Quyển *Đông Kinh Nghĩa Thục* (1956) của ông đọc hấp dẫn như tiểu thuyết, có thể coi là một tập ký sự lịch sử có tác dụng giáo dục tiêu biểu, nhờ được viết với một tình cảm tôn kính cổ nhân và yêu nước nồng nàn mà truyền được nhiệt huyết của thế hệ sĩ phu lớp trước cho thế hệ trẻ.

Loại sách biên khảo triết lý của ông cũng thường có chủ ý nhất định, hướng vào việc giới thiệu những đề tài có giá trị ứng dụng vào thực tiễn xã hội, như cuốn *Nho Giáo Một Triết Lý Chính Trị* (1958) chẳng hạn, mà ta có thể xem như một bản lược đồ về phương pháp, kinh nghiệm trị dân theo quan niệm Khổng học.

Phần lớn, nếu không muốn nói là tất cả, những bản dịch tiểu thuyết của ông đều có giá trị lớn về mặt giáo dục, đề cao tình yêu quê hương và chủ nghĩa nhân bản, có thể kể: *Chiến Tranh Và Hòa Bình* của Léon Tolstoi [Nga, 1828-1910]; *Kiếp Người* của Somerset Maugham [Anh 1874-1965]; *Khóc Lên Đi Ôi Quê Hương Yêu Dấu* của Alan Paton [Nam Phi, 1903-1988]; *Quê Hương Tan Rã* của Chinua Achebe [Nigeria, 1930-2013]; *Chiếc Cầu Trên Sông Drina* của Ivo Andrić [Nam Tư, 1892-1975]; *Mùa Hè Vắng Bóng Chim* của Hàn Tố Âm 韓素音 [Anh gốc Hoa, 1917-2012], v.v...

Dù chưa thiết lập kỹ càng một định nghĩa vốn rất không dễ về người trí thức, chúng ta cũng khó hình dung một người trí thức mà lại chỉ biết có mình trong chuyện thăng tiến tạo lập sự nghiệp để chiếm lĩnh những vị trí đặc quyền trong xã hội về tiền tài danh vọng mà không quan thiết gì

đến những khó khăn trắc trở của đồng loại, trước nhất là của cộng đồng những người gần gũi mình nhất, đã nuôi dưỡng đùm bọc mình cho tới khi khôn lớn.

Xét riêng về phương diện thăng tiến trong nghề nghiệp thì nhà văn Nguyễn Hiến Lê cũng là một người thành đạt, tuy nhiên ông không chuộng hư danh phù phiếm hoặc an nhiên hưởng thụ thành quả, đánh mất mình, trái lại lúc nào cũng sống giản dị lo toan, tìm cách gióng lên tiếng nói trung thực tự đáy lòng để mong vớt vát được phần nào cho tình trạng xã hội đã khá suy bại đương thời.

Có lẽ vì vậy nên mặc dù rất không ưa chính trị và không tham chính, ông vẫn phải nói hoài viết hoài dần dần lên đến trên ba trăm bài báo có tính thời sự liên quan đủ các mặt chính trị, kinh tế, văn hóa, giáo dục, xã hội...; tựu trung mặt nào ông viết trong loại này cũng không khỏi có dính dáng ít nhiều đến chính trị, bởi một lẽ dễ hiểu là mọi mặt trì trệ trong đời sống xã hội nếu có ở mọi thời đều phải liên quan đến trách nhiệm của kẻ cầm quyền.

Nhưng điểm đặc biệt là tất cả những bài ông viết đều không mang dấu ấn của động cơ cá nhân hay có tính đại diện cho bất kỳ phe phái nào, cũng không chỉ trích cá nhân nào trong tầng lớp cầm quyền đương thời, mà chỉ dựa trên lương tri và kiến thức với tâm tình độ lượng thiết tha để phân tích vấn đề một cách khách quan tinh tường nhằm góp phần xây dựng những chính sách vĩ mô dài hạn mang lại lợi ích cho quần chúng.

Khi viết thể loại chính luận, do không có tư tâm tư kỷ

nên lời ông thường trung thực mạnh mẽ, đôi khi gay gắt, phần nộ, đã thẳng vào các thói tệ hại của nhà cầm quyền, nên bài viết khi đăng ra thường bị đục bỏ nhiều chữ nhiều đoạn do chế độ kiểm duyệt báo chí của hệ thống thông tin lúc bấy giờ.

Mặc dù đôi khi không thể không gay gắt trong cách bày tỏ nhưng thái độ của ông căn bản vẫn luôn ôn hòa, nhũn nhặn và xây dựng một cách thấu tình đạt lý chứ không bao giờ nói càn theo kiểu chỉ trích vô điều kiện thiếu trách nhiệm để thỏa mãn tự ngã. Về điểm này có lần ông đã minh thị trong một bài viết:

“... Tôi muốn bàn qua về thái độ chúng ta đối với chính quyền. Tôi nghĩ rằng cái thú nhất của người cầm bút là được độc lập, và cái vinh dự lớn nhất của họ là giúp được chút ít gì cho quốc dân. Muốn giữ được độc lập và giúp được quốc dân thì nên ở ngoài chính quyền, đứng ở cương vị đối lập với chính quyền. Đối lập không nhất định là chỉ trích, lại càng không có nghĩa là đả đảo. Đối lập là một cách kiểm soát, hợp tác hữu hiệu nhất và nghiêm chỉnh nhất. Ta không lệ thuộc chính quyền thì mới dám nói thẳng với chính quyền và chính quyền mới chú ý tới lời nói của ta... Chúng ta còn phải tiếp tục tranh đấu cho được tự do ngôn luận... Muốn thành công thì một mặt chúng ta phải coi chừng những kẻ muốn bịt miệng chúng ta, mặt khác phải có thái độ đứng đắn. Chính quyền có điều đáng khen thì ta khen, chứ không nịnh; chính quyền lầm lẫn thì chúng ta thẳng thắn nhận định với những lý lẽ vô tư và vững vàng, những lời nhã nhặn và minh bạch. Chúng ta vì quốc

gia mà xây dựng. Tất nhiên có những lúc ta phải tỏ nổi bất bình – chẳng phải của riêng ta mà của quốc dân – chẳng hạn với những kẻ bán nước, hút máu mủ của dân; lúc đó giọng ta có thể gay gắt nhưng lòng ta không có chút căm thù cá nhân. Chúng ta đã một thái độ, một chính sách, chứ không đã một cá nhân...” ⁽²⁾

Ở bài viết có đoạn vừa dẫn trên, ông đặt rõ vấn đề trách nhiệm của giới nhà văn trước thời cuộc. Lúc bấy giờ là năm 1967, chiến tranh đang hồi ác liệt, xã hội miền Nam đang sa sút trầm trọng nhiều mặt, tiếng nói của người trí thức trở nên lạc lõng, khiến tâm tư ông cũng có phần chao đảo:

“Người cầm bút nào lúc này mà chẳng có nhiều buồn tui rằng tất cả những cái mình viết ra đều là bá láp hết, chẳng có một tác động gì cả, rằng mình gần như vô dụng, may mắn lắm là khỏi đánh đĩ với cây viết...”

Theo ông trong số năm nhu cầu, mục tiêu căn bản của người dân lúc đó (gồm: hòa bình, chủ quyền, tự do dân chủ thực sự, mức sống tối thiểu của con người, và kiến thức tối thiểu của một công dân) thì nhà văn hay người trí thức chỉ có thể đóng góp cho phần mục tiêu sau cùng (giúp nâng cao kiến thức tối thiểu của một công dân); tất cả những mục tiêu còn lại đều hư ảo đành phải chịu bó tay bất lực hết. Và ông hô hào để làm được điều đó, trước hết người

⁽²⁾ Nguyễn Hiến Lê, “*Bọn Cầm Bút Chúng Ta Làm Được Những Gì Lúc Này?*”, in trong: *Mấy Vấn Đề Xây Dựng Văn Hóa*. Sài Gòn: Nxb Tao Đàn, 1967, tr. 167-168.

cầm bút phải tìm cách san bằng cái hố ngăn cách giữa mình với đại đa số nhân dân lao động phần lớn trình độ còn thấp kém chưa thể hưởng thụ được thứ văn chương xa hoa tách rời cuộc sống thực.

Mặc dù đã có phần nao núng, ngờ vực vai trò của người trí thức trong thời loạn, ông không nỡ ngừng bút mà vẫn tiếp tục viết để hô hào, cảnh tỉnh đồng bào về những việc cần nghĩ, cần làm, chuẩn bị cho tương lai lâu dài, và như ông thường nói, “*khi hòa bình lập lại*”.

Căn cứ trên tất cả những gì Nguyễn Hiến Lê viết, người đọc thấy ông dường như không quan trọng vấn đề ý thức hệ, nên ở vùng “quốc gia” mà ông cũng không hề có ý kiến “chống cộng”; trái lại ông thường chê trách các chính quyền độc tài, đặc biệt như thời Ngô Đình Diệm (sinh 1901, cầm quyền 1955-1963) mà ông gọi là “Ngô triều”; với các nước Âu Mỹ, nhất là Mỹ, ông luôn luôn cảnh giác người dân phải thận trọng, và cho rằng chế độ thực dân trên thực tế vẫn còn tồn tại, lần quất đó đây dưới những hình thức mới. Với ông, chỉ có vấn đề phúc lợi của dân chúng là quan trọng trên hết, chính quyền chỉ phụ thuộc và nhất thời.

Khi tự phát biểu về nhân sinh quan, phần nêu chính kiến ông nói: “*Làm nhà văn thì phải độc lập, không nên nhận một chức tước gì của chính quyền.*” Rồi ông đi vào chi tiết hơn: “*Tôi khuyên con cháu đừng làm chính trị, nhưng nếu làm thì luôn luôn phải đứng về phía nhân dân... Một xã hội văn minh thì nhà cầm quyền không đàn áp đối lập; cùng lắm chỉ có thể ngăn cản họ để họ đừng quá rối thôi, tuyệt*

nhien không được tra tấn họ. Phải tuyệt đối tôn trọng chính kiến của mọi người... Một xã hội mà nghề cầm bút, nghề luật sư không phải nghề tự do thì không thể gọi là một xã hội tự do được.”⁽³⁾

Tính cách trí thức của nhà văn Nguyễn Hiến Lê còn thể hiện ở chỗ ông luôn luôn nhìn xa trông rộng, đặt vấn đề gì cũng dựa trên cơ sở văn hóa khoa học vững chắc thu thái được từ kiến thức kinh nghiệm của muôn phương để định ra chiến lược phát triển dài hạn.

Vấn đề giáo dục ông đã đặt ra một cách khẩn thiết từ năm 1953 với quyển *Thế Hệ Ngày Mai* (Sài Gòn: Nxb Phạm Văn Tươi) vì thấy đây là chuyện quyết định cho vận mệnh của cả dân tộc trong tương lai. Quan điểm của ông nhờ sự nghiên cứu thấu triệt và có lẽ một phần nhờ ảnh hưởng đạo trung dung của Nho Giáo nên bao giờ cũng trầm tĩnh, đúng mực chứ không nông nổi xu thời.

Giai đoạn trước năm 1975, điều kiện thông tin còn hạn chế hơn bây giờ nhiều, thế mà ông đã thu thập tài liệu rất đầy đủ để giới thiệu ra cho đồng bào biết rõ những biến chuyển quan trọng trong tình hình thế giới.

Theo chỗ tôi biết, tất cả những vấn nạn của thế giới mà bây giờ chúng ta gọi là những vấn đề toàn cầu như nạn nhân mãn, tình trạng ô nhiễm môi trường, nguy cơ cạn kiệt tài nguyên, hố ngăn cách giàu nghèo giữa các dân tộc... đều được ông (và hình như chỉ có mình ông) đưa ra giới thiệu

⁽³⁾ *Hồi Ký Nguyễn Hiến Lê*. Hà Nội: Nxb Văn Học, 1993, tr. 553.

đầy đủ và đánh động một cách nhiệt thành, tập trung trong quyển *Những Vấn Đề Của Thời Đại* (tháng 7-1974) và một số bài báo khác.

Trước đó khá lâu, trong cuốn *Một Niềm Tin* (1965), ông đã dự báo được hầu hết những điểm quan trọng về xu thế phát triển của thế giới để từ đó định ra hướng phát triển của dân tộc, đến nay đọc lại vẫn còn hợp thời để tham khảo. Theo ông: *“Ta phải tùy hoàn cảnh, tài nguyên thiên nhiên, mức tiến hóa xã hội, khu vực ảnh hưởng của nước mình... mà tạo lập một nền kinh tế thích hợp với nước mình, chứ không nên bắt chước Âu Mỹ... Dân tộc mình nghèo thì phải sống theo lối nghèo, đừng đua đòi Âu Mỹ trong giai đoạn hiện tại, chúng ta chỉ nên nhắm mục tiêu này: làm cho dân đừng đói rét, đâu cũng có đủ thuốc uống. Và đồng thời làm sao giảm dần dần được sự bất công trong xã hội. Muốn vậy phải rút bớt mọi tiêu pha không cần thiết.”* ⁽⁴⁾

Đến tháng 1-1975, khi thời cuộc đã biến chuyển tới hồi quyết liệt, trong loạt bài *“Nhân Loại Lâm Nguy”* đăng trên tạp chí *Bách Khoa*, một lần nữa ông lại tha thiết đánh động tình trạng nguy cơ toàn cầu, giới thiệu hai bản báo cáo mà cũng là cảnh cáo đầu tiên của nhóm Câu Lạc Bộ La Mã (*Club de Rome*) về những vấn đề liên quan.

Trong phần kết mà sau này (năm 1978) ông cho tuyển lại dưới nhan đề *“Chúng Ta Phải Làm Gì?”* trong tập *Để Tôi Đọc Lại* (đến năm 2001 mới xuất bản), ông đã trên cơ

⁽⁴⁾ Nguyễn Hiến Lê, *Để Tôi Đọc Lại*. Hà Nội: Nxb Văn Học, 2001, tr. 228.

sở phân tích những biến chuyển của tình hình thế giới mà nêu lên một loạt đề nghị từ đường lối phát triển tổng quát đến một số vấn đề liên quan các lãnh vực giáo dục, y tế, chính trị, xã hội (hỗ phân cách giàu nghèo, hạn chế sinh sản)...

Ông lặp lại một quan điểm cơ bản đã nêu lên từ mười năm trước trong cuốn *Một Niềm Tin*: *“Đừng nhất thiết cái gì cũng bắt chước Âu Mỹ, đừng theo đúng con đường họ nữa.”*

Rồi ông kết luận: *“... Điều quan trọng nhất là chúng ta phải thay đổi nhân sinh quan, xét lại quan niệm về hạnh phúc, định lại các giá trị và mục tiêu ... Hạnh phúc của con người không phải ở chỗ có một lợi tức bằng Mỹ hay hơn Mỹ. Không có gì sai và vô lý bằng lấy lợi tức đo sự văn minh và hạnh phúc của một dân tộc... Dân tộc chúng ta cứ tự vạch một đường lối, phát triển riêng, chẳng cần phải bắt chước ai hết, chẳng cần phải mong theo kịp nước này hay nước nọ.”* ⁽⁵⁾

Cách nay ba mươi năm ⁽⁶⁾ mà chỉ một mình ông phát biểu được những lời đó, mãi đến nay hầu như cũng không ai chịu nêu lên những ý kiến tương tự khi bàn về hướng đi của dân tộc Việt Nam, tôi cho rằng ông Nguyễn Hiến Lê là một bậc minh triết có nhiều tiên kiến nhưng hơi bị lạc lõng cô độc giữa chợ đời.

⁽⁵⁾ Nguyễn Hiến Lê, *Để Tôi Đọc Lại*, sđd., tr. 234-236.

⁽⁶⁾ Bài này tác giả TVC viết vào tháng 8-2003. [Văn Uyển chú]

Thời nào cũng vậy, các tầng lớp đặc quyền cũng vịn vào hai chữ “phát triển” để lạm dụng; họ lấy cớ vì lo cho dân tộc bị thua kém thế giới mà bày ra hết kế hoạch này đến dự án nọ, kỳ thật chỉ là để rút rĩa chứ ít khi đạt được tính khả thi như mong muốn.

Ngày nay, tạm thời bỏ qua những phần tử lạm dụng xà xẻo đất nước, trong vấn đề phát triển kinh tế - xã hội, vì mong muốn bứt phá tình trạng nghèo nàn lạc hậu mà không ít người có thiện chí trong chúng ta cũng thường quen tìm đến những giải pháp dễ dãi bằng những công thức có sẵn đã được nghe nói, nhất là có khuynh hướng hô hào chạy theo những nước tiên tiến trong một tâm thái luôn luôn sợ bị tụt hậu, mà không chịu nghĩ mình làm như thế là nhằm đạt tới những mục tiêu gì xứng đáng, cho ai, có bảo đảm mang lại sự bình yên hạnh phúc cho đại đa số quần chúng hay không.

Hơn thế nữa, trong điều kiện của quốc nạn tham nhũng và nhân tâm ly tán như hiện tại, mọi sự phát triển thiếu chuẩn bị về nền tảng con người thường chỉ có thể dẫn tới khả năng băng hoại ngày càng trầm trọng hơn, và trở thành cái cớ cho một số kẻ gian tham lợi dụng.

Vấn đề hiện nay là lấy lại bình tĩnh, cân nhắc nên ưu tiên cho những mục tiêu trọng tâm nào. Nếu trình độ phát triển kinh tế có đôi phần tụt hậu thật sự so với vài nước khác có cùng mức khởi điểm thì điều đó cũng không quan trọng, vì vấn đề cốt lõi là làm sao cho xã hội phát triển có trật tự hơn, dân chúng được sống vui vẻ hạnh phúc hơn nhờ có sự

công bằng và tin tưởng ở tương lai..., chứ không phải nhắm mắt chạy theo cho được các nước tiên tiến.

Trong chiều hướng đó, thiết tưởng nên đặt ra những chỉ tiêu phát triển chậm vừa phải, thà ít mà tốt, [...] và phải hướng mục tiêu phát triển vào việc phục vụ cho phúc lợi của quảng đại quần chúng, trong đó nông dân và nhân dân lao động nghèo là đối tượng chủ yếu.

Với tính cách của người trí thức luôn băn khoăn trăn trở và ý thức trách nhiệm trước tiên đồ dân tộc, ông Nguyễn Hiến Lê còn thường tổng duyệt lại những kinh nghiệm lịch sử, phân tích các mặt ưu khuyết điểm của phương Đông, phương Tây rồi dựa trên thực tế văn hóa của nước mình để đề xuất việc nào nên làm, việc nào nên tránh, rồi viết lại như những lời tha thiết dặn dò. Trong bài “*Con Đường Hòa Bình*” (sau có in thành một tập sách nhỏ, rồi tuyển lại thêm lần nữa trong tập *Để Tôi Đọc Lại*), ông lại nhắc:

“Cái tai hại của chúng ta là có mặc cảm tự ti, tủi rằng cái gì mình cũng kém người, rồi mù quáng bắt chước người, chỉ mong theo gót được người, không dám có một ý muốn riêng của mình... Đã đến lúc chúng ta phải tư tưởng lại... Phải nhận cái thực trạng của mình, cái hoàn cảnh của thời đại, của thế giới... Trước hết chúng ta phải gạt hết những nhiễm độc của phương Tây mà trở về tinh thần bao dung, bất đồng nhi hòa của tổ tiên...”

Cái ông gọi “nhiễm độc” chính là thói bắt bao dung, kỳ thị, tham quyền tham lợi của phương Tây mà hễ còn thì thế giới sẽ không bao giờ tránh được sự ly tán, chiến tranh, và

hở ngăn cách giàu nghèo quá đáng..., đúng như chúng ta thấy đang diễn ra trong tình hình bất ổn của thế giới hiện nay.

Ngoài những vấn đề quốc kế dân sinh hệ trọng có tầm chiến lược như đã giới thiệu sơ lược ở trên, Nguyễn Hiến Lê còn viết hàng trăm bài báo đóng góp ý kiến cho nhiều vấn đề cụ thể quan trọng khác, mà vấn đề nào ông cũng đề cập một cách thấu đáo tinh tường, đặc biệt liên quan đến lãnh vực văn hóa giáo dục. Một số bài viết quan trọng ông đã cho gom in thành tập *Mấy Vấn Đề Xây Dựng Văn Hóa* (1967), mà bây giờ [2003] đọc lại, tức là sau ba mươi sáu năm, tôi thấy vẫn hoàn toàn hợp thời và có giá trị tham khảo thiết thực.

Nhiều người quá khen, cho ông Nguyễn Hiến Lê là một nhà trí thức tầm cỡ mẫu mực. Riêng tôi chỉ nghĩ ông như một người trí thức chân chính, thể hiện ở phong cách sống và làm việc tận tâm trung thực, đem sự hiểu biết của mình song song phục vụ bản thân còn phục vụ cho đời. Hai chữ “mẫu mực” thường không nói đúng lên một ý nghĩa gì xác thực, nếu không muốn nói có khi còn giả dối nữa; còn chữ “nhà” chỉ thích hợp để chỉ nhà văn, nhà khoa học..., không thích hợp khi dùng cho người trí thức hay người yêu nước. Và chẳng, bản chất của người trí thức gắn liền với đức khiêm cung; lương tâm trí thức và lòng tự trọng khiến cho người trí thức chân chính cảm thấy ngần ngại khi được đời quá tôn vinh sùng bái hoặc gán cho những danh hiệu hoa mỹ này khác mà không sát hoàn toàn với sự thực.

Hơn thế nữa, ông Nguyễn Hiến Lê cũng không thể là

một người trí thức toàn diện hoàn hảo, theo nghĩa đạt đủ mọi thứ tiêu chuẩn. Có người trách trong lãnh vực tư tưởng, ông chỉ chuyên tâm nghiên cứu Nho Giáo mà bỏ qua một số học thuyết lớn khác (như đạo Phật, đạo Kitô, các trào lưu triết học phương Tây, chủ nghĩa Mác...); ông chỉ làm việc trong tháp ngà mà không dấn thân vào những công việc cụ thể của quần chúng...

Những lời trách đại loại như trên, nếu có đúng cũng chỉ đúng một phần khi đứng từ một quan điểm khác để đánh giá, vì mỗi người đều chỉ có quyền chọn lựa một cách thể tồn tại và hoạt động ở đời, được một phần hẳn phải mất một phần, ngay trong sự hưởng thụ cũng vậy. Người bận bịu cho những việc có tính cách phong trào khó viết được nhiều sách, cũng như người trực tiếp tham gia công tác nhà nước, hưởng bổng lộc thì khó giữ được tinh thần khách quan độc lập...

Duy có điều, do quá tôn trọng nguyên tắc lẽ lối sinh hoạt để đảm bảo sức khỏe và công việc, suốt mấy mươi năm liền chỉ ngồi nhà đọc sách viết sách, tôi ngờ rằng kiến văn, vốn sống của ông Nguyễn Hiến Lê cũng có phần hạn chế trong chôn sách vở mà thiếu sự thâm nhập thực tế sinh động của đời sống vốn rất đa dạng, thành ra có thể ông hiểu đời qua sách vở, tiểu thuyết chứ không hiểu thâm trực tiếp hết những lẽ và nổi ngoắt ngoéo khó khăn của cuộc nhân sinh hoan lạc nhưng cũng đầy thống khổ, phức tạp.

Một bạn tri kỷ của ông Nguyễn Hiến Lê đã tìm cách biện hộ cho ông:

“Không xông xáo tham dự trực tiếp vào mọi sinh hoạt, công tác xã hội, không thấy mặt ông ở nơi ‘trọng thể’, hội hè đông đảo... nhưng không có vấn đề nào cấp thiết liên quan đến công cuộc cải tiến dân sinh, xã hội... mà không có những bài viết thiết thực kịp thời của ông để bày tỏ quan điểm của mình một cách minh bạch hay góp ý kiến xây dựng hết sức khách quan và thẳng thắn với chính quyền, với các giới tổ chức liên hệ. Những loạt bài về thanh niên, về chương trình học, thi cử, đào tạo giáo chức, cách mạng giáo chức, về tâm lý sinh viên xuất ngoại với những biện pháp thích nghi hầu cứu vãn tình trạng trước ‘nguy cơ xuất não’,⁽⁷⁾ về xuất bản sách báo, kiểm duyệt... chứng tỏ rằng khi cần nói thẳng thì ông không ngần ngại nói ngay lên sự thật, nói lên cảm nghĩ chống đối của mình, song vẫn chân thành, có tinh thần xây dựng, không đả kích cá nhân, thành ra không ai làm khó dễ ông. Trên công việc làm, ông tiêu biểu cho hạng người cần mẫn, siêng năng, nói ra là tin cậy được...”⁽⁸⁾

Giả định có thể đồng ý thêm một số phân tích như trên, có lẽ người đời cũng không cần đòi hỏi thêm gì ở nhân vật đã đủ đáng kính trọng này, khi xét trên phương diện ông

⁽⁷⁾ “Nguy cơ xuất não” ngày nay gọi là chảy máu chất xám (*human capital flight; brain drain*). Thuật ngữ này nói tới tình trạng nguồn nhân lực có kiến thức (trí thức) và khoa học - kỹ thuật rời bỏ đất nước của họ để qua một nước khác làm việc. [Văn Uyển chú]

⁽⁸⁾ Châu Hải Kỳ, *Nguyễn Hiến Lê, Cuộc Đời Và Tác Phẩm*, sđd., tr. 72-73.

Nguyễn Hiến Lê là một người trí thức chân chính, có cuộc sống thanh bạch và đóng góp được ngần ấy những lợi ích cho cuộc sống.

Để tạm kết luận về người trí thức Nguyễn Hiến Lê, tôi xin mượn đoạn định nghĩa sau đây của Viện Sĩ Viện Hàn Lâm Khoa Học Liên Xô Dmitri Sergeievich Likhachov (1906-1999) để khẳng định thêm đôi chút về ông:

“Theo kinh nghiệm đường đời của tôi, trí thức là những người tự do về thế giới quan, không bị phụ thuộc vào những sức ép về kinh tế, đảng phái, nhà nước, không chịu một bốn phận nào về tư tưởng. Nguyên tắc chính của tính trí thức là sự tự do về trí tuệ, sự tự do như một phạm trù đạo đức... Tôi muốn nói rằng một nhà bác học chưa chắc đã phải là trí thức. Họ không còn là trí thức khi quá chú mục vào chuyên môn của mình mà quên mất ai sử dụng thành quả lao động của mình và sử dụng như thế nào. Khi đó, do theo đuổi những lợi ích chuyên môn, họ đã coi nhẹ lợi ích đồng loại và những giá trị văn hóa...”

TRẦN VĂN CHÁNH

Trích: *Nguyễn Hiến Lê, Con Người Và Tác Phẩm*.
(Nhiều người viết, Nxb Trẻ 2003.)

● **Tiếng nói người trí thức là tiếng nói ôn hòa, nhưng khi chưa có ai chịu nghe thì nó chưa ngừng nói.** / *The voice of the intellect is a soft one, but it does not rest until it has gained a hearing.* **SIGMUND FREUD** (người Áo, 1856-1939)

TỪ BÓI TOÁN ĐẾN DỰ ĐOÁN KHOA HỌC CHO TƯƠNG LAI

TRẦN VĂN CHÁNH

Từ ngàn xưa, con người ở thời nào cũng vậy, dường như luôn có nhu cầu muốn biết trước về tương lai, số phận của mình. Môn chiêm tinh học (*astrology / astrologie*) thông dụng ở phương Tây và môn bốc phệ⁽¹⁾ ở phương Đông vì vậy lúc nào cũng thu hút được đông đảo mọi người, kể cả thành phần trí thức.

Nếu cứ đoán thì người ta sẽ vội cho rằng việc bói toán dù thực hiện dưới hình thức nào cũng chỉ là chuyện vu vơ của những kẻ yếu bóng vía, đầy tính chất mê muội, mê tín dị đoan mà không có căn cứ khoa học chính xác, không khéo chỉ dẫn con người ta đi sâu vào con đường lầm lạc nguy hiểm.

Song nghĩ kỹ, các môn bói toán nếu hoàn toàn không có một giá trị nào cả thì chắc chắn chúng đã bị mai một và thất truyền từ lâu, giống như trường hợp một tác phẩm nào đó

Các chú thích trong bài do Văn Uyển thêm vào.

⁽¹⁾ *Bốc phệ* 卜筮: Bói toán. *Bốc* là bói bằng mai rùa (*quy giáp* 龜甲: *tortoise shell*); *phệ* là bói bằng cỏ thi (*thi thảo* 蓍草: *achillea millefolium*).

viết quá dở và không phục vụ gì được cho ai thì chắc chắn sẽ không bao giờ được tái bản dù chỉ một lần.

Xem xét vấn đề này một cách cởi mở hơn hẳn chúng ta sẽ có thể thừa nhận các môn bói toán cũng tương tự một loại khoa học xã hội thời cổ, tức là cách con người dùng để giải quyết những vấn đề của mình trong điều kiện các khoa học tự nhiên phát triển còn nhiều hạn chế.

Ở phương Đông, kinh Dịch của Trung Hoa có từ hơn 2.500 năm về trước ban đầu chỉ là một quyển sách bói, đến cuối thời Chu mới trở thành một sách triết lý tổng hợp chứa đựng những tư tưởng về vũ trụ quan, nhân sinh quan rất thâm trầm của dân tộc Trung Hoa.

Dần dần, kinh Dịch được truyền rộng ra khắp thế giới, được cả phương Đông lẫn phương Tây công nhận giá trị và đào sâu nghiên cứu, như từ thế kỷ 17 đã được nhà triết học kiêm toán học Đức Leibnitz (1646-1716) biết tới, đem so sánh những vạch âm dương trong 64 quẻ của kinh Dịch với phép nhị phân thể hiện bằng hai con số 1 và 0 của ông. Một triết gia khác cũng là nhà tâm phân học Carl Jung (1875-1961, gốc Thụy Sĩ, học trò của S. Freud) đã từng áp dụng kinh Dịch để phân tích tiềm thức con người, coi đó là một phương pháp của tâm phân học (*psychoanalysis*).

Ngày nay, hầu như không còn mấy người coi kinh Dịch và sự áp dụng kinh Dịch vào đời sống thực tế là điều mê tín dị đoan nữa. Nó đã trở thành vừa là một ngành học lớn vừa là một truyền thống sinh hoạt mà người ta gọi Dịch học và Dịch lý, vì từ lâu, người ta thấy rất rõ người Trung Hoa chỉ

nhờ có nguyên lý Âm Dương chứa đựng trong quyển sách đó mà đã phát hiện được biết bao điều bí ẩn về vũ trụ và con người, biết cách trị bệnh hiệu quả, biết được sự vận hành của các thiên thể, đoán đúng được ngày nhật thực, nguyệt thực... trong khi gần như họ không có một dụng cụ y khoa hay thiên văn nào đáng kể; quả là một kiểu *bất hành nhi chí* 不行而至, không đi mà coi như đã tới được tận nơi, điều mà đối với một đầu óc phân tích khoa học theo kiểu phương Tây có vẻ khó hiểu.

Nếu coi các ngành bói toán như một khoa học cổ điển, thì tất nhiên cũng phải thừa nhận luôn những mặt hạn chế của nó, với hàm ý rằng rốt cuộc dù cho nhờ nó mà người ta đoán đúng được tương lai, biết trước số phận, thì người ta cũng không thể nhờ nó mà cải tạo được số phận theo ý mình, khiến cho người nghèo có thể trở thành giàu có, tránh được những tai nạn rủi ro, bệnh tật và cái chết...

Điều này đã thật quá rõ, vì dù tin hay không vào các khoa bói toán, đời sống của con người từ muôn thuở vẫn không vượt khỏi vòng cương tỏa của những quy luật vận hành phổ quát của vũ trụ nhân sinh khắc nghiệt, nghĩa là con người vẫn phải tiếp tục đối đầu mãi mãi với những khó khăn, bệnh tật, sự may rủi không kiểm soát được, cùng với những giới hạn tất yếu khác của mình. Như vậy không phải do các khoa bói toán đều dở và trật, vì nếu hiểu nó như một loại khoa học cổ điển, thì nó cũng phải trật tày người áp dụng; những giới hạn của nó trong khả năng giải quyết những vấn đề của con người cũng gần giống như những

giới hạn của các ngành khoa học xã hội. Bởi vì thật ra các ngành khoa học hiện đại cũng không thể giải quyết được một cách rốt ráo mọi vấn đề rắc rối của con người cho dù đã đạt được những thành tích rất đáng kể về độ chính xác.

Không còn giữ tính cách bí truyền, nhờ tính phổ biến của nền giáo dục thế giới mà nhân loại ngày nay được tiếp thu tất cả các khoa học hiện đại, như khoa kinh tế học chẳng hạn, nhưng khi đem ra áp dụng thì có nước tiến nhanh lên được, có nước cứ lằm lũi mãi trong vòng chậm tiến; công ty nào cũng cố tìm cho mình những nhà quản lý và những giám đốc tiếp thị thật giỏi được trang bị kiến thức khoa học đầy đủ, thế mà vẫn có công ty thành công, công ty phá sản... Sở dĩ như thế là vì trong việc áp dụng các khoa học, con người còn bị ảnh hưởng bởi những yếu tố khách quan khác như về hoàn cảnh lịch sử, chính trị, văn hóa, xã hội xung quanh, và có thể còn biết bao yếu tố ẩn giấu khác vượt ngoài tầm kiểm soát của mình nữa, chẳng hạn như thiên tai hoặc một tác động từ xa xôi nghìn dặm ảnh hưởng đến những công việc mình đang dự tính.

Nếu giá trị của ngành y khoa mà vô giới hạn thì chắc những người có bệnh nan y cũng không sợ chết khi họ có đủ điều kiện để chữa trị. Cũng vậy, nếu các khoa bói toán như bốc phệ, tử vi, tướng học, coi chỉ tay, xem phong thủy, đoán điềm giải mộng... đều giúp cho một số người thông thiên đạt địa nào đó biết trước việc cát hung để theo hay tránh thì những người này sẽ không có lý do gì thất bại trên đường đời, và các vua chúa thời xưa cũng sẽ không bao giờ

mất cả thiên hạ vì xung quanh đã có biết bao bậc quân sư tài giỏi để tham vấn.

Nhìn chung, các khoa học tự nhiên và nhân văn hiện đại tuy có thể giúp cải thiện khá nhiều cho đời sống con người bằng cách tạo được một số tiện nghi và phương pháp làm ăn sản xuất nhưng chúng không giải quyết được những vấn đề có tính cách thuần túy thuộc về vận mệnh cá nhân, gia tộc hoặc luân lý, cũng như những chuyện rủi ro bất ngờ, sự đau khổ tinh thần, những vấn đề thuộc về ý chí, tham vọng...

Để sống được tương đối bình yên và hạnh phúc, giải quyết được nhiều nỗi lo âu khắc khoải ngoài khả năng giải thích và kiểm soát, con người còn cần đến triết học và tôn giáo, cùng nhiều thứ khác nữa, kể cả những thứ không chính thống khác mà người ta gọi là “bàng môn, tả đạo” như phù chú, đồng cốt, sự cầu cúng đối với các thế lực thần quyền để chỉ mong lấy một niềm hy vọng. Theo quan điểm này mà xét cho đến cùng thì những người am tường các khoa bói toán cũng có phần vụ của họ trong việc giải đáp cho con người khi họ cần tìm đến để giải tỏa những lo âu thắc mắc, nhất là khi gặp chuyện bói rồi lâm vào những tình thế tiến thoái lưỡng nan, vượt ngoài khả năng chủ động của cả tri thức lẫn tình cảm.

Thật vậy, các khoa học chính xác dù tinh vi đến đâu cũng không đoán trước được tai nạn xảy ra để mà tránh. Về mặt lý thuyết, các khoa bói toán tuy có thể làm được việc này song cũng chưa chắc giúp người ta tránh được rủi ro

cho dù biết trước, vì căn bản của loại khoa học này là dựa trên sự tất định về số phận của những sinh linh trong vũ trụ, cho rằng số phận đó vốn đã được an bài. Hơn thế nữa, trên thực tế, không ai lại có thể cứ nhất cử nhất động đều phải bấm độn gieo quẻ hoặc coi ngày giờ, chỉ vì lý do đơn giản là con người có ý chí, tham vọng và những tình cảm bất chợt, và không phải lúc nào họ cũng nhớ hoặc có hoàn cảnh thích hợp để hỏi ý kiến người khác hoặc tự bấm độn gieo quẻ...

Vì một ý chí đặc biệt, con người thường chỉ nửa tin nửa ngờ đối với tất cả mọi thứ ấy cho dù đã được mách nước, hướng dẫn và thường khi họ có khuynh hướng lựa chọn hành động theo ý chí tình cảm và những tham vọng riêng của họ mà thôi, giống như không ít người vẫn hút thuốc, uống rượu dù có đủ kiến thức để biết những thứ này chắc chắn có hại cho sức khỏe.

Việc áp dụng các khoa bói toán vào đời sống hằng ngày cũng là hiện tượng dễ hiểu, phản ánh một bối cảnh văn hóa và văn minh nhất định trong điều kiện nhất định của các ngành khoa học trong quá khứ, khi chưa có đủ những thứ khác tốt hơn để dùng. Trong bốn môn nho, y, lý, số mà các nhà trí thức thời xưa ở Trung Quốc và Việt Nam được trang bị, ta có thể xem nho là triết học và luân lý, y là khoa học tự nhiên còn lý số là khoa học xã hội; khi gặp chuyện gì rắc rối thì đem thứ khoa học xã hội này ra để tìm hướng giải quyết.

Nhưng ngay cả nhà nho cũng coi lý số chỉ là tương đối.

Họ vẫn còn tin vào bản thân cùng những khả năng hoán cải hoàn cảnh và quyền lựa chọn chủ động của con người, nên đưa ra những luận đề để hạn chế tính tất yếu của lý số như nói *đức năng thắng số* (đức có thể thắng được số), hoặc *xưa nay nhân định thắng thiên cũng nhiều*⁽²⁾ là có ý muốn cải lại một phần số trời chứ không chịu thua hẳn, bởi vì theo họ phải có *tận nhân lực mới tri thiên mệnh* chứ không phải chỉ biết có một đường xuôi theo là *thuận thiên an mệnh* một cách vô điều kiện.

Có lẽ vì nghĩ như thế nên các nhà nho đi làm cách mệnh để cứu dân cứu nước của ta thời xưa người nào cũng rành về Dịch lý, cũng biết coi bói; nhưng hễ làm là làm chứ không phải lúc nào cũng coi theo quẻ Dịch.

Cụ Phan Bội Châu (1867-1940) là một trường hợp độc đáo. Cụ chẳng những tinh thông Dịch lý mà còn là tác giả của một công trình nghiên cứu có giá trị nhất Việt Nam về Dịch học với bộ *Chu Dịch* (hai quyển) đồ sộ, thể mà cuộc đời hoạt động cách mạng của cụ thất bại là phần lớn, trừ những giá trị tinh thần mà cụ đem lại được cho các phong trào yêu nước.

Một đồng chí rất gần gũi với cụ Phan là cụ Đỗ Chân Thiết, rất có công trong việc sáng lập Đông Kinh Nghĩa Thục. Sau khi Nghĩa Thục bị đóng cửa (1908), lực lượng cách mạng bị tan rã gần hết, đến năm 1911, khi hay tin Cách Mạng Tân Hợi ở Trung Quốc thành công, cụ Đỗ

Chân Thiết quyết đi sang đó một chuyến để tìm đường cứu viện.⁽³⁾ Trước khi đi, cụ rủ một người bạn cùng đi đến đền Bạch Mã⁽⁴⁾ ở phố Hàng Buồm để xin một quẻ xăm nhưng lại gặp quẻ quá xấu. Người bạn can nên hoãn chuyến đi lại ít tháng nhưng cụ vò nát lá xăm liệng xuống đất rồi nói:

“*Quý thần an năng tri thử sự?* [Quý thần sao biết được việc này?] *Không, tôi cứ đi. Đãi Hà chi thanh, nhân thọ kỷ hà?* [Đội nước sông Hoàng Hà trong lại biết chừng nào, đời người còn sống được là bao?]

Qua tới Trung Quốc, cụ Đỗ Chân Thiết liên lạc được với cụ Phan Bội Châu, chờ tạc đạn về nước định gây một vụ bạo động chống Pháp thì bị Pháp bắt và xử tử vào năm 1913.

Nhắc đến câu nói của cụ Chân Thiết, người ta nhớ đến câu nói gốc trong bài *Bốc Cư* tương truyền là của Khuất Nguyên (khoảng 340-277 trước Công Nguyên) mà cụ đã mượn dùng. *Bốc Cư* có nghĩa là bói đường cư xử, nội dung thể hiện được tinh thần phóng khoáng trong cách hiểu Dịch lý của người xưa. Hồi đó Khuất Nguyên là vị trung thần đang bị gièm đũa, lòng phiến ý loạn không biết hành xử ra

⁽³⁾ Tôn Dật Tiên (1866-1925) có vai trò rất quan trọng trong Cách Mạng Tân Hợi.

⁽⁴⁾ Bốn ngôi đền trấn giữ bốn mặt kinh thành Thăng Long là: đền Quán Thánh (phía Bắc); đền Kim Liên (phía Nam); đền Voi Phục (phía Tây); Đền Bạch Mã (phía Đông). Đền Bạch Mã nay nằm ở số 76 phố Hàng Buồm, phường Hàng Buồm, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội.

⁽²⁾ Truyện *Kiều* của Nguyễn Du, câu 420.

sao, mới lại thăm và hỏi ý kiến quan thái bốc chuyên về coi bói thời đó là Trịnh Thiềm Doãn:

“Tôi nên thành khẩn chất phác mà hết lòng trung chẳng, hay nên đưa đón theo thời để khỏi khốn cùng? Nên ra sức cày ruộng kiếm ăn, hay nên giao du với kẻ vinh hiển để cầu danh? Nên nói thẳng chẳng kiêng dè gì để nguy đến thân, hay nên theo thói tục cầu giàu sang để sống cầu thả?...”

Ông còn hỏi thêm gần chục câu nữa, nhưng khi nghe xong thì Thiềm Doãn tiên sinh liền đặt cỏ thi xuống mà nói:

“Thước có khi ngắn mà tác có khi dài; vật có chỗ không đủ mà trí có chỗ không sáng; số có chỗ đoán không tới mà thần có chỗ không thông. Ông cứ theo lòng ông mà làm đúng ý ông. Mai rùa và cỏ thi thật không biết được việc này.”

Như trên đã nói, việc bói toán thường chỉ có ý nghĩa trợ giúp tinh thần hoặc đem lại một nguồn động viên an ủi chứ ít khi có tác dụng thực tế. Mặc dù vậy, khi gặp một tình huống bối rối trù trừ bất quyết thì người ta thường cần tới nó. Một người bản lĩnh như Nguyễn Thái Học (1902-1930) mà có lúc cũng phải gỡ quyền *Truyện Kiều* ra bói. Lúc đó là một đêm mừng hai Tết Canh Ngọ, sau cuộc khởi nghĩa thất bại tại Yên Bái (ngày 9 và 10-02-1930), khi ông cùng với Cô Giang, Ký Con, Lương Ngọc Tồn... trốn về xã Hùng Thắng (huyện Nam Sách, tỉnh Hải Dương) ẩn mặt trong nhà một đồng chí tá điền. Sau khi đọc xong lời khấn, ông mở quyền *Kiều* ra, được bốn câu:



Phan Bội Châu (1867-1940) Nguyễn Thái Học (1902-1930)

*Thân ta, ta phải lo âu
Miệng hùm nọc rắn ở đâu chốn này.⁽⁵⁾
Liệu đường cao chạy xa bay
Ái ân ta có ngần này mà thôi.⁽⁶⁾*

Quẻ bói này là một điềm dữ. Quả nhiên sau đó lực lượng tan rã rồi bị bắt. Tháng 6-1930, Nguyễn Thái Học cùng mười hai đồng chí bị đưa lên đoạn đầu đài ở Yên Bái.⁽⁷⁾

⁽⁵⁾ *Truyện Kiều* của Nguyễn Du, câu 2015-2016.

⁽⁶⁾ *Truyện Kiều* của Nguyễn Du, câu 1971-1972.

⁽⁷⁾ Theo tạp chí *Phổ Thông* số 152, ngày 01-3-1961. [Trần Văn Chánh chú]

Việc này có thể do quả bói đúng, cũng có thể do sự ngẫu nhiên trùng hợp, nhưng trong cả hai trường hợp, xét theo tình hình thực tế lúc đó thì Nguyễn Thái Học cũng khó có thể tránh khỏi thất bại như bao phong trào yêu nước khác, cho dù tới mùa hai Tết năm đó ông có giờ quyền *Kiêu* ra để bói thử hay không.

Nếu các khoa bói toán có một giá trị nhất định như đã nhận định ở trên kia thì việc ứng dụng các phương pháp bói có cho ra những kết quả đúng hay không lại là một chuyện khác, vì phương pháp có rồi nhưng việc thực hiện lại còn tùy thuộc nhiều yếu tố có thể chưa được nắm vững và cũng tùy vào kỹ năng ứng dụng của người thực hiện, khác nào một viên quản lý tuy được trang bị đủ nghề nhưng vẫn có thể quản lý thất bại một xí nghiệp.

Theo nhà văn và học giả quá cố Nguyễn Hiến Lê (1912-1984) nói trong quyển *Luyện Lý Trí* dựa theo kinh nghiệm từng trải khi nghiên cứu Bốc Phệ, Tử Vi và Tử Bình, thì những môn này đôi khi đưa ra những kết quả thần sầu làm ta kinh ngạc, nhưng cũng có khi trật lất, thành thử cũng khó nói.

Liên quan đến vận mệnh của cả loài người, hoặc của một xã hội, một dân tộc, người ta còn biết đến những lời tiên tri trong các sách thánh hoặc sấm ký. Các sách Thánh Matthêu, Thánh Maccô, Thánh Luca trong *Tân Ước* đều báo trước sẽ có lúc tận thế nhưng không chỉ rõ sẽ xảy ra vào lúc nào, có lúc người ta tưởng là năm 1000 hoặc năm 2000...

Trước đây trên bốn mươi năm, do nhu cầu hoạch định các kế hoạch phát triển, các nhà khoa học đã tạm bỏ qua những sự kiện bí ẩn, họ cũng đã tìm cách tiên tri tương lai xã hội loài người căn cứ vào các dữ kiện kinh tế – xã hội đã có, hình thành một môn học mới khá hấp dẫn gọi là Tương Lai Học (*Futurology / Futurologie*).⁽⁸⁾

Hiện nay ngành Tương Lai Học đã phát triển rất cao, nhưng cách đây gần nửa thế kỷ, công trình tập thể của các nhà bác học Mỹ có tính chất tập trung tiêu biểu nhất là quyển *Năm 2000 (The Year 2000)* do Viện Hudson xuất bản năm 1967 với bản dịch tiếng Pháp nhan đề là *L'an 2000* xuất bản ở Paris năm 1968. Trong *Lời Giới Thiệu*, nhà xuất bản Robert Laffont của bản dịch tiếng Pháp đã hơn hờ viết: “*Lần này là lần đầu trong lịch sử, nhân loại có thể thẩm định được những động lực điều khiển vận mạng mình, liệt kê những động lực ấy, để duy trì chúng hoặc đổi hướng của chúng. Do đó cuốn Năm 2000 phải là Thánh Kinh của tất cả những người muốn có thể suy nghĩ về tương lai trong mười, mười lăm, ba mươi năm nữa. Đây là cuốn sách đầu tiên khiến sự dự đoán tương lai bước từ kỷ nguyên của thầy bói qua kỷ nguyên của các nhà bác học...*”

Đoạn văn trên được trích lại theo bản dịch của cụ Nguyễn Hiến Lê trong quyển *Những Vấn Đề Của Thời Đại*

⁽⁸⁾ Về **Tương Lai Học**, xem thêm: *Người Đạo Cao Đài Bước Vào Thiên Niên Kỷ Thứ Ba*, in trong *Triết Lý Đền Thánh Cao Đài Tây Ninh*, của Huệ Khải (Nxb Tôn Giáo 2012).

(Sài Gòn: Nxb Mặt Đất, 1974), trong đó, cụ bỏ công tóm tắt phần lớn những ý chính của quyển sách *Năm 2000*.

Những điều cụ Lê ghi lại trong quyển sách, nay đọc lại vẫn còn thấy thú vị. Nhìn chung, các dự đoán về phát triển khoa học – kỹ thuật phần nhiều đều đúng, nhất là trong việc hình dung một xã hội hậu công nghiệp (*post-industrial / post-industriel*), xu hướng toàn cầu hóa, những khả năng và ảnh hưởng thần kỳ của máy tính, việc tạo và nuôi thai trong phòng thí nghiệm...

Tuy nhiên, cũng có những dự đoán đi quá đà hoặc chỉ gần đúng với sự thật. Riêng trong lãnh vực chính trị toàn cầu, nhiều dự đoán đưa ra đã không đúng với thực tế và điều này cũng dễ hiểu, vì về chính trị, điều gì cũng có thể xảy ra được, như vụ khủng bố kỳ lạ ngày 11-9-2011 ở Mỹ là một thí dụ, không ai tiên đoán nổi! Đủ biết phương pháp dự đoán nào cũng có mặt tích cực và giới hạn của nó trước sự bí ẩn vô tận của thế giới loài người. Câu nói của Trang Tử trong trường hợp này có thể là một ý tưởng đáng suy gẫm để giúp con người bớt phải bối rối:

“Cuộc sống của ta có bờ bến mà cái biết thì không bờ bến, lấy cái có bờ bến để theo cái không bờ bến thì nguy lắm vậy.” ⁽⁹⁾

TRẦN VĂN CHÁNH

⁽⁹⁾ Trang Tử Chú (Dương Sinh Chú): *Ngô sinh dã hữu nhai, nhi tri dã vô nhai, dĩ hữu nhai tùy vô nhai, dĩ dĩ dĩ*.

吾生也有涯，而知也無涯，以有涯隨無涯，殆已。

TÔI RUN SỢ CHỖ KHÔNG NGƯỜI

Vì nơi ấy tôi thấy mình rõ nhất
Đêm trắng đêm đối diện trắng đêm
Thực và hư bàn tay sắp ngã
Chớp lóe lên tốt xấu rạch rời

Tôi run sợ ở chỗ không người
Và tự xấu hổ những điều không ai biết
Chân thành và giả dối với chính mình
Tôi run sợ bởi vì tôi phán xét

Rồi có một ngày tôi không còn nữa
Thì ngày đêm kia cứ thế xoay vần
Thì nín chui những điều mộng hão
Cho câu thơ đừng hóa trò chơi

Ở chỗ không người tôi run sợ
Với đủ cả sân si, lục đục, thất tình
Khi con tim còn biết rung lên nhịp đập
Hít thở vào cho hóa giải nỗi riêng tôi.

NGUYỄN QUỐC HUÂN

Họ đạo Trung Nam, HT Truyền Giáo Cao Đài

VĂNG CẢNH LINH MỤ

Bác Sĩ NGUYỄN ANH HUY

Gió đưa cành trúc la đà

Tiếng chuông Linh Mụ, canh gà Thọ Cương.

Câu ca dao đã ru tôi từ thuở lọt lòng nơi quê mẹ, nay càng ru thêm bao cảm xúc...

... Dọc theo tả ngạn, ngược dòng sông Hương, tọa lạc trên ngọn đồi là một ngôi chùa danh tiếng. Bước dần lên từng bậc cấp, hồn tôi lung linh theo những huyền thoại. Cảnh quan nhòa mất, thoáng xưa hiện về...

... Năm 1601, sau khi Đoàn Quốc Công Nguyễn Hoàng vào trấn thủ Thuận Hóa, đi ngang qua đây, thấy cảnh quan hùng vĩ, có gò đất như đầu con rồng quay lại, phía trước là sông, phía sau có hồ, bèn hỏi cư dân. Người ta kể rằng gò này rất linh dị, đêm đêm thường thấy một bà già mặc áo đỏ quần lục, ngồi trên đỉnh gò nói: “*Rồi sẽ có chân chúa đến dựng chùa ở đây để tụ linh khí, làm cho bền long mạch.*” Chúa nghe cả mừng, liền cho xây thành chùa lớn, đặt tên là *Thiên Mụ* 天姥... [Xem bìa 2.]

Lên hết bậc cấp, tháp Phước Duyên sừng sững soi bóng sông Hương. Do dòng nước xoáy, dần dần làm lở chân đồi, tạo vực sâu thẳm; tháp cao bảy tầng, có vị trí như thế án

son, trấn áp cả những gì huyền bí nhất dưới đáy vực. Nguyên tháp này do vua Thiệu Trị xây năm 1844, nhân kỷ niệm bát tuần thánh thọ bà Thuận Thiên Cao Hoàng Hậu (thứ phối của vua Gia Long). Trong tháp có thờ bảy tượng Phật, tọa trên đỉnh tháp là tượng Đức Thế Tôn bằng vàng, nay còn đâu nữa! Và hình tháp – một biểu tượng của địa phương – được lồng vào chiếc nón bài thơ, tăng thêm nét Huế! [Xem bìa 3.]

Hai bên tháp là nhà bia và đại hồng chung, khắc ngự thư của chúa Nguyễn Phúc Chu; chữ viết càng bay bướm, giới khảo cổ càng tập nập say mê. Năm 1710, chúa đúc cho chùa một cái chuông lớn và đích thân làm bài ký vào chuông. Chính tiếng chuông này, đêm đêm cứ vẳng ngân vang toàn xứ Huế. Còn bia lớn trên con rùa bằng đá cẩm thạch, dựng cuối năm 1715, ghi công đức của chúa trong việc chấn hưng đạo Phật.

Ngó lên cổng tam quan, bức hoành phi gắn ba chữ Hán *Linh Mụ Tự*, do vua Tự Đức (1848-1883) long thể bất an, không có kẻ tử, lại thêm chính sự rối rắm, cho rằng dùng chữ *Thiên* trong tên chùa là phạm đến Trời, nên xin đổi thành *Linh Mụ*. Vách cổng có đắp nổi sáu tượng kim cang, thêm cổ kính trang nghiêm.

Vào cổng, trực diện là Đại Hùng Bảo Điện, thờ nhiều tượng Phật bằng đồng sáng chói. Trong điện còn nhiều cổ vật bằng sứ, bằng đồng, như cái khánh cổ đúc năm 1677...

Sau lưng điện, có án thờ hòa thượng Thích Đại Sán, một vị thiền sư người Quảng Đông, được chúa thỉnh cuối năm

1695, cùng hàng ngàn bộ kinh về chùa hoàng dương chánh pháp. Sư chùa kể thêm phần ý vị, làm khách say lòng, vọng tưởng *Tây Du*...

Sau khi dạo quanh chùa, khách dừng chân ở đình Hương Nguyệt để thưởng thức chén trà ngào ngạt... Từ trong ngôi nhà hình tứ giác nhìn ra, khách cảm như thế giới vũ trụ gói gọn trong những hòn non giả cảnh Linh Phong, những giò lan rộ nở, những chậu kiểng đủ thế nghinh phong chiếu thủy... Kìa, những giọt sương đêm còn đọng trên tán đầu bạc của rừng tùng già cổ, thân cây loang lổ uốn hình chữ *tử* vắt ngang mỏm đá; rễ cây ngoằn ngoèo chạy quanh chậu khay, chứng tỏ công phu trồng tỉa đã trải bao đời qua...

Toàn cảnh khuôn viên chùa có cấu trúc như hình con rùa, mà phần nhỏ phía trước là đầu linh quy, đang bị thấp ẩn; thân rùa là vòng thành vây quanh điện Đại Hùng như một bảo bối. Hồ sau chùa bị đuôi rùa vung vẩy làm cạn khô, nay chỉ còn khe suối nhỏ. Tất cả đều phủ màu huyền thoại: Tương truyền ngày xưa ở đây có linh quy thường lên quấy phá; rùa tinh mệnh bạc, vừa ra khỏi động đã bị sét đánh, để lại xác vàng trên bãi cát...

Ngày nay, Linh Mục là một điểm du lịch nổi tiếng. Thuyền rồng ngược dòng, lúc nào cũng cập bến chùa. Từng tốp khách ngoại quốc nhón nhịp lên xuống, các cậu bé bán hàng mỹ nghệ, khuôn mặt bầu bĩnh, cứ luôn miệng mời chào, thêm phần rộn rã, náo nức...

Viếng chùa, lòng người không khỏi lâng lâng thoát tục... Ngàn liễu rung phong, nước suối thì thầm, hòa lẫn tiếng

kinh chuông mõ... như đưa người vào cõi lạc, quên hết u sầu cùng những gánh nặng trên vai. Cảnh đẹp nên thơ, được dệt bao huyền thoại, mỗi lúc một hấp dẫn du khách bốn phương...

Bất cứ một người Huế nào cũng không thể không tự hào về Linh Mục, một ngôi chùa cổ, danh tiếng nhất Thuận Hóa. Đối diện với Long Thọ Cương bên kia hữu ngạn, cùng với Văn Thánh trông thông, Võ Thánh trông bàng, Quốc Tử Giám, phủ Kim Long... cảnh chùa đã quyện vào tâm tư người bản xứ, điểm nét thêm cho sông Hương núi Ngự một vẻ đẹp kinh kỳ hiếm có, góp phần xứng đáng để di sản văn hóa Huế có giá trị toàn cầu đặc biệt và được bảo vệ vì lợi ích của cả nhân loại.

Riêng tiếng chuông, rung cùng âm kinh huyền diệu, làm sống động một danh lam đã được vua Thiệu Trị xếp vào *hai mươi thắng cảnh đất thần kinh*, mà trong bài *Thiên Mục Chung Thanh*, vua cảm được âm thanh này, ngân tận cõi xa xăm thâm kín:

噌宏午日幽明感

嘹曉寅宵道味玄

Tăng hoàng Ngọ nhật u minh cảm

Liệu lượng Dần tiêu Đạo vị huyền.⁽¹⁾

Bác Sĩ NGUYỄN ANH HUY

⁽¹⁾ *Chuông động giữa trưa miền tối ám / Kinh gieo canh sớm Đạo tăng già.* (Thiên Nhất Phương dịch)

TAM THIÊN LINH PHÙ

TỬ LA LAN

Linh phù là bùa thiêng. Chữ THIÊN 天 (Trời) có bốn nét; vẽ ba chữ Thiên là đủ mười hai nét, mỗi nét ứng với một chữ trong câu chú khi niệm hồng danh Thầy: *Nam mô Cao Đài Tiên Ông Đại Bồ Tát Ma Ha Tát*. Tịnh viên (thiền sinh) Cao Đài họa phù (vẽ bùa) Tam Thiên bằng thần khí trụ tâm vào mi gian (khoảng giữa hai đầu chân mày). Bùa linh này cũng dùng trong nghi thức cầu cơ: *Họa Tam Thiên linh phù ứng hiện / Xin Tiên Đồng mau chuyển thần cơ...* [VĂN UYÊN]

Bà nội tôi từng là một Chánh Trị Sự ở Tòa Thánh Cao Đài Tây Ninh. Ba tôi theo học chữ và học đạo ở trường trung tiểu học Lê Văn Trung (Hòa Thành, Tây Ninh). Bà nội dời nhà lên Sài Gòn, bà cùng ba tôi dọn tran thờ Thầy trang nghiêm trên lầu một. Rồi bà nội mất, ba dọn ra ở riêng với má hai, nhà chỉ còn hai anh em tôi ở. Năm đó tôi mười bốn tuổi, em tôi lên mười. Không có ba ở chung, bàn thờ Thầy trên lầu bỏ không, lạnh lẽo. Sau này khi lớn lên và cùng nối nghiệp ba trong ngành y, chúng tôi vẫn mãi không quên một chuyện lạ lùng đã xảy ra ở nhà tôi trong thời gian ấy.

Bà nội khi mất có để lại nhiều đồ gỗ xưa, trong đó có

một cái tủ đứng bằng gỗ cẩm lai, để đựng quần áo. Không nhớ từ khi nào, mà cứ đêm về, trặc từ mười một giờ đêm, từ trong cái tủ phát ra những tiếng gõ *cộc, cộc...* khá lớn. Tiếng gõ y như ai đó đứng bên trong tủ, gõ như gọi mở cửa! Hai anh em tôi e có chuột phá (dù trong lòng không tin chuột có thể gõ theo kiểu như thế), nên dọn hết quần áo, bít hết mọi chỗ có thể cho chuột ra vô...

Tầm mười một giờ, hàng đêm. Vẫn những tiếng gõ kinh dị như thế, kéo dài suốt đêm, dù mở tủ ra ngay lúc đó cũng tìm không thấy gì bên trong. Tiếng gõ vào cửa từ bên trong tủ rõ ràng, chứ không phải tiếng cào cạp, lòn lòn lộn đềm khuya, lạnh lùng nhún vào nỗi sợ hãi của hai đứa con trai không có cha mẹ ở chung. Hai anh em ngủ (xin thưa, ngủ gì nổi) ở cái đi-văng sát bên, bị nỗi sợ gí sát vô tường. Thay phiên nhau, thay phiên nhau cho đỡ mỏi vì phải luôn nằm chổng lên nhau, sát tường. Đứa trên, đứa dưới...

Tiếng-gỗ-hàng-đêm ấy đeo theo hai anh em cả tháng trời. Sáng ra chúng tôi đi học mà bước như bơi, mặt mày xanh xao trắng dã. Tối học xong là cùng nhìn đồng hồ, sợ tới giờ đi “ngủ”, mong đừng có mười một giờ, trách thợ mộc đóng chi cái tủ...

Một buổi chiều nọ. Câu chuyện cái tủ cẩm lai gõ cửa tới tai dưỡng Năm tôi ở Gò Công. Dưỡng là một cư sĩ tu theo Cao Đài đã nhiều năm. Dưỡng sắp xếp việc đồng việc đạo dưới quê, lên Sài Gòn. Gặp tụi tôi, dưỡng bảo: “Tối nay để dưỡng họa phù Tam Thiên, cái tủ sẽ hết kêu.” Một tin, mà sáu bảy ngày. *Phù Tam Thiên* là gì, tôi không để ý. Nhưng

mừng, vì tối nay có ông dựng bực con, quắc thước, nhìn oai nghiêm như Quan Công ngủ lại nhà. Cái tử cứ việc kêu, cứ việc gõ.

Đêm đó, mặc áo dài khăn đóng nghiêm chỉnh, dựng Năm đốt năm cây nhang. Sau một hồi khấn vái và lăm bằm, dựng huơ huơ năm cây nhang... Rồi mười một giờ đêm, dựng ngời đó tọa thiền. Chúng tôi lóng bốn cái lỗ tai, trôn sáu con mắt (tính luôn cặp kiếng cận),

dòm cái tử, rồi liếc dựng... Không còn một tiếng gõ nào nữa. Mãi mãi.

Đó là thập niên tám mươi, cuộc sống vấp phải nhiều khó khăn. Học y khoa tốn kém, tôi đã kêu bán cái tử để mua sách học. Cái tử cầm lai không còn, nhưng ba chữ *Tam Thiên phù* đã in sâu vào ký ức (dù chúng tôi vẫn chưa biết đó là cái gì), như một phép thần xua ma trừ quỷ.

Khi học sơ thiền cừ cừ, được hướng dẫn cách họa phù Tam Thiên bằng thần, tôi háo hức vô cùng. Vì sự hiển linh của Tam Thiên phù có lẽ không ai có nhiều hơn chúng tôi niềm tin và sự chứng nghiệm.

Giữa thời thiền giờ Tý tịch tịch, hể có một niệm sợ hãi nào dấy lên trong lòng, tôi lại vững tâm khi nghĩ mình đã



Vẽ: CỌ TRẮNG

họa Tam Thiên phù vào đầu mỗi thời thiền. Lá-bùa-Trời ấy xua tan từng niệm âu lo mới nhen, như đã từng xua đi nỗi sợ hãi tội cùng ngày xưa, xóa sạch những tiếng gõ. Những tiếng gõ thấy ghê, cho đến giờ này như vẫn còn đồng vọng đâu đây...

TỬ LA LAN

Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý Đại Đạo

CỔ TÍCH

Khi xác thân cần cỗi
Phủ lớp bụi thời gian
Người đàn ông tội lỗi
Khóc trong vườn Địa Đàng

Loài người vẫn bội bạc
Thời gian thì phôi pha
Chỉ đại ngàn bát ngát
Muôn đời còn thiết tha

Bên núi đồi bát ngát
Chứa rao giảng tin mừng
Thương dòng người ngơ ngác
Dưới nắng buồn rừng rưng

Rừng đã từ sơ cổ
Nuôi sống mãi con người
Vì ai mà ngã đổ
Rừng ơi, chảy máu tươi!

Khi xác thân tiêu tụy
Người đàn bà đầu tiên
Dang nhánh tay tục lụy
Ôm trái cấm muôn phiền

Tôi lạc vào cổ tích
Thương dấu chân người xưa
Lang thang chiều u tịch
Lạnh đầy hồn gió mưa.

TRẦN DÃ SƠN



Ảnh tài liệu.

ĐIỀU TÔI HỌC TỪ MẸ

VÕ VĂN PHO

Hằng ngày, sáng rồi tối đều đặn thấp hương, nhìn đi ảnh mẹ lòng tôi trào dâng bao niềm thương nhớ. Người mẹ kính yêu của tôi đã đi thật xa, thật xa.

Tấm lòng của anh chị về mẹ thế nào tôi không biết được nhưng với riêng tôi thì mẹ chẳng đi đâu xa, mẹ vẫn luôn ở trong nhà, mẹ vẫn hằng thủ thi bên tôi. Mẹ đã để lại bao điều mà cho đến giờ, đứa con tuổi đã xấp xỉ sáu mươi như tôi vẫn cảm nhận chưa hết. Chưa hết chẳng phải vì mẹ là nhà tư tưởng, nhà truyền giáo hay một nhà văn, nhà thơ gì cả... mà đơn giản mẹ tôi chỉ là người mẹ quê như bao

nhieu bà mẹ quê khác: lam lũ, chân chất và rất đỗi bình thường. Thế nhưng cuộc đời bình thường lặng lẽ ấy đã in vào lòng tôi những ấn tượng sâu sắc về tình yêu thương và đạo làm người.

Điều đầu tiên của mẹ mà tôi phải kể đến là đạo dâu con trong gia đình. Ông nội tôi tuy không phải là đồ nho nhưng hiểu biết chữ nghĩa, sống khuôn phép và đặc biệt là chuyện cúng bái tinh nghiêm. Vì thế hằng ngày, mẹ phải giúp ông lo trà nước cúng Thầy. Còn những hôm đám giỗ hay tế xuân tế thu thì mẹ tôi càng phải quay như con vục. Thức khuya nấu bánh, dậy sớm pha trà, đi chợ, chạy tới chạy lui mượn cái nọ cái kia... Vất vả nhất là khi mọi người ra về, mẹ vẫn tươi cười tất bật dọn dẹp rồi ung dung rửa cả một đồng chén đĩa khổng lồ. Không chỉ có trách nhiệm với việc nhà, mẹ còn tự nguyện sẻ chia, chịu thương chịu khó với cả việc họ hàng hay chòm xóm.

Ấn tượng thứ hai về mẹ là tình cảm dành cho cha. Khi tôi lên sáu thì cha tôi qua đời sau một cơn bạo bệnh. An táng cha xong, mẹ ốm nặng gần đến hai tháng. Lúc ấy trí óc non nớt, tôi chẳng hiểu gì nhiều nhưng càng về sau thì tôi cảm nhận khá rõ thế nào là mất “một nửa” của mình đi.

Lòng tôi buốt đau, mỗi lần nhớ lại trận lụt năm Thìn, mẹ đã hót hải lộ trong dòng nước lũ ngập tới ngực, cố gắng vớt cho bằng được thẻ căn cước của cha. Cũng chính tấm căn cước này trong những tháng ngày lánh bom đạn sống trong trại tạm cư, mẹ đặt “vật gia bảo” ấy trên thùng gạo đầu giường, cạnh một cái nồi hương làm bằng lon sữa bò

và tối nào trước khi đi ngủ mẹ cũng thắp hương lâm râm gì đó với cha.

Đối với người mẹ chỉ có một mặt trời duy nhất là đứa con. Mẹ tôi không phải là ngoại lệ, mẹ tôi dành cả cuộc đời cho niềm vui và trưởng thành của con cái.

*Thân cò bao quản nắng mưa
Ruộng sâu đồng cạn sớm trưa một mình
Đơn côi chèo chống gia đình
Vượt bao ghềnh thác, vẹn tình trước sau...*

Mẹ lặng lẽ hy sinh mà không đòi hỏi được đền đáp bất cứ điều gì. Tôi mãi mãi không thể quên những năm tháng chiến tranh ác liệt ấy, sự sống và cái chết chỉ cách một sợi tơ. Mẹ dắt tôi đi trên con đường thăm thẳm từ vùng B sang Ái Nghĩa rồi lặn lội xuống Hội An.

Tôi đi bộ hết nổi, chị dìu rồi mẹ cõng. Ôm cổ mẹ mỗi tay, lần hồi người tôi tụt xuống và mẹ lại xóc lên. Trì xuống xóc lên liên tục, cho đến Vĩnh Điện thì hai bắp vế non của tôi tuột da bong rát. Tôi vô tâm phụng phịu nhăn nhó, có hay đâu khi đó tấm lưng mẹ ướt đầm và khuôn mặt mẹ đau đớn, ràn rụa mồ hôi.

Sống ở đất khách quê người, mẹ buôn gánh bán bưng nuôi tôi ăn học. Giữa năm 1975, mẹ con dắt díu trở về quê nhà. Cũng như thuở nào, mẹ lại lao vào công việc cuộc đất vỡ hoang, giâm từng mọt khoai gốc sẵn. Tôi ươn yếu, lao động kém cỏi nên chỉ biết lo chuyện học hành. Tóc mẹ ngày càng bạc phau, lưng còng mắt kém...

Rồi cuộc đời cuốn tôi trôi xa vòng tay mẹ, tôi lưu lạc vào Nam.

*Con là nhánh lục bình ngập ngoi trên nước
Trôi mà cháy khát một đời bên nước mẹ quê.*

Sau nhiều nỗ lực, tôi đã có chỗ ở, có công việc làm. Bao lần tôi khẩn thiết mời mẹ vào Nam để con cháu có dịp phụng dưỡng nhưng mẹ một mực từ chối. Ngày Tết ngày hè, tôi về với mẹ dăm ngày rồi lại ra đi. Biết tánh tôi hay tranh biện, mẹ luôn căn dặn: “Ai nhất thì mình thứ nhì, ai mà hơn nữa mình thì thứ ba. Chữ *hòa* và chữ *tình* là vốn quý nhất đây, con ạ!”

Tôi mắc cạn giữa lòng phố thị, nhớ mẹ chỉ còn biết gửi vào thơ:

*Dầm trong dăng dặc mưa xa
Lòng con ướt tận quê nhà mẹ ơi!*

Sinh hoạt trong môi trường giáo dục và tôn giáo, tôi càng thấm thía hơn những lời mẹ dạy. Chính cuộc đời mẹ đã dạy tôi nhiều bài học quý giá, và một trong những bài học độc đáo mẹ để lại đó chính là *thân giáo*. Trong tôn giáo cũng như trong giáo dục, không có lời nói nào thuyết phục hơn tấm lòng yêu thương thực sự và hành động vô cầu...

Với lòng biết ơn vô hạn, tôi viết những dòng hồi tưởng này đính cùng nén tâm hương xin kính dâng lên Mẹ linh hồn và mẹ ruột dẫu yêu của tôi.

VÕ VĂN PHO
TT Trung Minh (HT Truyền Giáo)

MÙA TRĂNG KHAI ĐẠO

Gò Kén ngày xưa Rằm tháng Mười
Khai minh Đại Đạo vạn lòng vui
Việt Nam hạnh ngộ Cao Đài ngự
Hội tụ về đây lớp lớp người.

Từ đó đến nay lắm tháng trâm
Vẫn còn vang vọng những dư âm
Nước non đã được Thầy ân tứ
Khai Đạo cũng là khai nhân tâm.

Thêm một mùa trăng nữa lại về
Khắp từ thành thị đến thôn quê
Lung linh ánh sáng ngời ơn điển
Đại Đạo đưa người thoát bến mê.

Đã dành một gốc trổ nhiều hoa
Biết đến khi nào mới hiệp hòa
Mong bậc tài cao thi thố đức
Giúp cho chi phái dựng một nhà.

Ôi, trăng Khai Đạo! Trăng Khai Đạo!
Rọi thấu tâm tư những khách trần
Đã vượt bao nhiêu cơn khảo đảo
Nay nhìn trăng sáng có băng khuâng.

TRẦN DĨ SƠN

NHỚ BẠN

CÁT TƯỜNG

Không hiểu tôi với em có duyên gì mà những thời Tý
cầu siêu cho em tôi đều có mặt.

Vừa rời nhà em ra khỏi con hẻm nhỏ, mưa ào ào đổ
xuống. Tháng Chín miền Trung là vậy. Tôi dừng xe để lấy
áo mưa. Gần mười hai giờ khuya rồi, con đường dài thật
vắng, chỉ mình tôi.

Tay lần giở chiếc áo mưa mà lòng rộn một niềm vui.
Không hiểu sao tự nhiên tôi thấy vui trong lòng vì được
đến với em trong những buổi cầu kinh này.

Ngày mình cùng sinh hoạt Vườn Đồng, em chín tuổi còn
tôi lớn hơn hai, mà sao tôi thấy mình “già” hẳn so với em.
Em lúc nào cũng lặng yên, thật hiền hòa, đôi mắt trong veo
nhưng buồn buồn. Chiếc mũi tuy không làm “thay đổi thế
giới” như nữ hoàng Ai Cập nhưng em đã là Cléopâtre ⁽¹⁾
của tôi. Da em ngăm ngăm, không trắng hồng như những

⁽¹⁾ Cléopâtre (69-30 trước Công Nguyên) là nữ hoàng Ai Cập.
Trong tác phẩm *Pensées*, triết gia Pháp Blaise Pascal (1623-
1662) viết như sau: “Giá như cái mũi của Cléopâtre ngắn hơn
thì bộ mặt của toàn thế giới ắt hẳn đã thay đổi rồi. / *Le nez de
Cléopâtre: s’il eût été plus court, toute la face de la terre
aurait changé. / Cleopatra’s nose, had it been shorter, the
whole face of the world would have been changed.*” (*Pensées*,
162). [Văn Uyên chú]

bạn khác nhưng lại vô cùng ấn tượng, có lẽ nhờ khuôn mặt thanh tú đáng yêu.

Thập niên sáu mươi thế kỷ trước, những buổi sinh hoạt ở khuôn viên Tịnh Đường, những ngày cắm trại mệt nhoài nhưng rất vui... Thật không làm sao quên được! Rồi hình ảnh em trong ban Lễ Sĩ cũng in đậm nét trong tôi. Vóc dáng cao gầy với từng bước nhún chữ Tâm, trông em thật thanh thoát như một thiên thần (chỉ còn thiếu đôi cánh mà thôi).

Lớn hơn, rời xa thành phố tôi công tác ở miền cao nguyên nắng gió. Và sau nhiều năm, về lại Đà Nẵng tôi không gặp được em. Dễ đến bốn chục năm qua rồi!

Mãi đến ngày khánh thành Trung Tâm Thánh Tịnh,⁽²⁾ tôi nhắn lời, dặn dò em trai em gọi điện nói chị đến đây cho tôi gặp một lần, cô em ngày xưa ấy.

Em đến, bộ dạng bận bịu, tóc điểm vài sợi bạc, vóc dáng hao gầy. Em chuyện trò với tôi ít thôi, rồi vội về để cho mẹ ăn trưa. Đó là lần thứ nhất tôi gặp lại em sau hơn bốn mươi năm.

Lần thứ hai, em đưa chồng về nhập môn ở thánh thất.

Lần thứ ba, đám tang chồng em sau lần gặp trước vài tháng. Lúc này trông em thật tiêu tụy, tóc đã bạc trắng!

Và mới đây thôi, mỏng một vừa rồi em còn ngồi bên tôi trong bữa cơm trưa ở thánh thất. Vậy mà, giờ đây...

⁽²⁾ Sáng thứ Bảy 18-5-2013. [Văn Uyên chú]

Miên ơi!

Mới hôm nào, mình còn ngồi bên nhau

Chuyện nhỏ, chuyện to

Chồng chị, chồng em

Con Liên, con Miên

Mà nay

Em đã ra người thiên cổ!

Khi nhận được tin,

Em không còn hiện diện

Trên cõi đời này

Lòng chị bần thần

Tim chị ủ ê

Thần thờ buồn bã

Cho lẽ vô thường

Được mất, mất còn!

Hình ảnh người em tôi

Ngây thơ, trong sáng

Hiền dịu, đoan trang

Với chiếc váy ngắn xanh

Và áo màu tam thanh

Của Vườn Đồng xa xưa

Vẫn còn từ ký ức

Cho đến mãi hôm nay...

Giờ đây

Đã nghìn trùng xa cách!

CÁT TUỜNG

Họ đạo Trung Thành

NGƯỜI ĐẠO CAO ĐÀI THAM DỰ HỘI NGỘ LIÊN TÔN LẦN IV

Thứ Hai, ngày 27-10-2014, lúc 15 giờ, tại Trung Tâm Mục Vụ Tổng Giáo Phận TpHCM (số 6 bis Tôn Đức Thắng, quận 1) long trọng diễn ra *Hội Ngộ Liên Tôn Lần IV* với chủ đề *Trao Nhau Niềm Vui Hướng Thượng*, đồng thời kỷ niệm 50 năm thành lập Hội Đồng Tòa Thánh Về Đối Thoại Liên Tôn (1964-2014) và 145 năm sinh nhật Thánh Mahatma Gandhi (1869-2014).

Cũng như ba cuộc Hội Ngộ Liên Tôn vừa qua, Chương Trình Chung Tay Ấn Tổng Kinh Sách Đại Đạo đã kính biếu Ban Tổ Chức Hội Ngộ Liên Tôn Lần IV tổng cộng 1.000 tập sách nội dung mang tinh thần liên tôn hòa ái, để làm quà biếu các đại biểu các tôn giáo bạn đến tham dự cuộc lễ. Số sách biếu này gồm có: 500 quyển *TRỜI CHẴNG XA NGƯỜI* của Bác Sĩ Nhân Tử Nguyễn Văn Thọ; và 500 quyển *NẾO VỀ TÂM LINH* của Huệ Khải.

Tham dự Hội Ngộ Liên Tôn Lần IV có các tôn giáo bạn như Baha'i, Công Giáo, Islam, Kitô Giáo, Minh Lý Đạo, Phật Giáo, và Phật Giáo Hòa Hảo. Riêng về đạo Cao Đài, Ban Tổ Chức đã dành cho các đóng góp như sau:

1. Hiền hữu Đỗ Thế Hữu (thánh thất Trung Hiền) dẫn chương trình cùng với linh mục Giuse Phạm Văn Bình, (chánh xứ giáo xứ Phanxicô Đa Kao, quận Một, TpHCM), và hiền tỷ Maria Lý Ngọc Anh (Ban Mục Vụ Đối Thoại Liên Tôn, Tổng Giáo Phận TpHCM). [*Xem phụ bản 04.*]

2. Hai ca đoàn Hội Thánh Truyền Giáo Cao Đài và Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý Đại Đạo cùng hợp xướng nhạc phẩm *Niềm Vui Hướng Thượng*, sáng tác của hiền hữu Nguyễn Thoại Tuấn (Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý Đại Đạo). [*Xem phụ bản 04.*]

3. Hiền muội Hồ Thị Mộng Tuyền vừa tốt nghiệp tu sĩ khóa IV (Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý Đại Đạo) trao đổi với nữ tu Anna Hồng Vân (Dòng Đức Mẹ Núi Canvê) về những khó khăn và thuận lợi khi lập nguyện để trở thành tu sĩ. [*Xem phụ bản 05.*]

4. Hai ca đoàn Công Giáo và Cao Đài cùng hợp xướng nhạc phẩm *Trao Nhau Niềm Vui*. [*Xem phụ bản 05.*]

5. Ban nhạc thánh thất Từ Vân (Hội Thánh Truyền Giáo Cao Đài, Phú Nhuận) hòa tấu nhã nhạc cung đình. [*Xem phụ bản 06.*]

5. Giáo Sĩ Huệ Ý, Tổng Thư Ký Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý Đại Đạo, thay mặt cộng đồng Cao Đài cùng với đại diện các tôn giáo bạn dâng lời cầu nguyện cho thế giới hòa bình, nhân sinh an lạc. [*Xem phụ bản 06.*]

Bài và ảnh: **CAO HOÀNG PHONG**
Thánh Tòa Vô Vi Huỳnh Quang Sắc

TIỀN BIỆT PHỐI SƯ THƯỢNG NHÂN THANH

Chương Trình Chung Tay Ấn Tổng Kinh Sách Đại Đạo rất thương tiếc được tin Phối Sư Thượng Nhân Thanh (thể danh Lê Văn Nhân), Hội Thánh Cao Đài Cầu Kho – Tam Quan (Bình Định) đã quy thiên lúc 19 giờ 10 ngày 21-9 nhuận năm Giáp Ngọ (13-11-2014). Lễ tang cử hành được cử hành trang trọng theo nghi thức Hội Thánh; sau đó, người được an táng tại nghĩa trang Hoàng Thử, thôn Xuân Vinh, xã Hoài Mỹ, huyện Hoài Nhơn, tỉnh Bình Định. [Xem phụ bản 07.]

Cố Thượng Phối Sư sinh năm 1953, tại thôn Xuân Vinh, xã Hoài Mỹ, huyện Hoài Nhơn, tỉnh Bình Định. Nhiều năm qua, Anh Lớn hết lòng ủng hộ Chương Trình Chung Tay Ấn Tổng, đã đến dự họp mặt ấn tổng tại thánh thất Bàu Sen (quận 5, TpHCM), không quản ngại xa xôi cách trở. Ở tỉnh nhà, trong lúc đến hành đạo tại các thánh thất trực thuộc Hội Thánh, Anh Lớn không nề nhọc nhằn, thường mang theo kinh sách ấn tổng để giới thiệu và tặng các họ đạo...

Chúng con thành tâm cầu nguyện Đức Chí Tôn ban bố hồng ân độ rỗi chơn linh Phối Sư Thượng Nhân Thanh sớm được cao thăng phẩm vị nơi cõi thiêng liêng hằng sống.

Nam mô Cao Đài Tiên Ông Đại Bồ Tát Ma Ha Tát.

TIỀN BIỆT HIỀN HUYNH ĐẠT TRUYỀN

Một thành viên nhiệt thành của Chương Trình Chung Tay Ấn Tổng Kinh Sách Đại Đạo là hiền huynh Đạt Truyền (thể danh Hà Văn Phủ) đã quy thiên lúc 20 giờ 15 ngày 12-9 nhuận năm Giáp Ngọ (04-11-2014). Lễ tang cử hành trọng thể theo nghi thức Đại Đạo tại thánh thất Bàu Sen; sau đó, sáng ngày 08-11-2014, cố hiền huynh được đưa về an táng tại Thánh Lâm Mộ Địa (thuộc Vĩnh Nguyên Tự, xã Long An, huyện Cần Giuộc, tỉnh Long An).

Hiền huynh Hà Văn Phủ sinh ngày 27-6 Mậu Dần (24-7-1938) tại nhà thương Rạch Kiến, xã Long Hòa, quận Cần Đức, tỉnh Chợ Lớn (nay là huyện Cần Đức, tỉnh Long An). Vì thân phụ làm khai sanh trễ một ngày nên giấy khai sinh ghi ngày 25-7-1938. Hiền huynh tự thuật như sau:

Tía tôi tên Hà Văn Kỷ, sanh năm 1899, là con thứ năm trong gia đình. Ông nội tôi tên Hà Văn Đồ, mất năm 1919. Bà nội tôi tên Mai Thị Lộc, mất năm 1943. Tôi bắt đầu biết tía tôi khi tôi lên ba tuổi. Khi này tôi thấy mỗi tối, má tôi ngồi trước cửa nhà, dưới bóng đèn dầu, cạnh bên rổ may (vải vụn cuộn lại mỗi thứ từng bó để vá áo quần). Má tôi vừa vá áo quần cho các con, vừa trông nhà sợ trộm cắp, vừa trông tía tôi đi khai đàn (thượng tượng) về. Hầu như ngày nào tía tôi cũng đi khai đàn thượng tượng, nên má tôi thường xuyên ngồi may vá áo quần cho con mỗi buổi tối.

142. Ng. v. Trường Kỳ
 (143) Hà Văn Vàng Thụ

140. Phạm Văn - Sĩ Kỳ
 1. Nguyễn Văn - Sĩ Kỳ
 2. Ca - phước Sĩ Kỳ
 3. Phạm Công - Sĩ Kỳ
 4. Trần Văn - Sĩ Kỳ
 (5) Hà Văn - Sĩ Kỳ
 6. Cao Văn - Sĩ Kỳ
 7. Bùi Quang Sĩ Kỳ
 8. Trường V. Sĩ Kỳ
 (9) Phạm V. Sĩ Kỳ

210. Đặng V. Sĩ Kỳ
 1. Trần V. Sĩ Kỳ
 2. Nguyễn V. Sĩ Kỳ
 3. Phạm V. Sĩ Kỳ
 (4) Hà V. Sĩ Kỳ
 5. Nguyễn V. Sĩ Kỳ

Bốn vị ký tên trên Tờ Khai Đạo 1926 (trích):
 143. HÀ VĂN VÀNG; 195. HÀ VĂN NGUYỄN;
 199. PHAN VĂN NGỰA; 214. HÀ VĂN KỶ

Năm Bính Dần (1926), khi đạo Cao Đài vừa khai mở là có mặt tía tôi rồi. Ngày 23 tháng 8 Bính Dần, tía tôi cùng bác Tư tôi (Hà Văn Nguyễn), cùng chú Tám tôi (Hà Văn Vàng) và anh Ba Phan Văn Ngựa (con của cô Hai tôi) cùng đi lên Chợ Lớn đến nhà ông Nguyễn Văn Tường họp mặt ký tờ Khai Đạo Cao Đài, gồm tất cả có 247 vị.⁽¹⁾

Sau ngày Khai Minh Đại Đạo, Tòa Thánh Tây Ninh được cất ở làng Long Thành. Bà nội tôi, tía tôi, cô Hai tôi cất nhà ở cạnh Tòa Thánh để tu theo Cao Đài Tây Ninh. Đến năm 1934, tía tôi theo Ngài Nguyễn Ngọc Tương về Bến Tre theo Cao Đài Ban Chính Đạo hành đạo với phẩm Giáo Hữu.

Má tôi tên là Nguyễn Thị Vĩ, cũng sanh năm 1899. Ông ngoại tôi tên Nguyễn Văn Luận, mất năm 1918. Bà ngoại tôi tên Nguyễn Thị Lan, mất năm 1937, người cùng xóm với ông nội tôi, ấp Thuận Tây, xã Thuận Thành.

*

Là nhân viên Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý Đại Đạo, bước đường tu học và hành đạo của hiền huynh Đạt Truyền có những mốc đáng nhớ như sau:

Năm 1998, hiền huynh bắt đầu ăn chay trường kể từ mừng một Tết Mậu Dần.

⁽¹⁾ Thực tế có 245 vị ký tên (vì 2 vị không ký tên). Trong danh sách các vị ký tên, thấy: tiền bối Hà Văn Vàng số thứ tự 143; tiền bối Hà Văn Nguyễn số 195; tiền bối Phan Văn Ngựa số 199; tiền bối Hà Văn Kỳ số 214. [Văn Uyển chú]

Tháng 12-1998, hiền huynh học Dự Bị Sơ Thiền tại Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý Đại Đạo.

Đầu năm 1999, hiền huynh bắt đầu công cuộc thu thập hình ảnh các thánh sở Cao Đài trong toàn quốc. Đến đầu năm 2000, có thêm hiền huynh Đạt Linh (Chánh Hội Trưởng thánh thất Bàu Sen) sát cánh đồng hành cộng tác.⁽²⁾

Tháng 12-1999, hiền huynh học Sơ Thiền Cửu Cửu.

Tháng 12-2000 hiền huynh nghỉ hẳn việc đời, ở nhà tu. Trong tháng này, hiền huynh học Sơ Thiền Thập Nhị Cẩm Đoạn.

Tháng 12-2001, hiền huynh học Nội Công Hấp Khí bậc một.

Thứ Tư 20-11-2002 (16-10 Nhâm Ngọ), hiền huynh chính thức báo cáo với Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý Đại Đạo về công trình thu thập ảnh thánh sở và trân trọng hiến Cơ Quan toàn bộ công trình điền dã thu thập hình ảnh.

Tháng 12-2003, hiền huynh học Nội Công Hấp Khí bậc hai.

Năm 2006, hiền huynh học khóa Bồi Dưỡng Giáo Lý cấp một, tốt nghiệp năm 2008. Học khóa Bồi Dưỡng Giáo Lý cấp hai và tốt nghiệp năm 2012.

⁽²⁾ Xem thêm: Nhiều người viết, *Nhớ Đạt Linh*. Hà Nội: Nxb Tôn Giáo, 2008, 2009. (Quyển 11-2 trong Chương Trình Chung Tay Ấn Tống Kinh Sách Đại Đạo.)

Ngày 15-4-2007 (17-02 Đinh Hợi), hiền huynh được Đức Giáo Tông Vô Vi Đại Đạo ban thánh danh:

Hà Văn Phũ lòng thiên mới tới

Chốn Thiên Cung thơ thới nhẹ nhàng

Bớt đi mọi thứ vương mang

Đạt Truyền tên thánh Lão ban cho hiền.

Năm 2008, hiền huynh được Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý Đại Đạo bổ nhiệm làm Trưởng Ban Thông Tin Báo Chí.

Từ tháng 6-2008, hiền huynh nhiệt thành cộng tác với Chương Trình Chung Tay Ấn Tống Kinh Sách Đại Đạo. Trong năm này, hiền huynh xuất bản *Các Thánh Sở Cao Đài Tỉnh Long An* (nhà xuất bản Tôn Giáo, Hà Nội).

Năm 2009, hiền huynh xuất bản *Các Thánh Sở Cao Đài Tỉnh Bến Tre* (Nxb Tôn Giáo).

Năm 2012, hiền huynh xuất bản *Các Thánh Sở Cao Đài Tỉnh Tây Ninh* (Nxb Tôn Giáo). Cùng năm này, hiền huynh được tiến đạo, thọ pháp thiền Nhị Cơ.

Đầu năm 2013, hiền huynh trình Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý bản thảo *Các Thánh Sở Cao Đài Tỉnh Tiền Giang*. Cuối năm này, hiền huynh trình Cơ Quan bản thảo *Các Thánh Sở Cao Đài Mười Hai Hệ Phái*.

Ngày 24-4-2014 (25-3 Giáp Ngọ), về tu thiền, hiền huynh học Thể Yên Pháp - Ngọc Dịch Hoàn Đơn Điền.

Ngày 19-8-2014 (24-7 Giáp Ngọ), hiền huynh xin học pháp thiền Nhị Cơ Tiến Đạo.

*

Trước ngày quy thiên, hiền huynh chu đáo sắp xếp mọi việc cần thiết, dặn dò gia đình những điều giống như di chúc.

Suốt thời gian linh cữu quần tại thánh thất Bàu Sen, đông đảo các Hội Thánh, thánh thất, thánh tịnh, cơ quan Đạo trong và ngoài TpHCM, hai tôn giáo bạn (Công Giáo, Phật Giáo) đã cử chức sắc, chức việc, cùng các tín hữu, bằng hữu đời và đạo, lần lượt đến viếng hiền huynh.

Còn nhớ, ngày 27-8-2014 hiền huynh cùng với Ban Ấn Tổng đến viếng thánh thất Nhựt Chánh (Bến Lức, Long An), thuộc Hội Thánh Cao Đài Ban Chính Đạo.⁽³⁾ Không ngờ đây lại là chuyến hành đạo sau cùng của hiền huynh cùng với Ban Ấn Tổng. Vì vậy, trong tình cảm thương mến hiền huynh, chiều ngày 07-11-2014, Giáo Hữu Thái Cheo Thanh (Đầu Họ Đạo thánh thất Nhựt Chánh) đã cùng quý chức sắc, chức việc, nam nữ tín hữu của ba thánh thất An Thạnh, Long Hiệp, và Nhựt Chánh, đến viếng hiền huynh Đạt Truyền rất trọng thể.

Về phần Ban Ấn Tổng, chiều ngày 06-11-2014, bốn huynh đệ (Đạt Tịnh, Trần Văn Quang, Thanh Căn, và Huệ Khải) đã cùng dâng hương quỳ lạy tiễn biệt người bạn đạo thân thiết của mình. Hiền huynh Truyền Trạng Thanh Căn ai điều hiền huynh Đạt Truyền với bài thất ngôn bát cú quán thủ như sau:

⁽³⁾ Xem bài và hình ảnh trong *Văn Uyển* tập Lợi (quý Ba 2014).

*Vô Vi chiếu triệu trở về nguyên
CÙNG với Chư Linh ở cõi Tiên
THƯƠNG bởi nụ cười hồn hậu, thật!
TIẾC vì lời nói thẳng ngay, hiền!
ĐẠO tâm tinh tấn, lo điền dã
HUYNH đệ dung thông, bận cửa thiền
ĐẠT đức, đạt công, Thiên phẩm đạt
TRUYỀN tin Thượng Đế, ấy chân truyền.*

Hiền huynh Đạt Truyền Hà Văn Phủ đã trở về với Thầy Mẹ, kết thúc một quãng đường nhiều năm dài chí thành tâm đạo, tinh nghiêm quy giới, và tu học đầy đủ cả ba mặt công quả, công trình, công phu. [Xem phụ bản 08.]

Dẫu biết rằng “*Tử sanh do tại Thiên Công*”, nhưng đông đảo bằng hữu của hiền huynh, trong đạo lẫn ngoài đời, đều không khỏi bàng hoàng sững sốt khi hay tin hiền huynh đột ngột giã từ cõi ta bà để phục linh Thiêng Liêng. Thôi thì:

*Từ nay cách biệt âm dương
Anh em Ấn Tổng dọc đường lại vui!
Người đi kẻ ở ngậm ngùi
Bao năm gắn bó, một ngày chia phân
Cầu xin Thầy Mẹ hồng ân
Hiền huynh bệ kiến Thiên Nhan chín trùng
Chúng tôi kính tiễn mấy dòng.*

BAN ẤN TỔNG

ĐỂ GIÓ CUỐN ĐI

TRÚC THẢO

Một buổi tối cuối thu, khi không gian chìm lắng vào trong đêm tối, tôi vẫn còn thao thức đếm tiếng thời gian. Đâu đây như văng vẳng tiếng hát một bài nhạc Trịnh: *“Sống trong đời sống cần có một tấm lòng. Để làm gì em biết không? Để gió cuốn đi, để gió cuốn đi. Gió cuốn đi cho mây qua dòng sông. Ngày vừa lên hay đêm xuống mênh mông. Ôi, trái tim đang bay theo thời gian. Làm chiếc bóng đi rao lời ...”*

Vâng, gió đã cuốn đi rồi một con người, với nụ cười hiền hòa, với tâm chí đêm ngày không mệt mỏi. Tôi vẫn biết rồi ngày ấy sẽ đến khi nhìn vào ánh mắt ngày mỗi đục mờ vì thân sắc như đã thu vào bên trong thăm thẳm. Nhưng tôi vẫn chưa kịp, vẫn chưa xong những lời hứa và những sự chuẩn bị... Tôi thấy tiếc nuối vì đã mất đi một người đồng hành, một người luôn có mặt và nhiệt tình khi có ai cần giúp đỡ, và hơn thế nữa, tôi đã không còn được nghe những lời động viên nhắc nhở khi tôi khó khăn, lùi bước...

Ở Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý, không ai là không biết đạo huynh Đạt Truyền. Ông là người truyền bá giáo lý qua kinh sách ấn tống, ông còn là người truyền lửa, truyền ngọn lửa nhiệt tâm và tích cực cho mọi người. Đối với ông, sách là bảo vật. Ông trân trọng sách đạo bởi trong ấy chứa đựng

những lời vàng tiếng ngọc của Ông Trên, mà ông tin rằng mọi người theo đó có thể giác ngộ, tìm về ngôi vị. Sách còn là tâm huyết của bao bậc tiền bối đã đúc kết bằng kinh nghiệm bản thân, dẫn đường soi lối cho kẻ hậu sinh. Ông đã ĐẠT được thành công khi TRUYỀN niềm đam mê sách và TRUYỀN niềm tin truyền bá giáo lý giác ngộ người đời qua kinh sách, bằng chứng là ông đã kêu gọi rất nhiều người quyên góp cho quỹ ấn tống kinh sách tại Cơ Quan, và ủng hộ Chương Trình Chung Tay Ấn Tống Kinh Sách Đại Đạo. Trao một quyển sách với một nụ cười thân ái động viên và cả tấm lòng quý mến, đó là hình ảnh đặc trưng của đạo huynh Đạt Truyền.

Ở tuổi bảy mươi bảy, ông làm việc gấp mấy lần thanh niên. Đâu cần đạo huynh có, đâu khó có đạo huynh. Tôi vẫn hay biếng lười đi cúng cửu cầu siêu, đi tịnh nhóm. Đạo huynh là người luôn mẫu mực. Ông đi làm công quả vì tấm tình đồng đạo, vì sự quan tâm chứ không vì sự lập công bồi đức. Chẳng những thăm viếng đồng đạo khi gia đình có tang sự hay có người bệnh, ông còn quan tâm đến những người già yếu hay những đạo hữu vì lý do nào đó ít đến Cơ Quan. Bằng vài quyển sách, một tập san mới ra, và cả qua thư điện tử, ông đã mang đến cho người nhận cả một tấm lòng. Nhìn cung cách ông đến với mọi người, tôi thấy vô cùng trân trọng. Ông đi tịnh, đó là tính kỷ luật bản thân. Phương châm của đạo huynh Đạt Truyền khi sinh thời là *“Không tịnh không ăn cơm”*. Đó còn là niềm vui an lạc của riêng ông trong giờ phút hiệp thông cùng các Đấng thiêng liêng. Khi bắt đầu vào Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý, vì

tuổi đã lục tuần, ông quyết định không đi mà phải chạy. Sức chạy của ông, không thanh niên nào bì kịp. Đi hết 1.350 thánh sở khắp 63 tỉnh thành, ở tuổi lục tuần, khó có ai có thể làm được.

Ông rất cầu tiến nên luôn động viên và giúp đỡ các bạn trẻ đang đi học khi các bạn gặp khó khăn về tài chánh, phương tiện, chỗ ở... Ông rất năng động nên sẵn lòng chia sẻ với mọi người khi được hỏi kinh nghiệm làm việc... Với ông, giúp đỡ mọi người một cách thiết thực là niềm vui, là thức ăn thức uống tinh thần trong đời sống đạo của ông.

Đạo huynh Đạt Truyền là một mẫu mực, là tấm gương cho mọi người về sự thực hành những điều đã học. Sinh thời, ông giữ đúng các nguyên tắc này: “*Nói được làm được*”; “*Làm những việc tầm thường để trở nên phi thường*”.⁽¹⁾ Tôi vẫn còn nhớ như in hình ảnh đạo huynh Đạt Truyền đẩy chiếc xe lăn khi chăm sóc đạo trưởng Chí Tín những ngày cuối đời.⁽²⁾ “Có ai muốn chụp hình với đạo trưởng không?” Ông đã làm cho đạo trưởng khỏe thêm được vài tuần khi cười vui chụp ảnh cùng bọn trẻ. Không có đạo huynh Đạt Truyền, chắc chắn chúng tôi không có những tấm ảnh để đời với cả hai người mà chúng tôi vô cùng kính mến.

⁽¹⁾ Ngày 01-5-1965, Đức Mẹ dạy: “*Các con hãy làm những việc tầm thường để trở nên phi thường...*”

⁽²⁾ Đạo trưởng Chí Tín, thế danh Lê Văn Bá (1918-2008), là Phó Tổng Lý Minh Đạo Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý Đại Đạo.



Ngày vừa lên và đêm đã xuống mênh mông. Trái tim ông đã ngừng đập, trái tim ông đã bay theo thời gian, làm chiếc bóng đi rao lời mến thân. Ông đã làm cho nhiều trái tim phải thổn thức vì thương tiếc. Tạm biệt đạo huynh. Cầu nguyện đạo huynh vững bước trên con đường Bồ Tát Đạo, đi khắp cõi nhân gian để trao gửi thêm nhiều nụ cười, những lời động viên ân cần và những chân tình giúp đỡ. Chúng đệ muội sẽ luôn ghi nhớ thực hiện những lời đã hứa và sẽ tiếp nối những công việc còn dang dở của đạo huynh tại cõi trần này...

TRÚC THẢO
CQPTGLĐĐ, 12-9 Giáp Ngọ

NỖI NIỀM CON HIẾU

Một bạn đọc ở Trảng Bàng (xin được ẩn danh) ngày 23-10-2014 viết cho Ban Ấn Tổng lá thư khá dài, với nỗi niềm tâm sự làm chúng tôi rất cảm động.

Nhận thấy những gì bạn đọc này chân thành bày tỏ cũng rất có thể là nỗi lòng của không ít đạo hữu gần xa trong nhà Đạo, chúng tôi xin trích đăng lá thư ấy, và đăng phần hồi âm của chúng tôi nơi đây. Ước mong rằng quý huynh tỷ, đệ muội trong các họ đạo Cao Đài nếu có cùng nỗi băn khoăn hay cùng cảnh ngộ như người viết thư, sẽ được an lòng, càng củng cố đức tin trên đường tu hành (công quả, công trình, công phu).

Kính gửi Ban Ấn Tổng,

Mấy bữa nay chị em con hay nói về sách của Chương Trình Ấn Tổng. Phải chi trước đây khi ba con còn sống, nếu con biết tới Chương Trình Ấn Tổng sớm và đem sách về quê sớm thì ba con đã có thể được đọc các sách này rồi, chắc là ba mừng lắm.

Chương Trình Ấn Tổng ra đời năm 2008, ba con mất năm 2012. Ba con rất hay đọc sách, tiếng Việt và cả chữ Hán. Có lẽ ba con là một trong số ít người chịu đọc sách tôn giáo của mọi nơi, chứ không phải giới hạn là chỉ đọc những sách do Hội Thánh xuất bản mà thôi.

Ba con rất thích đọc sách mà còn sống thì lại ở Trảng Bàng nên không có nhiều sách để đọc. Nhất là những năm cuối đời, không còn sức khỏe để đi làm công quả chỗ này chỗ kia nữa, phải chịu bó chân trong nhà, ba con hay đi ra, đi vô mà buồn bã. Ôi! Sao mà con nhớ ba con quá!

Bây giờ thấy ai ở quê con chịu đọc sách đạo thì con đi xin sách Ấn Tổng mang về giùm họ. Con cũng hay khuyến khích mấy bạn nhỏ Đạo nhà đọc sách.

Con rất muốn biết ba con bây giờ đang ở đâu. Nhưng làm sao biết được! Nhớ ba, con khóc...

*

BAN ẤN TỔNG: Hiền muội quý mến, không phải ai ai trong nhà Đạo cũng có duyên phước mà biết được linh hồn thân nhân của mình đang ở đâu sau khi từ trần. Tuy nhiên, thời kỳ đại ân xá, nếu chúng ta bấy lâu nay luôn luôn thành tâm tin Thầy tin Đạo, luôn luôn tu hành đúng chánh pháp Cao Đài, thì chúng ta phải tin chắc rằng linh hồn thân nhân chúng ta đang được kề cận các Đấng thiêng liêng để học đạo, và sẽ được Thiên Đình ân phong phẩm vị nơi cõi thiêng liêng hằng sống.

Hiền muội chắc nhớ là trong bài *Kinh Tụng Cha Mẹ Quý Liễu*, câu 27-28 như sau:

Thong dong cõi thọ nương hồn

Chờ con lập đức giúp huân ngôi xưa.

Nghĩa là con cái biết tu hành (*lập đức*) thì công quả đó sẽ giúp cha mẹ quá vãng phục hồi ngôi vị thiêng liêng.

Hiền muội từng đọc sách ấn tống (quyển 52-2: *Tu Cứu Cứu Huyền Thất Tổ*) ắt thừa biết như vậy, phải không?

Ở ngoài Trung, nhân dịp đại lễ Phật Đản năm Bính Thân (1956) Thiên Đình truyền lệnh cho Hội Thánh Truyền Giáo Cao Đài lập đàn cơ tại Báo Ân Đường ở La Hà (Quảng Ngãi) để Trời Phật ban ơn cho các linh hồn đã liễu đạo. Do đó, vào Tý thời mừng 7 tháng 4 Bính Thân (16-5-1956), Đức Phật Tổ giáng cơ chứng lễ và dạy như sau (trích):

*THÍCH Đạo từ bi độ chúng sanh
CA xưng Phật Pháp hưởng ân lành
NHƯ Lai phát nguyện thành Tiên Phật
LAI đáo CAO ĐÀI ngộ đức mình.*

Bản Đạo mừng chư Thiên ân, chư hiền đồ nam nữ.

Bản Đạo vui mừng cơ Đạo được hoằng dương chánh pháp. Người đạo được chí kính chí thành cầu cho tào linh siêu thoát. Nhờ nguyện lực chung mà các chơn hồn vì Đạo bỏ mình được hồng ân tận cứu, hoặc có tội, không tội, hoặc có đạo, không đạo đều được gia phong và tận cứu.

...

Bây giờ Bản Đạo thay mặt tòa Tam Giáo chiếu Thiên Điều, đến để chứng lòng cầu xin. Những người sống có tu, người sống chưa tu mà con cháu hiện nay có Đạo, (...) đều y số nhập môn Tòa Tam Giáo Công Đồng thể lòng từ bi của Chí Tôn, nhứt thiết cứu độ.

...

Bản Đạo mừng và ban ơn chư đạo tâm.

Hiền muội ơi, lời của Đức Phật Tổ như dẫn trên dạy ta hiểu rằng không riêng những người lúc sống có tu, ngay cả những **người lúc còn sống tuy chưa tu mà con cháu hiện nay có Đạo, đang tu theo Cao Đài**, thì tất cả đều vẫn được Đức Chí Tôn và Tòa Tam Giáo từ bi cứu độ linh hồn (*nhứt thiết cứu độ*).

Hiền muội thấy Phật Tổ dạy rõ: *Cha mẹ không tu mà con cái có tu hành thì vẫn được Ôn Trên cứu độ*. Huống chi thân phụ hiền muội trọn đời làm chức việc mẫn cán cho Hội Thánh, cả đời ăn chay trường, dày công quả kiến tạo các thánh sở trong Hội Thánh là đã đủ điều kiện được cứu độ rồi. Ngoài ra, ngày nay chị em hiền muội đều ráng tu học để báo hiếu thì thân phụ hiền muội càng có thêm phước lành để sớm thọ ân của Thiên Đình ban bố.

Chúng ta hiểu rõ giáo lý Kỳ Ba rồi thì phải tin chắc và tin thâm sâu như vậy.

Hàng ngày cúng tứ thời, thương cha mẹ quá vắng thì ta thành tâm cầu nguyện cho các vị. Mỗi khi làm được chút công quả nào dù nhỏ nhất, cũng thành tâm hồi hướng.

Thánh Hiền xưa có câu: *Hoàng Thiên bất phụ hiếu tâm nhân*. Ông Trời chẳng hề phụ lòng những người con hiếu thảo. Mong hiền muội thân tâm thường lạc và tinh tấn tu hành theo chánh pháp Kỳ Ba. Cảm ơn hiền muội tin cậy mà gửi thư chia sẻ việc nhà với Ban Ấn Tổng chúng tôi.

CHỈ LÀ GIẤC BUỚM

Trời biêng biếc sao thu vàng sắc lá
Sắc vàng thu hay hồn tự ngàn xưa
Ta đâu biết ai người quen kẻ lạ
Tự muôn năm về hội ngộ bây giờ.

Ta hiện hữu hay ta là vô định
Ta có không trong vạn thể hình hài
Đường nhân thế mãi loay hoay toan tính
Đi về đâu hỡi cổ vãng kim lai?

Sống hoan hỷ chết cũng là hoan hỷ
Đôi bàn tay sắp ngửa có gì đâu
Vàng cánh bướm hay vàng mơ Trang Tử
Gỗ bôn ca hơn gục mặt u sầu.

Áo danh lợi gió bay từ buổi ấy
Ta ngu si đùa giỡn với thơ ca
Nếu em nhạt, có cần em giữ lấy
Ta cười vang, ta nghèo túng cũng là.

TRẦN DÃ SƠN

MÙA TU Ở RẦY CÀ PHÊ

Đi giữa hoang vu của buổi chiều
Lòng không biên giới để đi u hiu
Se sua tóc rối màu sương cát
Mở rộng vòng tay đón tịch liêu.

Phố thị xa, làng mạc cũng xa
Màu thời gian rộng đến xót xa
Niệm câu danh hiệu, tay lần hạt
Đếm giọt từ bi, giọt ái hà.

Vẫn đến vẫn đi vẫn trở về
Mà như cách trở mấy sơn khê
Đã qua một buổi chiều nương rẫy
Đêm xuống, buồn lên lại nhớ quê.

Quê hương tí tắp tự nơi nào
Có phải bên bờ giấc chiêm bao
Lãng đãng khói mây vương bến cũ
Cồng chiêng dân tộc ngủ rồi sao?

Buổi sáng công phu tắm gội lòng
Cõi đời hao hụt lần đục trong
Kiếp người chìm nổi bao hoang phế
Như nước lao xao lại cạn dòng.

Lạ nhĩ mùa tu ở chốn này
Từng quen với gió với mây bay
Quen từ hốc hẻm, từ con suối
Đến nỗi sợ quen hóa dạn dày.

Nhiều khi gác lại những âu lo
Cứ nghĩ mình như kẻ lái đò
Mong vượt thác ghềnh ra bể rộng
Thênh thang trời nước chốn tự do.

TRẦN DÃ SƠN

Sống Đạo, tập Thu, Giáp Ngọ (2014)

SANG BỜ

Lái đò giục khách xuống thuyền
Lỡ khi sóng lớn lại phiền phức to
Nhưng rồi ông lại buồn xo
Trên còn đông lắm, xuống đò dăm ba.

Sang bờ ta lại thấy ta
Đất trời rộng rãi quê nhà xưa đây
Ngoái trông man mác khói mây
Sông trôi lớp lớp voi đầy ai hay!

TRẦN DÃ SƠN (tháng 10-2014)

ĐI TÌM

Đi tìm mình ở nơi đâu
Trong chơi vơi cõi bạc đầu này chẳng?

Nghe hơi đất thở nhọc nhằn
Nghìn năm trăm tích đã hằn vết roi
Rồi ngày lững chững vành nôi
Vói tay vịn mé vai đời đứng lên

Sâu trong chớp bề mưa rền
Nước từ vô thủy chảy vênh cánh bèo
Xoắn mình làm sợi dây neo
Buộc duyên nợ với đối nghèo trầm kha

Gió từ tiền kiếp thổi qua
Hạt mầm rơi xuống giữa sa mạc tình
Nở thành một đóa vô minh
Cái tâm cùng với cái hình sóng đôi

Lập lòe ngọn lửa ma trôi
Tàn tro vón lại thành người vô duyên
Nghĩa nhưn quán giữa đồng tiền
Cái danh, cái lợi đem xiềng xích nhau

Một hôm nước rẽ chân cầu
Một hôm đất bỗng trắng màu thời gian
Gió rơi vách đá đại ngàn
Lửa rơi xuống nổi bằng hoàng tử sinh

Về ngồi gột vết điêu linh
Soi vào trong bỗng thấy mình hiện thân.

HUỲNH VĂN MUỖI

MIỀN XA XÔI

Con tìm lại dòng sông năm tháng cũ
Có còn không đất bên lở bên bồi
Lúa có lên xanh một thời con gái
Để nhớ ngày khoai sắn bỗng lên ngôi

Ôi mảnh đất đêm đêm rền xe nước
Gió nồm trôi đọt mạ hóng sương khuya
Ngày tháng ba thóc phơi chưa tròn nắng
Chiều gió đông mẹ rũ rượi nông nia

Nước phèn đóng bàn tay đen chua chất
Dảnh mạ non xanh ngợp ngựa đất sinh
Giọt mồ hôi chan mặn mồ con mắt
Lúa trụi trần sờn gai ốc ba sinh

Quần vải thô cụt cùn hơn mái rạ
Áo mỏng manh thần thất gió cơ hàn
Cha cúi xuống tấm lưng mòn hơn nửa
Gánh một đời oằn nặng tiếng ho khan

Nghe rin rít cột kèo đêm trở gió
Bờ phen thưa co rúm khói ngày đông
Mẹ chẻ đời mình như sợi lạt
Buộc xuống đàn con một nuốt long đong

Hạt cơm dẻo từ xương cha máu mẹ
Mãi trời lên, hụp xuống một đời con
Đêm khói bếp lên thương ngày giáp hạt
Góc bụi bờ cuống rạ trỗi xanh khôn.*

HUỲNH VĂN MUỖI

Thánh thất Nam Trung Hòa

Hội Thánh Truyền Giáo Cao Đài

* *Xanh khôn*: Cây lúa tái sinh từ gốc rạ sau mùa gặt.

[HVM chú]

HÀNH HƯƠNG CON TIM

DŨ LAN LÊ ANH DŨNG

Tôi ghé chơi không hẹn trước. Anh chị đang dở tay đóng gói các thứ. Phòng khách vốn không mấy rộng trông càng chật chội hơn vì lủ khủ những gói những thùng. Tôi sực nhớ, đang đầu tháng Mười Hai. Hàng năm, vào tháng này anh chị vẫn quen tổ chức đi làm từ thiện cùng với nhóm bạn đạo. Đi xa, tận những nơi hẻo lánh.

Anh nghỉ tay, tới ngồi đối diện tôi. Chị vào trong mang ra khay trà, tươi cười ngồi xuống cạnh chồng:

- Chúng tôi như thông lệ, sắp đi cao nguyên đây.

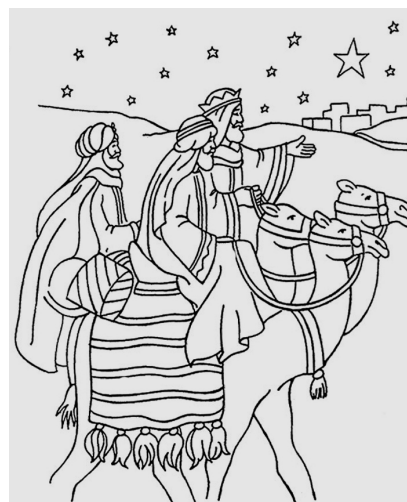
- Em cũng đoán vậy. Nhưng... sao hai bác luôn chọn tháng này?

Anh đáp:

- Bây giờ đang vào mùa Vọng... Vọng Chúa, ông biết đấy. Mà Chúa ở đâu? Đương nhiên Chúa ở mọi nơi, nhưng ta cũng nên học cách để thấy được Chúa trong những người cùng khổ, bậc hạnh, bị bỏ quên bên lề cuộc sống.

Tôi gật đầu:

- Mẹ Têrêsa thành Calcutta bình sinh vẫn bảo rằng mỗi khi chăm sóc một người cùng khổ là Mẹ đang chăm sóc Chúa.



- Tôi nghĩ, đó không phải là tư tưởng sáng tạo của Mẹ Têrêsa, nay là Đức Chân Phước. Mẹ chỉ thực hành Phúc Âm mà thôi. Ông nhớ chứ? Thánh Matthêu chép ở chương 25 rằng khi những người công chính được lên thiên đàng, Chúa bảo họ: “Khi xưa Ta đói, các ngươi đã cho ăn; Ta khát, các ngươi đã cho uống; Ta là khách lạ, các ngươi đã tiếp rước; Ta trần truồng, các ngươi đã cho mặc; Ta đau yếu, các ngươi đã thăm nom; Ta ngồi tù, các ngươi đã đến thăm.” Nghe vậy, những người công chính quá ngạc nhiên, bèn hỏi: “Lạy Chúa, có bao giờ chúng con đã thấy Chúa đói mà cho ăn, khát mà cho uống? Có bao giờ đã thấy Chúa là khách lạ mà tiếp rước, hoặc trần truồng mà cho mặc? Có bao giờ đã thấy Chúa đau yếu hoặc ngồi tù, mà đến thăm đâu?” Chúa giải thích: “Ta bảo thật các ngươi: Mỗi lần các ngươi làm như thế cho một trong những anh em bé nhỏ nhất của Ta đây, là các ngươi đã làm cho chính Ta vậy.”

- Em hiểu rồi. Hai bác và nhóm bạn đạo hàng năm đón mùa Vọng, đón Chúa theo cách riêng... là tìm đến những mảnh đời không may mắn. Tuy nhiên, người cùng khổ bây giờ nhiều lắm, đâu cũng có... Hà tất năm nào cũng phải đi tận những chốn xa xôi?

Trầm ngâm một thoáng, anh đáp:

- Lúc Chúa giáng sinh thì có ba nhà chiêm tinh từ phương Đông đến Giêrusalem, phải vượt qua biết bao dặm dài gian nan vất vả, qua sa mạc núi đồi mới tìm thấy Chúa ở Bêlem. Ông ạ, suy niệm lễ sâu kín ẩn chứa trong sự tích thiêng liêng ấy, nhóm chúng tôi đâu dám quản ngại khi tìm đến những chốn xa xôi hẻo lánh, bởi vì xét ra chính những nơi đó lại càng cần tìm tới hơn cả.

Chị tiếp lời anh:

- Tìm thấy Chúa rồi, ba vị liền bái lạy và đem dâng Chúa những lễ phẩm quý giá nhất mà ba vị đã chuẩn bị sẵn trước khi lên đường. Dĩ nhiên, những tặng phẩm mà nhóm chúng tôi mang tới các nơi xa xôi ấy không thể nào sánh với các bảo vật của ba vị ngày xưa...

Tôi xua tay:

- Không đâu hai bác! Thực chất đó vẫn là những món quà quý giá nhất xét trong ý nghĩa... bởi vì chúng được gói ghém và trao gởi bằng trọn vẹn con tim chân thật của hai bác, của cả nhóm. Vâng, mọi người đang thực hành Bỏ Tắt hạnh, thấy cái khổ của chúng sinh là cái khổ chính mình. Theo em, đi làm từ thiện như thế này nào phải đâu là một công quả tầm thường. Quả thật, đây là cuộc hành hương của con tim.

*Tuần báo Công Giáo và Dân Tộc số 1987-1988
Mừng Giáng Sinh, ra ngày 19-12-2014*

✉ **Hiền hữu Phạm Văn Bang** (đường Cây Điệp, phường Đa Kao, quận 1, TpHCM). Thư ngày 22-8-2014:

GIÓ BÓN PHƯƠNG

*Gió muốn thổi đâu thì thổi.
GIOAN 3:8*

Tôi thấy Văn Uyên tập
Hạnh, quý Hai 2012, ở tr. 6

chú thích (7) giải thích: **Thâm canh** 深更: Canh khuya.
(Một đêm chia làm năm canh, canh ba là giờ Tý.)

Xin vui lòng cho hỏi, tại sao canh ba là giờ Tý?

Huệ Khải: Kính thưa hiền hữu, ca dao có câu: *Nửa đêm, giờ Tý, canh ba / Vợ tôi, con gái, đàn bà, nữ nhi*. Đó là nói giễu cho vui, bởi vì: (a) *Nửa đêm* = giờ Tý = canh ba; và (b) *Vợ* = con gái = đàn bà = nữ nhi (*female*).

Ngày xưa chia một đêm ra năm canh như sau:

Canh 1: Từ 19 giờ đến 20.59 giờ, tức là giờ Tuất.

Canh 2: Từ 21 giờ đến 22.59 giờ, tức là giờ Hợi.

Canh 3: Từ 23 giờ đến 24.59 giờ, tức là giờ Tý.

Canh 4: Từ 01 giờ đến 02.59 giờ, tức là giờ Sửu.

Canh 5: Từ 03 giờ đến 04.59 giờ, tức là giờ Dần.

*

✉ **Thầy giáo Trần Văn Hữu** (Tân Quới Hưng, Trường An, Tp Vĩnh Long). Thư ngày 31-8-2014:

Đại Đạo Văn Uyển, tập Hạnh, quý Hai 2012, ở mục *Gió Bốn Phương*, tr. 198, giải thích: **Đản** (động từ) là sinh ra, như *đản sinh* (*sanh*) 誕生 sinh ra (*to be born*).

Tôi không rõ ông Huệ Khải muốn dùng thể chủ động (*active voice*) hay thể thụ động (*passive voice*) cho phần giải thích trên. Vì nếu ông viết *sinh ra* thì phải chú tiếng Anh là *to give birth*. Còn nếu ông chú tiếng Anh là *to be born* thì tiếng Việt phải viết là *được sinh ra*.

Tôi còn phát hiện ở tập Văn Uyển này, trang 206, dòng 6 từ dưới đếm lên, viết về thánh tịnh Ngọc Kim Thánh Điện, đã in sai ngày **01-3-1012**. Lẽ ra là **01-3-2012** mới đúng.

Huệ Khải: Kính thưa Trần tiên sinh, trước hết xin nhận lỗi đã in sai năm **2012**. Xin cảm ơn tiên sinh sửa lỗi giúp.

Một đặc điểm của tiếng Việt là khi dùng thể bị động (*passive voice*) thường hiểu ngầm chữ **được**. Thí dụ: Ông ấy **sinh ra** ở nông thôn. Nguyễn Du **sinh** năm 1765.

Vậy thì *đản sinh* (*đản sanh*) tức là [được] sinh ra, có thể bỏ chữ **được**.

Chữ Hán 誕生 [đản sinh] dịch ra tiếng Anh là *to be born*. Có thể tham khảo cách dịch này trên Internet, tại đây:

<http://en.bab.la/dictionary/chinese-english/%E8%AF%9E%E7%94%9F>

Kính chúc Trần tiên sinh an hảo và luôn mong ước sẽ nhận thêm góp ý của độc giả đọc sách rất kỹ như tiên sinh.

*

✉ **Hiền tỷ Nguyễn Thị Cảnh** (Giồng Trôm, Bến Tre). Thư ngày 02-9-2014: Tôi thường tụng *Bài Niệm Hương* này:

*Hoàng Thiên chứng chiếu tâm thành,
Mùi hương lư ngọc kinh thanh chín từng.
Khói thơm bay khắp từng bừng,
Lòng thành đệ tử lễ mừng Thiên nhan.
Nguyện cầu Tiên Thánh hội bàn,
Thừa luôn giá hạc giáng đàn chứng trì.
Cúi xin chư Phật từ bi,
Rõ lòng đệ tử (Tý, Mão, Ngọ, Dậu) thì niệm hương.
Nam mô Phổ Hiền Bồ Tát Ma Ha Tát.*

Tôi không hiểu **thừa luôn** là gì! Có người bảo tôi là “thừa long”; *thừa long* (cỡi rồng) thì phù hợp ý nghĩa với phía sau là *giá hạc* (cỡi hạc). Vả lại, khi cúng Thầy, chúng ta đọc câu: *Thời thừa lục long du hành bất tức*. Xin Ban Ấn Tổng giải thích giùm cho tôi rõ nghĩa chỗ này.

Huệ Khải: Thưa hiền tỷ, kinh sách đạo Cao Đài xưa nay vốn hay in sai chánh tả, làm cho câu kinh vô nghĩa. Giá như ai cũng chú ý tìm hiểu như hiền tỷ và không tùy tiện lan truyền văn bản sai chánh tả thì hay biết bao nhiêu.

Câu kinh đó phải viết đúng là: **Thừa lương** giá hạc ...

Giá hạc 駕鶴 là cỡi chim hạc (*to ride a crane*).

Thừa lương 乘涼 là hóng mát (*to enjoy the cool; to relax in a cool place*).

Vậy, thừa lương giá hạc giáng đàn chứng tri nghĩa là cầu xin chư Tiên Phật trong lúc cỡi hạc hóng mát, hãy giáng lâm nơi **đàn** 壇 (bàn thờ: *altar*) để chứng giám (chứng tri, chứng minh) cho lòng thành của môn sanh đang cúng kính.

*

✉ **Hiền tỷ NGUYỄN TUYẾT HẠNH** (không rõ địa chỉ).

Ban Ấn Tống: Thưa hiền tỷ, từ ngày 10-01-2014, đều đặn cách ba tháng sau đó, cứ đúng ngày 10 các tháng 4, 7 và 10 hiền tỷ lại chuyển 500.000 đồng công quả ấn tống qua ngân hàng ACB. Đến nay là bốn lượt (đã ghi phương danh vào các đợt 83, 85, 88, và 92), tổng cộng 2.000.000 đồng. Rất mong hiền tỷ hoan hỷ cho chúng tôi biết số điện thoại để tiện liên lạc. Hiền tỷ vui lòng gửi e-mail qua địa chỉ *daidaovanuyen@gmail.com*; hoặc nhắn tin qua điện thoại số 0909490918. Chúng tôi chân thành cảm ơn hiền tỷ.

*

✉ **Hiền huynh AN DANH** ☎097855540x, gọi lúc 20.55 ngày 11-10-2014.

Ban Ấn Tống: Thưa hiền huynh, rất cảm ơn hiền huynh góp ý về bài *Tiễn Biệt Minh Tâm* trên Văn Uyển tập Hanh (số 10). Chúng tôi đã đính chính trên Văn Uyển số 12 này.

Hiền huynh hỏi hai câu:

(a) Tại sao quyền *Gia Đình Trong Tân Luật Cao Đài* chỉ trích dẫn Kinh Hôn Phối của Hội Thánh Cao Đài Tây Ninh

mà không trích dẫn thêm kinh của các Hội Thánh khác?

(b) Tại sao không nêu ra trường hợp lễ hôn phối đầu tiên do Đức Chí Tôn ban ơn cho hai vị tiền bối khai Đạo là Nguyễn Ngọc Thơ (Thái Thơ Thanh) và Lâm Ngọc Thanh (Hương Thanh) ngày 13-7-1926 tại Tân Định, với bài tứ tuyệt: *Thiên ân thử nhứt tứ thành hôn / Mãn thế bất ly thể dữ hôn / Đạo đức nhứt tâm tu đạo cáo / Chủ trung thị Ngã chí Thiên tôn*.

Chúng tôi xin lần lượt kính trả lời hiền huynh như sau:

(a) Chúng tôi KHÔNG BAO GIỜ phân biệt Hội Thánh này với Hội Thánh kia. Khi trích dẫn Kinh Hôn Phối của Hội Thánh Tây Ninh mà thấy tạm đủ ý để minh chứng (hay minh họa) cho lý lẽ trình bày trong bài viết thì thôi, không dám trích dẫn thêm nhiều bài kinh hôn phối khác, để khỏi làm loãng chủ đề *Gia Đình Trong Tân Luật Cao Đài*.

Trái lại, khi nào viết hẳn một bài khảo cứu riêng về lễ hôn phối trong các Hội Thánh Cao Đài thì chúng tôi ắt sẽ phải cố gắng trích dẫn thật đầy đủ các bài kinh hôn phối của nhiều nơi cho nội dung được phong phú.

(b) Cũng vậy, khi nào khảo cứu riêng về lễ hôn phối trong đạo Cao Đài từ xưa đến nay, ở các Hội Thánh khác nhau, thì chúng tôi chắc chắn sẽ phải kể lại trường hợp độc nhất vô nhị của hai tiền bối Nguyễn và Lâm như nói trên.

Khi chủ nhà dọn bàn đãi tiệc, thực đơn đã ra những món nào thì chỉ nên mời thực khách dùng những món đó. Không thể vì trong nhà hãy sẵn còn có nhiều món khác mà cứ hào phóng bung hết cả ra và bày tất cả lên bàn.

Viết lách cũng vậy. Chủ điểm của bài viết (hay cuốn sách) như thế nào thì người viết phải cố giới hạn mình trong chủ điểm ấy, để khỏi đông dài mà lạc đề, hoặc làm loãng trọng tâm, trọng điểm của bài viết (hay cuốn sách).

Quyển *Gia Đình Trong Tân Luật Cao Đài* vừa mới phát hành trong nhà Đạo chưa đầy nửa tháng và hiền huynh là người đầu tiên, chân tình góp ý kiến sớm nhất, khiến cho chúng tôi rất vui và biết ơn hiền huynh.

Kính chúc hiền huynh thân tâm thường lạc, và mong ước sẽ còn được hiền huynh thường xuyên góp ý thêm cho kinh sách ấn tống của anh chị em áo trắng chúng ta. Trân trọng.

*

✉ **Một hiền huynh hạnh sinh** Hạnh Đường Hưng Đức khóa II (2008-2014), HT Truyền Giáo Cao Đài. Thư 06-9-2014.

Kinh Tận Độ của HT Truyền Giáo Cao Đài (tr. 221, 1995) có bài chú dùng trong cúng chầu tế như sau:

CHÚ TRIỆU THỈNH

Kiết tường hội khải, cam lộ môn khai

Cô hồn Phật tử giáng lâm lai

Văn pháp phó hương trai

Vĩnh thoát luân hồi, u ám nhất thời khai.

Kính nhờ Văn Uyên giải thích giúp ý nghĩa bài chú này.

Lê Anh Minh: Thừa hiền huynh, bài này nguồn gốc bên

đạo Phật, có trong quyển *Du Già Diệm Khẩu Chú Tập Toàn Yếu Nghi Quỹ* 瑜伽餗口註集纂要儀軌:

吉祥會啓

Cát tường hội khải

甘露門開

Cam lộ môn khai

孤魂佛子降臨來

Cô hồn Phật tử giáng lâm lai

聞法赴香齋

Văn pháp phó hương trai

永脫輪回

Vĩnh thoát luân hồi

幽暗一時開

U ám nhất thời khai.

Có nghĩa là:

Hội cát tường [tốt lành] khai mở

Cửa cam lộ mở ra

Cô hồn Phật tử giáng xuống đây

Nghe giảng pháp và dự cỗ chay

Mãi mãi thoát luân hồi

[Ngục Thiết Vi] u ám mở ra.

Cam lộ hiểu theo nghĩa bóng là chánh pháp nhiệm mầu cứu rỗi chúng sinh.

Câu chót tạm hiểu như vậy, vì bài kệ chuông có câu: *Thiết Vi u ám tất giai văn* 鐵圍幽闇必皆聞: [Các linh hồn bị giam trong] ngục sắt (Thiết Vi) tối tăm ắt đều nghe thấy (tiếng chuông).

Nói thêm về nhan đề *Du Già Diệm Khẩu Chú Tập Toàn Yếu Nghi Quỹ* 瑜伽餗口註集纂要儀軌:

Toản yếu 纂要: Tóm tắt, đề cương (*outline*).



Trung Anh Phật Học Từ Điển (A Dictionary of Chinese Buddhist Terms) của William Edward Soothill và Lewis Hodous giảng:

Nghi quỹ 儀軌: Nghi thức 儀式 (*mode, style, manner*).

Diệm khẩu 餓口: *Ulkā-mukha*. Flaming mouth, a hungry ghost or preta, that is represented as appearing to Ānanda in the 救拔餓口餓鬼陀羅尼經 [*Cứu Bạt Diệm Khẩu Ngạ Quỷ Đà La Ni Kinh*].

Ta hiểu như sau: *Diệm khẩu* là quỷ đói, bụng to như núi,

cổ teo tóp nhỏ xú, miệng phun lửa. Một hôm A Nan đang ngồi tĩnh tọa thì diệm khẩu hiện ra, nói rằng ba ngày nữa A Nan sẽ chết. A Nan báo cho Đức Phật biết; nhân đó Phật Tổ thuyết *Cứu Bạt Diệm Khẩu Ngạ Quỷ Đà La Ni Kinh* (gọi tắt là Diệm Khẩu Kinh), đại ý dạy cách thí thực (bố thí thực phẩm) cho âm nhân, cô hồn...

Vậy, *Du Già Diệm Khẩu Chú Tập Toàn Yếu Nghi Quỹ* nghĩa là nghi thức tóm tắt của kinh có chú thích Du Già Diệm Khẩu. (Kinh nào có từ *Du Già* là thuộc Phật Giáo Mật Tông.)

*

✉ **Hiện hữu TRẦN VĂN TUẤN** (Đơn Dương, Lâm Đồng).
Câu hỏi qua e-mail ngày 03-11-2014.

Trong PHÁP CHÁNH TRUYỀN, phần II, về QUYỀN HÀNH CHUỖNG PHÁP, có câu này: “*Vậy chúng nó có quyền xem xét kinh điển trước lúc phổ thông, như **thắng** có kinh luật làm cho hại phong hóa thì chúng nó phải trừ bỏ, chẳng cho xuất bản.*”

Chữ THẮNG này còn gặp ở phần III, về QUYỀN HÀNH ĐẦU SU, có câu này: “*Như **thắng** luật lệ nào nghịch với sự sinh hoạt của nhơn sanh, thì chúng nó đặt câu xin hủy bỏ.*” Xin Văn Uyển vui lòng cho biết THẮNG nghĩa là gì? Tôi lại thấy vài sách in là THỎẢNG, có đúng không?

Huệ Khải: Thừa hiện hữu, chữ THỎẢNG dùng trong hai trường hợp dẫn trên là sai hoàn toàn. Viết đúng phải là

THẮNG 倘 và có nghĩa là *nếu, giả như*. Tương tự, cũng nói THẮNG HOẶC 倘或 = THẮNG NHƯỢC 倘若 (*hoặc giả, ví như, nếu mà*). Tóm lại, trong Pháp Chánh Truyền viết NHƯ THẮNG có nghĩa là *nếu như, giả dụ như, ví như...* (dịch sang tiếng Anh là IF).

*

✉ **Hiền huynh NGUYỄN VĂN ĐẠO** (phường Xuân An, thị xã Long Khánh, tỉnh Đồng Nai). Hỏi qua điện thoại ngày 05-11-2014.

Một số độc giả của Chương Trình Chung Tay Ấn Tổng ở họ đạo Long Khánh (Hội Thánh Cao Đài Tây Ninh) đọc thánh giáo, thấy Ôn Trên về đàn thường hay gọi các vị hầu đàn là *CHƯ NHU*. Quý vị ấy nhờ tôi thay mặt để hỏi Ban Ấn Tổng xem ý nghĩa *CHƯ NHU* là gì.

Huệ Khải: Thưa hiền huynh, NHU tức là Nho 儒, đạo Nho. Để khuyên trẻ con siêng học, ca dao xưa có câu: *Rừng Nhu biển Thánh khôn dò / Nhỏ mà không học, lớn dò sao ra*. Do đó chữ Nho (chữ Hán) cũng gọi là chữ Nhu.

Cô gái miền Nam khi xưa khuyên chàng trai trót thương yêu cô hãy tạm gác lại chuyện ái tình mà chăm lo đèn sách; khi nào thi đậu thì mới tính chuyện trăm năm. Cô khuyên như vậy: *Anh về học lại chữ Nhu / Chín trắng em cũng đợi, mười thu em cũng chờ*.

Nhu / Nho còn dùng để gọi người có học đạo Nho, nói đủ là Nho sĩ, Nho sinh (sanh)...

Chư 諸 là những, các... (*Chư Phật*: các vị Phật; *chư Nhu*: các vị học trò đạo Nho...)

Ngày xưa Nho sĩ, Nho sinh học đạo Nho rồi đi thi; thi đậu thì làm quan. Ngày nay môn đệ Cao Đài cũng là học trò đạo Nho, ráng thực thi chủ trương Nho tông chuyển thế của Tam Kỳ Phổ Độ. Cho nên đạo hữu Cao Đài cũng là *chư Nhu*, cũng đang học hành để đi thi. Ai thi đậu trong kỳ xét tuyển Long Hoa Hội do Đức Phật Vương Di Lạc làm chánh chủ khảo thì sẽ trở về cõi thiêng liêng hằng sống, thọ ân Đức Chí Tôn ban bố.

Vậy, Ôn Trên giảng đàn, gọi chúng ta là *chư Nhu* để nhắc chúng ta nhớ mình đang học đạo, đang thi cử trong kỳ hạ nguơn mặt kiếp. Ôn Trên đã và đang ra đề thi cho chúng ta từng giây từng phút, từng ngày từng tháng từng năm. Xin đọc thêm bài *Đề Thi Chỉ Có Tâm Và Cảnh* của Diệu Nguyên trong quyển *Thiên Đàng Địa Ngục Hai Bên* (quyển 81-1, in năm 2014).

*

✉ **Hiền hữu THIÊN ÂN** (Nxb Tam Giáo Đồng Nguyên, California, Hoa Kỳ). E-mail ngày 06-11-2014.

Tiểu đệ cảm ơn Ban Ấn Tổng đã gửi tặng toàn bộ text, 16 phụ bản màu, và bìa của *Mấy Nhánh Rồi Sau Cũng Một Nhà*. Rất mừng là Chương Trình Chung Tay Ấn Tổng in sách xong sớm, để kịp phát hành nhân dịp kỷ niệm Khai Minh Đại Đạo (rằm tháng 10).

Nhìn hình tiền bối Liên Hoa (phụ bản 13) khiến đệ nhớ

lại những ngày ở Tam Tông Miếu, tiền bối nhanh nhẹn khỏe mạnh, châm cứu rất hay, lo cho phòng thuốc từ thiện ở bên hông chùa. Có lần tiểu đệ bị bệnh (lâu quá nên quên mất là bệnh gì), được tiền bối châm cứu cho, sau đó khỏe hẳn.

Huệ Khải: Thưa hiền hữu, trước đây tôi có một hai lần hân hạnh được gặp và trò chuyện chút ít với tiền bối Liên Hoa (Đàm Thi) tại Tam Tông Miếu. Cụ rất hiền, và khi tôi ngỏ ý muốn mượn cụ bức tranh màu Đức Quan Thánh (in trên quyền lịch của Đài Loan), thì cụ vui vẻ tặng luôn.

*

✉ **Hiền tử HÀ PHƯƠNG** (giáo viên, tín đồ Hội Thánh Bạch Y). Thư Kiên Giang ngày 17-11-2014.

Trong bài phú *Giác Mê Khải Ngộ* của Đức Lý Thái Bạch có hai câu này:

Dùng trí huệ thẳng gươm đao lòng vật chất

Bệnh phong trần, gặp thuốc tiên, chịu khổ truân đường cay mới ĐÃ TẬT.

Có người bảo phải viết là ĐÃ TẬT, vì đã là *giải, làm cho hết*; như *đã rượu* (làm cho hết say), *đã độc* (làm cho hết chất độc). Nhưng có người bảo phải viết là ĐẢ (dấu hỏi), vì đả là đánh; như *đả thương* là đánh cho bị thương tích, *đả hổ* là đánh cọp. Vậy thì đả tật nghĩa là đánh cho chừa bỏ không còn thói hư tật xấu nữa. Kính nhờ Văn Uyên vui lòng cho biết viết thế nào mới đúng.

Huệ Khải: Thưa hiền tử, hai chữ ĐÃ TẬT và ĐẢ TẬT đều không đúng. Viết cho đúng là ĐÃ TẬT.

TẬT 疾 có nghĩa là BỆNH 病, do đó ta còn nói ghép là bệnh tật.

ÁC TẬT 惡疾 là bệnh khó trị, bệnh hiểm nghèo (*nasty disease, fatal illness*). CỐ TẬT 固疾 là bệnh lâu ngày không khỏi (*prolonged illness*).

ĐÃ (dấu ngã, và không phải từ Hán-Việt) có nghĩa là khỏi, dứt, hết. Thí dụ: *Đã thèm* (hết còn thèm), *đã khát* (hết khát nước), *đã nư* (hết còn giận).

Trong *Đại Nam Quốc Âm Tự Vị* (quyển I, Sài Gòn, 1895) của Paulus Huỳnh Tịnh Của (1834-1907), ở mục từ ĐÃ, có dẫn thành ngữ *Đau chóng đã chảy*, và giải thích là “*Tiếng khuyên người bệnh chẳng khá sờn lòng.*” Ta hiểu rằng thành ngữ này có nghĩa: Đau ốm không sớm thì muộn (không chóng thì chảy) cũng sẽ khỏi, sẽ hết bệnh.

Tóm lại, ĐÃ TẬT được ghép bằng một từ Việt (đã) với một từ Hán-Việt (tật), và có nghĩa là *khỏi bệnh, hết bệnh*. Theo nghĩa này, tục ngữ Việt Nam có câu: *Thuốc đắng ĐÃ TẬT.*

*

✉ **Hiền huynh NGUYỄN TRUNG ĐỨC** (Hòa Thành, Tây Ninh). Thư ngày 30-11-2014.

① Trong *Thánh Ngôn Hiệp Tuyển*, quyển I, đàn cơ ngày Samedì 05-6-1926 được lập tại Hội Phước Tự, và Hội

Thánh Tây Ninh ghi chú là chùa ở *Cần Giuộc*. Nhưng trong một quyển sách do CQPTGLĐĐ xuất bản vài năm gần đây lại cho biết chùa này ở *Cần Đước*. Xin vui lòng cho biết rõ hơn về Hội Phước Tự. ② Trong thánh giáo ấy, Đức Chí Tôn dạy: “*Ngã phái Ngọc Đầu Sư chỉ giáo, thọ bửu pháp.*” Rồi Thầy lại dạy: “*Nhữ đẳng tu thọ pháp, tu thọ pháp.*” Vậy *thọ bửu pháp* có khác nghĩa *tu thọ pháp* không?

Huệ Khải: ① Thừa hiền huynh, đàn cơ ấy lập tại Hội Phước Tự ngày Thứ Bảy 05-6-1926. Vào năm 1926 thì chùa thuộc xã Long Trạch, quận Cần Giuộc, tỉnh Chợ Lớn. Tiền bối Nguyễn Ngọc Tương (bấy giờ đang làm chủ quận Cần Giuộc) nhập môn Cao Đài tại chùa này. Bản in của Hội Thánh ghi chú rằng chùa ở Cần Giuộc là đúng rồi.

Năm 1928, Pháp lập quận Cần Đước thuộc tỉnh Tân An. Do phân chia lại địa giới nên chùa thuộc quận Cần Đước. Hiện nay xã Long Trạch thuộc huyện Cần Đước, tỉnh Long An. Thế nên các sách nói rằng chùa ở Cần Đước là đúng theo địa giới hành chánh kể từ năm 1928 cho đến nay.

Năm 1926, trụ trì Hội Phước Tự là tiền bối **Yết Ma Nguyễn Văn Luật** (1869-1948), người làng Phước Hậu, quận Cần Giuộc, tỉnh Chợ Lớn. Ban sơ tiền bối tu học tại chùa Long Huê (quận Gò Vấp, tỉnh Gia Định), pháp danh là Thích Chơn Truyền, thuộc tông Lâm Tế. Quá trình quy hiệp Cao Đài của tiền bối như sau:

Thứ Năm 17-12-1925 (02-11 Ất Sửu), tiền bối Yết Ma Luật đến hầu đàn tại nhà tiền bối Cao Quỳnh Cư ở số 134 đường Bourdais (nay là Calmette, quận 1, TpHCM).

Chủ Nhật 29-8-1926 (22-7 Bính Dần), một đàn cơ lập tại Hội Phước Tự, có mặt các tiền bối Lê Văn Trung, Lê Văn Lịch, Nguyễn Ngọc Thơ, v.v... Đức Chí Tôn thân nhận tiền bối Yết Ma Luật làm đồ đệ, ban phong phẩm Giáo Sư phái Thái. Từ đó, Hội Phước Tự trở thành thánh thất.

Tuân hành thánh lệnh Đức Chí Tôn ngày Thứ Tư 13-10-1926 (07-9 Bính Dần) dạy về việc phổ độ Lục Tỉnh (đất Nam Kỳ), các vị tiền khai Đại Đạo tổ chức thành ba nhóm. Giáo Sư Thái Luật Thanh thuộc nhóm thứ nhì, phụ trách năm tỉnh Bến Tre, Chợ Lớn, Gò Công, Mỹ Tho, và Tân An. Nhóm hai này còn có các tiền bối Lê Văn Hóa, Lê Văn Lịch, Nguyễn Dur Hoài, Nguyễn Ngọc Tương, Nguyễn Trung Hậu (phò loan), Nguyễn Văn Ca, Trần Quang Minh, Trương Hữu Đức (phò loan), và Võ Văn Lý...

Thứ Ba 27-4-1948 (19-3 Mậu Tý), Giáo Sư Thái Luật Thanh quy thiên, được an táng cạnh Hội Phước Tự. Con út của tiền bối là Nguyễn Văn Ta (1910-1950) và người cháu nối tiếp trông coi thánh thất. Về sau Hội Phước Tự trở lại thành chùa Phật như thuở đầu.

② Khi Thầy dạy *thọ bửu pháp* 授寶法, thì **thọ** (thụ) 授 nghĩa là truyền dạy (*to teach, to instruct*). Thí dụ: *thụ khóa* 授課 (dạy học); *truyền thụ* 傳授 (đem tri thức, tài nghệ truyền dạy cho người khác). Nhưng khi Thầy dạy *tu thọ pháp* 修受法, thì **thọ** (thụ) 受 nghĩa là nhận lấy cái gì người khác trao cho (*to receive, to accept*). Vậy, **tu thọ pháp** nghĩa là hãy nên học (bửu) pháp, học tu thiền (tĩnh luyện, công phu). Kính chúc hiền huynh vạn an.



Kinh sách mới ấn tống Quý Ba + Bốn năm 2014:

85-1. GIA ĐÌNH TRONG TÂN LUẬT CAO ĐÀI (Huệ Khải, 5.000 quyển) – Do quý môn sanh Chiếu Minh Long Vân Đàn (Mỹ Tho): ① Chơn linh hiền huynh PHẠM VĂN QUỠI công quả 18 triệu đồng (đợt 88, 90). ② Hiền huynh TRƯƠNG ANH TUẤN công quả 10 triệu đồng (đợt 88).

86-1. MẤY NHÁNH RỐI SAU CÙNG MỘT NHÀ (Thượng Giáo Sư Phạm Văn Liêm, Hội Thánh Truyền Giáo Cao Đài, 5.000 quyển) – Do quý môn sanh Chiếu Minh Long Vân Đàn (Mỹ Tho): ① Hiền tỷ HẠNH LIÊN công quả 60 triệu đồng (ba đợt 88, 90, và 91). ② Hiền huynh NGỘ TRÍ công quả 20 triệu đồng (bốn đợt 72, 77, 82, và 88). ③ Hiền huynh THANH PHƯỚC công quả 11 triệu đồng (tồn đợt 88, và đợt 91). ④ Hiền tỷ TUYẾT HỒNG HƯƠNG công quả 5 triệu đồng (đợt 83).

● **ĐẠI ĐẠO VĂN UYẾN** (Hiệp tuyển thơ văn đạo lý). **Tập Trình [12]** – Quý Bốn năm 2014. Quý vị Mạnh Thường Quân đóng góp nhiều đợt khác nhau. Ban Ấn Tống tổng kết và phân bổ **48.360.000 đồng** từ quỹ chung, để ấn tống 4.000 quyển. Đây là công quả của các vị ân nhân phước danh như sau (Phần A và B):

Phần A: 30 phần x 500.000 đồng / phần = 15.000.000 đồng.

1. ĐT BÙI THỊ CẢNH, ĐT TRẦN THỊ SON (TTi Ngọc Điện Huỳnh Hà). Hối hướng cứu huyền thất tổ. Gởi đợt 91.
2. ĐH ĐẶNG VĂN CHÂU (TTi Ngọc Lâm Tiên Đàn): Định Quán, Đồng Nai. Gởi đợt 48A.
3. ĐT HẠNH, hối hướng thân phụ (cố ĐH Võ Hiệp Kính). Gởi đợt 93.
4. ĐT HUỲNH THỊ ĐỒNG CHI (TTi Ngọc Minh Đài). Hối hướng cứu huyền thất tổ. Gởi đợt 91.

5. ĐT HUỲNH THỊ TUYẾT LOAN: (TTi Đông Cung Bạch Long): An Thủy. Gởi đợt 93.
6. Đạo hữu LÊ CẨM PHƯƠNG (TT Trung Hòa). Gởi đợt 91.
7. ĐT LÊ THỊ THANH PHƯỢNG (TT Đô Thành). Hối hướng chơn linh ĐH Phan Văn Hưởng và cứu huyền thất tổ. Gởi đợt 88, 91.
8. Quý đạo hữu Chiếu Minh: MINH AN (100,000), MINH ANH (200,000), MINH HỒNG (200,000). Gởi đợt 93.
9. ĐH QUÁCH NGỌC THANH: Tên lửa, Bình Tân. Gởi đợt 93.
10. Giáo Hữu THƯỢNG HƯNG THANH (Chánh Hội Trưởng Tam Cảnh Tịnh). Gởi đợt 63.
11. ĐH TỔNG HÒA SƠN (TTi Ngọc Minh Đài). Gởi đợt 73, 83, 90.
12. Đạo hữu TRÀ VINH (HT Ban Chính Đạo, Anh Lớn Thượng Phẩm chuyển giúp): Gởi đợt 82
13. ĐT TRẦN KIM NHUNG (TT An Phú Tây, Ban Chính Đạo): KP 4, TTr Tân Túc, Bình Chánh. Gởi đợt 82.
14. ĐH TRẦN MINH TƯỜNG (Tam Cảnh Tịnh). Gởi đợt 90.
15. Cháu TRẦN THANH MAI (con ĐT Lê Hà Thị Thủy, TT Trung Hòa) Gởi đợt 91.
16. ĐT TRẦN THỊ DIỄM KHÁNH (TT Quận 8, HT Ban Chính Đạo). Gởi đợt 82.
17. ĐT TRẦN THỊ KIM THỦY (xã đạo Buôn Hồ, TT Trung Hòa): Gởi ACB 10-02, đợt 84.
18. ĐT TRẦN THỊ ÁNH TUYẾT (Hà Tiên). Gởi đợt 86.
19. ĐT TRẦN THỊ NĂM (thánh thất Trung Đồng): Gởi ACB 12-02, đợt 84.
20. ĐT TRẦN THỊ THANH LOAN: Điện Biên Phủ, Q10, TpHCM. Hối hướng chơn linh chống (ĐH Trần Minh Hùng, 47 tuổi). Gởi đợt 90.
21. ĐH TRẦN VĂN HOÀNG (TTi Điều Trì Cung): QL 60, ấp 1, Sơn Đông, BT. Gởi đợt 90.
22. Giác linh ĐT TRƯƠNG THỊ ĐÀI (TTi Ngọc Linh, HT Tiên Thiên). Gởi đợt 83.
23. Thánh thất TỬ QUANG (HT Truyền Giáo): Gởi đợt 83.
24. ĐH VÕ THANH PHÚC (TT Ngũ Phụng). Phú Quý, Bình Thuận. Gởi đợt 83.
25. ĐT VÕ THỊ BÍCH KIỂU (Bình Dương). Gởi đợt 82, 83, 84.
26. ĐT VÕ THỊ CHI (TTi Ngọc Chiếu Đàn, Lái Thiêu. Bình Dương). Đợt 90.
27. ĐT VÕ THỊ PHƯỢNG (TT Trung Chính). Gởi đợt 86.
28. ĐH VÕ VĂN ĐỨC (TT Bảo Thuận, HT Ban Chính Đạo): Ba Tri, Bến Tre. Gởi đợt 93.
29. ĐH VÕ VĂN PHÚ: Ấp 4, Nhà Bè. Gởi đợt 89
30. ĐH VÕ VĂN VÕ (TT Trung Chính). Gởi đợt 82.

Phần B: 23 phần = 33.360.000 đồng.

01	ĐT ĐINH THỊ OANH (TT Trung Dương). Gởi đợt 93.	1,000,000
02	Gia đình ĐH LÊ VĂN HỒNG (TT Tam Thôn Hiệp): ấp An Lộc, Tam Thôn Hiệp, Cần Gière, TpHCM. Gởi đợt 92.	1,000,000
03	ĐH TRẦN BỬU LONG (CQPTGLĐĐ). Gởi đợt 94.	1,000,000
04	Tịnh xá NGỌC THANH (3/47A ấp 1, xã Đông Thạnh, Đông Thạnh, Hóc Môn). Gởi đợt 82 = 500.000 VND; đợt 83= 300.000; đợt 91= 255.000.	1,050,000
05	ĐH NGUYỄN THANH LƯƠNG (TT Trung Nam) và ĐH NGUYỄN THANH ĐƯỜNG (Gò vấp). Hồi hướng chơn linh thân phụ là Truyền Trạng Nguyễn Chơn Tâm (1930-1992, HT Truyền Giáo). Gởi đợt 32, 81.	1,100,000
06	ĐT NGUYỄN THỊ MƯỢT (TTi Ngọc Thanh Quang): Trung Trạch, Trung Thành, Vũng Liêm, Vĩnh Long. Gởi đợt 60, 65, 67, 77, 79 (hai lần), 81.	1,100,000
07	ĐH PHẠM NGÔ TOÀN (TTi An Hòa). Gởi đợt 58, 68, 85.	1,100,000
08	ĐT TÂM LIÊN HƯƠNG (Sáu Phỉ, Tân Minh Quang). Gởi đợt 50, 90.	1,100,000
09	Đại Đức THÍCH MINH TRÍ Nguyễn Hoàng Tân (chùa Liên Hoa, Q11). Gởi đợt 74, 76, 87.	1,100,000
10	ĐT NGUYỄN THỊ ANH (TT Trung Hiến): Phạm Phú Thứ, P11, Tân Bình. Gởi đợt 34, 54, 60, 88.	1,120,000
11	CHÍ THIÊN ĐÀN (KHỔNG THÁNH MIẾU, MINH ĐỨC NHO GIÁO). Gởi đợt 85.	1,200,000
12	KHỔNG THÁNH MIẾU (Trà Vinh). Gởi đợt 91.	1,200,000
13	ĐT ĐỖ NGUYỄN HỒNG DUNG, ĐT NGUYỄN THỊ HỒNG (TT Tân Định, HT Cầu Kho - Tam Quan). Gởi đợt 59, 60, 88, 90 (2 lần), 91, 92, 93.	1,400,000
14	Họ đạo BỔNG LAI, NGỌC CHIẾU ĐÀN, NHƯ Ý LINH THẦN ĐÀI (Bình Dương). Gởi đợt 89.	1,500,000
15	ĐT PHẠM THỊ KIM THOA (TTi Hiến Thiện Vô, HT Tiên Thiên): Cẩm Sơn, Cai Lậy. Hồi hướng thân phụ (ĐH Phạm Văn Vĩnh). Gởi đợt 66, 79, 87, 89, 91.	1,500,000

16	ĐH HỒ ĐẠO HẠNH (TT Tây Thành). Hồi hướng chơn linh thân mẫu (ĐT Bạch Diệu Tâm). Gởi 22-8. (100 dollars Canada. Ngày 24-8 đổi được 1,925,000 VNĐ.)	1,925,000
17	Thánh thất BẢO CHÂU (Úc). Gởi đợt 90. (100 dollars Úc. Ngày 23-8 đổi được 1,965,000 VNĐ.)	1,965,000
18	BAN PHƯỚC THIÊN (TT Trung Minh): 609-611 Bình Thới, Q11. Gởi đợt 90. Công quả quý 3 năm 2014.	2,000,000
19	Cao Đài Tp HẢI NỘI. Anh Lớn Nguyễn Thượng Phẩm chuyển giúp. Gởi đợt 83, 89.	2,000,000
20	ĐT HỒ THỊ Ý (TT Trung Hiến). Gởi đợt 90.	2,000,000
21	HỘI NHÂN ÁI – ĐH TRẦN MINH SƠN PHÚ: Giồng Trôm, Bến Tre. Gởi đợt 90.	2,000,000
22	ĐT HUỲNH THỊ NGỌC NGA (TT Trung Hiến). Hồi hướng chơn linh ĐH Huỳnh Ngọc Chấn (TT Trung Hiến, 79 tuổi). Gởi 30-8. Gởi đợt 90.	2,000,000
23	ĐT VÕ NGỌC ĐIẾP (TT Hậu Nghĩa): Đức Hòa, Đức Huệ, Long An. Gởi đợt 84, 86, 87, 88, 89, 90, 91, 92, 93, 94.	2,000,000

PHƯƠNG DANH QUÝ VỊ MẠNH THƯỜNG QUÂN CÔNG QUẢ ẤN TỐNG

Đợt Chín Mười Mốt: Từ ngày 01-9-2014 đến ngày 30-9-2014

Môn sanh, đạo tâm:

01	Đạo hữu ẤN DANH. Gởi 07-9.	400,000
02	Chơn linh Lễ Sanh HƯƠNG TRẨM (TT Bình Thạnh): TT Thạnh Phú, Bến Tre.	300,000
03	Tịnh xá NGỌC THANH (Hóc Môn). Gởi 07-9.	250,000
04	ĐT VÕ THỊ HẠNH (TT Bàu Sen), ĐT VÕ THỊ THU CÚC, ĐH PHAN GIA QUANG TRUNG, ĐH BÙI THU NGÂN: Nguyễn Văn Cừ, P Nguyễn Cư Trinh, Q1, TpHCM. Gởi 08-9.	200,000
05	ĐT TRẦN THỊ ĐỒNG. Gởi 21-9.	100,000
06	ĐT VÕ THỊ NGỌC LOAN. Gởi 27-9.	100,000
CAO ĐÀI CHIẾU MINH – LONG VÂN ĐÀN (Mỹ Tho) = 75 TRIỆU.		
07	ĐT HẠNH LIÊN (Long Vân Đàn). Gởi 08-9.	5,000,000
08	ĐT HỒNG LIÊN HƯƠNG (Long Vân Đàn). Gởi 08-9.	10,000,000
09	ĐT HUỲNH THỊ BÉ BA (Long Vân Đàn). Gởi 08-9.	10,000,000
10	ĐT HUỲNH THỊ DỪNG (Long Vân Đàn). Gởi 08-9.	30,000,000
11	ĐH THANH PHƯỚC (Long Vân Đàn). Gởi 08-9.	10,000,000
12	ĐH TRẦN VĂN DANH (Long Vân Đàn). Gởi 08-9.	10,000,000

HỘI THÁNH CAO ĐÀI BAN CHÍNH ĐẠO

13	ĐT LÊ THỊ THANH PHƯỢNG (TT Đô Thành). Hối hướng cứu huyền thất tổ. Gởi 27-9.	300,000
14	ĐH VÕ VĂN BIỂN (Trà Vinh). Gởi 09-9.	100,000

HỘI THÁNH CAO ĐÀI CẦU KHO – TAM QUAN

15	ĐT ĐỖ NGUYỄN HỒNG DUNG (TT Tân Định). Gởi 27-9.	200,000
----	---	---------

HỘI THÁNH CAO ĐÀI TÂY NINH

16	ĐT V.Ng.Đ. (TT Hậu Nghĩa): Đức Hòa, Đức Huệ, Long An. Gởi ACB (05-9).	200,000
17	ĐH VÕ TRUNG HẬU (Tây Ninh). Gởi 02-9.	200,000

HỘI THÁNH CAO ĐÀI TIỀN THIÊN

18	ĐT BÙI THỊ CẢNH, ĐT TRẦN THỊ SON (TTi Ngọc Điện Huỳnh Hà). Hối hướng cứu huyền thất tổ. Gởi 08-9.	500,000
19	ĐT HUYNH THỊ ĐỒNG CHI (TTi Ngọc Minh Đài). Hối hướng cứu huyền thất tổ. Gởi 08-9.	500,000
20	ĐT NGUYỄN THỊ NGỌC NHÂM (TTi Hiền Thiện Vô): Gởi 28-9.	300,000
21	ĐT PHẠM THỊ KIM THOA (TTi Hiền Thiện Vô): Cẩm Sơn, Cai Lậy. Gởi 25-9.	300,000

HỘI THÁNH TRUYỀN GIÁO CAO ĐÀI

22	ĐT ĐẶNG PHƯỚC NGUYỆT CÁT (TT Từ Vân). Gởi 03-9.	50,000
23	ĐT ĐINH THỊ KHANH: CTS xã đạo La Ngà, TT Trung Bảo, Đồng Nai. Gởi 03-9.	100,000
24	ĐT NGUYỄN THỊ H. (Orange County, CA, USA). Hối hướng chơn linh ĐH Vũ Hoàng, chơn linh ĐH Dương Hường và chơn linh ĐT Nguyễn Thị Ngọc (TT Trung Dương). Gởi 16-9.	6,000,000
25	Đạo hữu LÊ CẨM PHƯƠNG (TT Trung Hòa). Gởi ACB 12-9.	500,000
26	Cháu TRẦN THANH MAI (con ĐT Lê Hà Thị Thủy, TT Trung Hòa) Gởi ACB 12-9.	500,000

MINH ĐỨC NHỎ GIÁO

27	KHỔNG THÁNH MIẾU (Trà Vinh). Gởi 05-9.	1,200,000
----	--	-----------

Tổng cộng: **87,300,000 VNĐ****Đợt Chín Mươi Hai: Từ ngày 01-10-2014 đến ngày 31-10-2014****Môn sanh, đạo tâm:**

01	ĐT ĐỖ NGUYỄN HỒNG DUNG, ĐT NGUYỄN THỊ HỒNG (TT Tân Định). Gởi 26-10.	200,000
02	ĐT NGUYỄN TUYẾT HẠNH. Gởi ACB 10-10.	500,000
03	Lễ Sanh THÁI HÒA THANH (họ đạo TP Vũng Tàu). Gởi 03-10.	200,000
04	ĐT VÕ THỊ HẠNH (TT Bàu Sen), ĐH PHAN GIA QUANG TRUNG, ĐH BÙI TRÍ NHÂN, ĐH PHAN VŨ HẬU TRÚNG: Nguyễn Văn Cừ, P Nguyễn Cư Trinh, Q1, TPHCM. Hối hướng cứu huyền thất tổ. Gởi 24-10.	200,000

HỘI THÁNH CAO ĐÀI BAN CHÍNH ĐẠO

05	Giác linh ĐT BÙI THỊ XỸ (sinh 1917, quy 29-02 Quý Ty, tức 09-4-2013), TT Trường An, Vĩnh Long. Gởi ACB 08-10.	10,000,000
----	--	------------

06	Gia đình ĐH LÊ VĂN HỒNG (TT Tam Thôn Hiệp): ấp An LộcCần Giời. Gởi 12-10.	1,000,000
07	Thánh thất LỘ ĐỒ: Bùi Minh Trực, P5, Q8, TPHCM. Gởi 12-10.	200,000
08	Gia đình LÊ Sanh NGỌC ĐĂNG THANH và LÊ Sanh HƯƠNG TRINH (TT Bình Hòa). Gởi 16-10.	2,000,000
09	ĐT PHẠM THỊ PHƯỢNG (TT Tam Thôn Hiệp), Cần Giời: Gởi 12-10.	300,000
10	Thánh thất PHƯỚC LẠI: Cần Giuộc, Long An. Gởi 12-10.	200,000
11	Thánh thất TAM THÔN HIỆP: Cần Giời. Gởi 12-10.	300,000

Họ đạo Nhựt Chánh = 7,7 triệu đồng.

12	ĐT NGUYỄN THỊ MINH GIANG (TT Nhựt Chánh). Gởi 22-10. Gởi đợt 92.	1,000,000
13	ĐH NGUYỄN VĂN CƯỜNG (TT Nhựt Chánh). Gởi 22-10. Gởi đợt 92.	100,000
14	Cháu PHẠM GIA HUNG (TT Nhựt Chánh). Gởi 22-10. Gởi đợt 92.	100,000
15	Cháu PHẠM NHỰT TRƯỜNG (TT Nhựt Chánh). Gởi 22-10. Gởi đợt 92.	1,000,000
16	Cháu PHẠM QUẾ TRÂM (TT Nhựt Chánh). Gởi 22-10. Gởi đợt 92.	1,000,000
17	ĐH PHẠM THÁI HÒA (TT Nhựt Chánh). Gởi 22-10. Gởi đợt 92.	500,000
18	ĐH PHẠM THANH LONG (TT Nhựt Chánh). Gởi 22-10. Gởi đợt 92.	900,000
19	ĐT PHẠM THỊ DIỄM HƯƠNG (TT Nhựt Chánh). Gởi 22-10. Gởi đợt 92.	900,000
20	Cháu PHẠM THỊ QUỲNH HƯƠNG (TT Nhựt Chánh). Gởi 22-10. Gởi đợt 92.	200,000
21	ĐH PHẠM TRUNG QUỐC (TT Nhựt Chánh). Gởi 22-10. Gởi đợt 92.	1,000,000
22	ĐH PHAN THÀNH TÂM (TT Nhựt Chánh): Bến Lức. Gởi 25-10.	500,000
23	ĐH PHẠM QUANG TRUNG (TT Bình Lập, BCD): Long An. Gởi 25-10.	500,000

HỘI THÁNH CAO ĐÀI CẦU KHO – TAM QUAN

24	ĐH NGUYỄN VĂN TRINH (TT Mỹ Thọ). Hối hướng song thân Nguyễn Hữu Cầu và Nguyễn Thị Hoa siêu sanh tịnh độ.	2,000,000
----	---	-----------

HỘI THÁNH CAO ĐÀI TÂY NINH

25	ĐH CAO VĂN NGHÉO (HT Tây Ninh). Gởi 27-10.	2,100,000
26	ĐT V.Ng.Đ. (TT Hậu Nghĩa): Đức Hòa, Đức Huệ, Long An. Gởi ACB (03-10).	200,000

HỘI THÁNH TRUYỀN GIÁO CAO ĐÀI

27	ĐH LÊ TRỌNG TÍN (TT Trung Nam). Phan Chu Trinh, Vũng Tàu. Gởi ba lần.	2,000,000
----	---	-----------

Tổng cộng: **29,100,000 VNĐ****Đợt Chín Mươi Ba: Từ ngày 01-11-2014 đến ngày 30-11-2014****Môn sanh, đạo tâm:**

01	Đạo hữu ẨN DANH (Hoa Kỳ). Hiến hữu Nguyễn Thanh Long (CQPTGL) chuyển 09- 11. (Công quả 400 Mỹ kim = 8,540,000 VNĐ, quy đổi ngày 10-11.)	8,540,000
02	ĐT HẠNH, hối hướng thân phụ (cố ĐH Võ Hiệp Kính).	500,000

CAO ĐÀI CHIẾU MINH

03	Quý đạo hữu MINH AN (100,000); MINH ANH (200,000); MINH HỒNG (200,000). Gởi 02-11.	500,000
----	---	---------

CƠ QUAN PHỔ THÔNG GIÁO LÝ ĐẠI ĐẠO

3 bis	Chơn linh ĐH ĐẠT TRUYỀN. Gởi 30-11.	5,000,000
-------	-------------------------------------	-----------

HỘI THÁNH CAO ĐÀI BẠCH Y LIÊN ĐOÀN CHƠN LÝ

04 ĐH QUÁCH NGỌC THANH: Tên Lửa, Bình Tân. Gởi 06-11. 500,000

HỘI THÁNH CAO ĐÀI BAN CHÍNH ĐẠO

05 ĐH VÕ VĂN ĐỨC (TT Bảo Thuận): Ấp 5, Bảo Thuận, Ba Tri, Bến Tre. Gởi 22-11. 500,000

HỘI THÁNH CAO ĐÀI CẦU KHO – TAM QUAN

06 ĐT ĐỖ NGUYỄN HỒNG DUNG (TT Tân Định). Gởi 24-11. 200,000

HỘI THÁNH CAO ĐÀI TÂY NINH

07 ĐT V.Ng.Đ. (TT Hậu Nghĩa). Gởi ACB 08-11. 200,000

HỘI THÁNH CAO ĐÀI TIÊN THIÊN

08 ĐT HUỖNH THỊ TUYẾT LOAN: (TTi Đông Cung Bạch Long): An Thủy, Ba Tri. Gởi 22-11. 500,000

09 ĐH PHÙNG VĂN PHÚ (TTi Đông Cung Bạch Long): Gởi 22-11. 200,000

10 ĐH TRẦN VĂN PHU (TTi Ngọc Lâm Tiên Đàn): Ấp 5, Phú Lập, Tân Phú, Đồng Nai. 200,000
Gởi 05-11.

HỘI THÁNH TRUYỀN GIÁO CAO ĐÀI

11 ĐT ĐINH THỊ OANH (TT Trung Dương, Lâm Đồng). Gởi ACB ngày 03-11. 1,000,000

12 PTS VÕ NGỌC OANH (TT Trung Bảo): xã đạo Cây Gáo, Đồng Nai. Gởi 05-11. 100,000

Tổng cộng: **17,940,000 VNĐ**

ĐÍNH CHÍNH**85-1. Gia Đình Trong Tân Luật Cao Đài:**

Trang 51, dòng 2. In sai: 101 pages 14,8x22,2cm. Sửa lại: 101 pages 14,8x22,2cm.

Đại Đạo Văn Uyên, tập Hanh (10), quý Hai 2014:

Trang 225, dòng 8 từ dưới đếm lên. In sai: Lễ Sanh Thái An Bang. Sửa lại: Lễ Sanh Thái Bang Thanh.

Đại Đạo Văn Uyên, tập Lợi (11), quý Ba 2014:

Trang	Dòng	Đã in sai	Sửa lại
86	3	được du nhập vào Việt Nam đầu đời Nguyễn.	được du nhập vào Việt Nam trong những thế kỷ đầu tiên cho tới đời Nguyễn.
108	7	2000: Khánh thành	2010: Khánh thành

Chân thành tạ lỗi quý tác giả và quý đạo hữu. **Ban Ấn Tổng.**

ĐẠI ĐẠO TAM KỲ PHỔ ĐỘ
CHƯƠNG TRÌNH CHUNG TAY ẤN TỔNG KINH SÁCH ĐẠI ĐẠO

**ĐẠI ĐẠO VĂN UYÊN**

Hiệp tuyển thơ văn đạo lý. HUỆ KHẢI chủ biên.

Tập Trình (12), quý Bốn năm 2014

NHÀ XUẤT BẢN TÔN GIÁO

53 Trảng Thi, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội

☎ (04) 37822845 – Fax: (04) 37822841

Email: nhaxuatbantonggiao@gmail.com

Chịu trách nhiệm xuất bản:

Giám Đốc - Tổng Biên Tập: NGUYỄN CÔNG OÁNH

Biên tập: LÊ HỒNG SƠN

Vẽ bìa: LÊ ANH THƯ. *Trình bày và kỹ thuật:* NGHÊ DŨ LAN

Sửa bản in: LÊ ANH MINH, DIỆU NGUYỄN, NGÔ BÁI THIÊN

Bìa 1: Thánh thất Thiên Cảnh Đàn (Cà Mau),

thuộc Hội Thánh Cao Đài Minh Chơn Đạo. Ảnh: Lê Quốc Việt.

Bìa 4: Thánh thất Trung Hiến (TpHCM),

thuộc Hội Thánh Truyền Giáo Cao Đài. Ảnh: Nguyễn Sanh.

In bốn ngàn bản, khổ 14,5 x 20,5cm, tại Xí Nghiệp In FAHASA:

774 Trường Chinh, phường 15, quận Tân Bình, TpHCM.

☎ (08) 38153971 – Fax: (08) 38153297

Số xuất bản **53-2014/CXB/233-01/TG.**

Mã số ISBN: **978-604-61-0898-6**

Quyết định xuất bản số **861/QĐ-TG**, ngày 17-12-2014.

In xong và nộp lưu chiểu quý Bốn năm 2014.

SÁCH ẤN TỔNG (KHÔNG BÁN)

Tổng phát hành: Hiền huynh TRẦN VĂN QUANG

số 59/79 Trần Phú, phường 4, quận 5, TpHCM. ☎0913613653

Thư từ, bài viết... xin gởi về: **daidaovanuyen@gmail.com**